

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN THỊ THU BA

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY NGHỆ THUẬT
MÚA CƠ TU Ở TỈNH QUẢNG NAM

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ VĂN HÓA

Khóa 3 (2015 – 2017)

Hà Nội, 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG

NGUYỄN THỊ THU BA

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY NGHỆ THUẬT
MÚA CƠ TU Ở TỈNH QUẢNG NAM

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Quản lý Văn hóa

Mã số: 60.31.06.42

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS.NSND Lê Ngọc Canh

Hà Nội, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài “*Bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam*” là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Đề tài này người viết chưa công bố ở bất kỳ nơi đâu và không trùng lặp với bất kỳ đề tài nào đã được công bố. Một số thông tin liên quan, số liệu và trích dẫn đều được ghi rõ tại phần tài liệu tham khảo và phụ lục trong luận văn.

Tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về cam đoan này.

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2017

Tác giả

Nguyễn Thị Thu Ba

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CLB	: Câu lạc bộ
DTTS	: Dân tộc thiểu số
DSVHPVT	: Di sản văn hóa phi vật thể
HĐND	: Hội đồng nhân dân
GS	: Giáo sư
NQ-HĐND	: Nghị quyết Hội đồng nhân dân
NSND	: Nghệ sỹ nhân dân
NSƯT	: Nghệ sỹ ưu tú
Nxb	: Nhà xuất bản
PGS. TS	: Phó giáo sư, Tiến sỹ
PTDTNT	: Phổ thông dân tộc nội trú
QĐ	: Quyết định
QĐ – TTg	: Quyết định của Thủ tướng chính phủ
SVHTT&DL	: Sở Văn hóa Thể thao và du lịch
Tr	: Trang
TS	: Tiến sỹ
UBND	: Ủy ban nhân dân
UNESCO	: Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa thuộc liên hợp quốc
VHDG	: Văn hóa dân gian
VHPVT	: Văn hóa phi vật thể
VH-TT	: Văn hóa thông tin

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN BẢO TỒN, PHÁT HUY NGHỆ THUẬT MÚA, TỔNG QUAN VỀ TỘC NGƯỜI CƠ TU VÀ NGHỆ THUẬT MÚA CƠ TU Ở TỈNH QUẢNG NAM.....	9
1.1. Cơ sở lý luận	9
1.1.1. Khái niệm di sản văn hóa.....	9
1.1.2. Một số khái niệm bảo tồn và phát huy	12
1.2. Tổng quan về tộc người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam	18
1.2.1. Tộc người	18
1.2.2. Địa bàn cư trú.....	18
1.2.3. Môi trường sống của cộng đồng Cơ Tu	20
1.2.3.1. Môi trường tự nhiên	20
1.2.3.2. Môi trường văn hóa.....	20
1.2.3.3. Môi trường xã hội	21
1.2.3.4. Môi trường lao động	22
1.2.4. Văn hóa phi vật thể	23
1.2.5. Văn hóa vật thể.....	27
1.3. Khái quát về nghệ thuật múa Cơ Tu	29
1.3.1. Khái quát về nghệ thuật múa.....	29
1.3.2. Nguồn gốc múa Cơ Tu.....	30
1.3.3. Vai trò nghệ thuật múa Cơ Tu với đời sống văn hóa tinh thần của tộc người Cơ Tu	32
Tiểu kết 1	35
Chương 2: THỰC TRẠNG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY NGHỆ THUẬT MÚA CƠ TU Ở TỈNH QUẢNG NAM	37
2.1. Nghệ thuật múa tộc người Cơ Tu.....	37

2.1.1. Hệ thống tổ chức bộ máy	37
2.1.2. Cơ chế hoạt động.....	38
2.1.3. Công tác chuẩn bị.....	39
2.1.4. Hình thức biểu diễn	40
2.1.5. Không gian biểu diễn	41
2.1.6. Đặc trưng nghệ thuật múa Cơ Tu.....	42
2.2. Các giá trị văn hóa của nghệ thuật múa Cơ Tu ở Quảng Nam	46
2.2.1. Giá trị nhân văn.....	46
2.2.2. Giá trị thẩm mỹ	46
2.2.3. Giá trị tâm linh	48
2.3. Thực trạng bảo tồn, phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu hiện nay	50
2.3.1. Công tác nghiên cứu sưu tầm.....	51
2.3.2. Khôi phục truyền dạy	53
2.3.3. Công tác tuyên truyền quảng bá.....	56
2.3.4. Tổ chức biểu diễn múa Cơ Tu gắn với du lịch	58
2.3.5. Chế độ chính sách đối với nghệ nhân	60
2.3.6 Phát huy giá trị của nghệ thuật múa Cơ Tu trong đời sống văn hóa cộng đồng	61
2.4. Đánh giá chung	62
2.4.1. Những ưu điểm.....	62
2.4.2. Hạn chế.....	64
Tiểu kết 2.....	64
Chương 3: GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY NGHỆ THUẬT MÚA CƠ TU Ở TỈNH QUẢNG NAM.....	66
3.1. Xu hướng biến đổi của múa Cơ Tu.....	66
3.2. Định hướng bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu.....	68

3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu ở Quảng Nam	71
3.3.1. Nâng cao nhận thức.....	72
3.3.2. Cơ chế, chính sách	74
3.3.3. Xây dựng nguồn lực.....	77
3.3.4. Khai thác tuyên truyền, truyền dạy, tư liệu hóa.....	78
3.3.5. Vai trò cộng đồng bảo tồn, phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu đối với phát triển du lịch.....	83
3.3.6. Kiểm tra, đánh giá	86
Tiểu kết 3.....	87
KẾT LUẬN	89
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	92
PHỤ LỤC	94

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Văn hóa là nền tảng sinh hoạt tinh thần của con người trong xã hội, phản ánh trình độ phát triển của mỗi cộng đồng, mỗi dân tộc. Dân tộc Cơ Tu là một trong 54 cộng đồng các dân tộc Việt Nam có truyền thống văn hóa đặc biệt mang đậm bản sắc riêng. Theo điều tra dân số, tộc người Cơ Tu cho đến thời điểm năm 2009 có khoảng 61.588 người. Riêng tỉnh Quảng Nam có tới 45.715 người, chiếm 74,2% tổng dân số. Căn cứ vào số liệu trên để cho thấy tỉnh Quảng Nam là trung tâm của tộc người Cơ Tu. Được coi là trung tâm, đương nhiên cũng tập trung những nét đặc trưng tiêu biểu nhất trong các mối quan hệ nhìn từ góc độ văn hóa. Múa dân gian dân tộc Cơ Tu trong quá trình phát triển không chỉ tồn tại trong cộng đồng Cơ Tu, mà nó còn mở rộng trong không gian trình diễn, tham gia hoạt động trong các lễ hội giữ vị trí quan trọng không thể thiếu, góp phần biểu đạt nội dung lễ hội của dân tộc đó.

Từ những động tác múa của người dân Cơ Tu, cố NSND Thái Ly và NSƯT Ngân Quý đã biên đạo tác phẩm múa Cơ Tu đạt nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế. Vũ điệu ấy còn được mang đi biểu diễn trong các cuộc giao lưu nghệ thuật quốc tế, vượt biên giới Việt Nam đến với bạn bè trên thế giới. Múa Cơ Tu đã đoạt giải thưởng ở các cuộc liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới. Năm 2002, một lần nữa “Múa Cơ Tu” lại được giải thưởng tại cuộc thi múa dân gian dân tộc của các nước có sử dụng tiếng Pháp được tổ chức tại Canada. Khi biểu diễn ở Ấn Độ, điệu múa này đã làm rung động biết bao trái tim khán giả. Người Cơ Tu có quyền tự hào về loại hình nghệ thuật của mình. Loại hình nghệ thuật này chứa đựng hình ảnh, sắc thái cô đọng, tiêu biểu nhất của văn hóa cội nguồn, là sản phẩm tinh thần mang đậm dấu ấn tộc người trong đại gia đình các dân tộc Việt

Nam. Văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc miền núi Quảng Nam từ lâu luôn được xem là niềm tự hào chung của cộng đồng các tộc người với những nét đẹp tinh túy, hội tụ nhiều yếu tố độc đáo của đồng bào vùng cao. Điều đó chứng tỏ múa dân gian dân tộc Cơ Tu đã khẳng định được giá trị nghệ thuật trong di sản văn hóa. Với những nét độc đáo ấy thì nghệ thuật múa Cơ Tu đã được Hội đồng Di Sản Quốc gia công nhận múa Cơ Tu của Quảng Nam là Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

Tuy nhiên, trên thực tế đó thì cũng có rất nhiều giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào đang rơi vào tình trạng dần bị mai một do chịu sự tác động bởi những mặt trái của nền kinh tế thị trường, những hạn chế của việc thực hiện chính sách định cư, quy hoạch phát triển kinh tế. Đặc biệt là những vấn đề nảy sinh do sự thay đổi của cơ cấu kinh tế, kết cấu xã hội và sự biến đổi của cơ chế quản lý. Khi đất nước tiến vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì đời sống xã hội đang có những biến đổi cơ bản và nhanh chóng. Điều đó đem đến những cơ hội và thách thức gay gắt cho số phận những di sản văn hóa vốn sinh ra và tồn tại gắn bó chặt chẽ với những điều kiện của xã hội cũ. Các tinh hoa di sản văn hóa, hoặc được giữ gìn và phát huy với ý nghĩa là giá trị của truyền thống, hoặc là phải biến đổi để thích ứng với xã hội đương đại. Văn hóa dân gian, đặc biệt là VHPVT chủ yếu được lưu giữ trong trí nhớ của con người theo phương pháp truyền miệng, truyền nghề. Nguy cơ mai một của di sản văn hóa dân tộc ngày càng rõ rệt. Trong quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa cũng như những tác động của kinh tế thị trường, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của các cộng đồng DTTS ở miền núi Quảng Nam đang bị ảnh hưởng.

Văn hóa đồng bào các DTTS trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đang dần bị mai một và biến dạng. Vui nhiều nhưng cũng không ít nỗi lo. Đó là chia sẻ của rất nhiều già làng, nghệ nhân, những người làm công tác văn hóa ở

miền núi Quảng Nam khi đề cập công tác bảo tồn bản sắc truyền thống của đồng bào. Những trăn trở bao giờ cũng xuất phát từ hiện trạng thực tế ở địa phương, từ chính sâu thẳm đáy lòng của các nghệ nhân, già làng. Khi vũ điệu Tung tung Da dá đang dần bị “sân khấu hóa” trở nên biến dạng theo thời gian đang rơi vào tình trạng dần bị mai một. Bởi lẽ múa Cơ Tu ở trạng thái nguyên dạng nằm trong sinh hoạt truyền thống của cộng đồng nay sang một không gian khác thì tự thân nó đã phải chịu sự tác động của các yếu tố. Sự tác động đó là những nguyên nhân cơ bản làm cho múa bị biến đổi. Đó là sự biến đổi của múa Cơ Tu (ở mức độ khác nhau) khi tham gia vào chương trình lễ hội hiện đại.

Với sự phát triển của nền kinh tế thị trường và công nghệ truyền thông đại chúng như hiện nay đã ảnh hưởng đến sự thờ ơ của giới trẻ đối với di sản văn hóa truyền thống. Với việc bùng nổ công nghệ thông tin như hiện nay thì pha tạp lai căn du nhập những luồng văn hóa mới đã làm cho giới trẻ cuồng với những bản nhạc rok, thích múa hiện đại ...

Trước những thực trạng trên cho chúng ta thấy nguy cơ dẫn đến sự đánh mất giá trị truyền thống của cộng đồng dân tộc Cơ Tu là rất lớn. Song với tư tưởng chỉ đạo của Đảng, đặt ra cho những nhà quản lý văn hóa phải có những giải pháp tích cực, hiệu quả trong công tác bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, làm cho mọi người luôn tự hào, luôn ý thức gìn giữ những di sản văn hóa mà ông cha ta để lại nhằm góp phần gìn giữ bản sắc của tộc người Cơ Tu ở Quảng Nam trong kho tàng văn hóa dân gian dân tộc hiện nay.

Vì vậy, việc chọn nghiên cứu múa Cơ Tu ở Quảng Nam có ý nghĩa thiết thực theo đúng với định hướng của Đảng mà nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đã đề ra: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” mà chúng ta cần hướng tới.

Với nhận thức bước đầu như trên, tôi chọn: ***“Bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam”*** làm đề tài nghiên cứu của luận văn.

2. Lịch sử nghiên cứu

Cùng với việc tham gia Thập kỷ quốc tế về văn hóa trong phát triển (1987-1996) và chủ trương bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa do UNESCO (Tổ chức văn hóa thế giới) phát động, Đảng ta xác định: “Văn hóa là nền tảng tinh thần xã hội, văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội”. Đây chính là điểm cốt lõi đề cao nhân tố văn hóa trong phát triển, phát huy những giá trị văn hóa trong việc bảo tồn bản sắc dân tộc Việt Nam.

Múa Cơ Tu từ lâu đã có nhiều tác giả nghiên cứu, trong số đó có nhiều tác giả công tác ở nhiều cương vị công tác khác nhau với mục đích nghiên cứu phục vụ cho công việc chuyên môn của mỗi người. Tiêu biểu phải kể đến GS.TS Lâm Tô Lộc với công trình sách *“Múa dân gian dân tộc Việt Nam”* (Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, năm 1994). Đây là cuốn sách đề cập đến toàn bộ nghệ thuật múa dân gian dân tộc Việt Nam. Ngoài ra còn có công trình nghiên cứu *“Vấn đề kế thừa và phát triển Múa dân gian Việt Nam”* của NSƯT Ngân Quý tác giả đã chỉ ra được vẻ đẹp huyền bí của múa Cotu không những mang giá trị thẩm mỹ mà còn có giá trị tâm linh trong đời sống tộc người. PGS.TS Lê Ngọc Canh với công trình *“Khái luận Nghệ thuật Múa”* (Nxb Văn hóa Thông tin, năm 1997) đã đưa ra lý thuyết các hình thái nghệ thuật múa, những giá trị đặc điểm của múa dân gian nói chung.

Nghiên cứu về văn hóa dân tộc Cơ Tu, cũng có nhiều công trình với nhiều tác phẩm, dẫn liệu mà chủ yếu là điều tra, truy tìm và giới thiệu những giá trị văn hóa ở dạng vật thể, phi vật thể. Trong cuốn sách đầu tiên ở Việt Nam viết về văn hóa dân tộc Cơ Tu là *“Tìm hiểu văn hóa Katu”* (Nxb Thuận Hóa, năm 2002) tác giả Tạ Đức đã nêu những vấn đề và cách lý giải những

khía cạnh đời sống văn hóa của dân tộc Katu (cách gọi tộc danh của tác giả). Cuốn sách đã giúp người đọc có thể tiếp cận những giá trị và các tập tục lạc hậu của người Cơ Tu ở Quảng Nam. Trong cuốn *“Nhà Gươl của người Cơ Tu”* (Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, năm 2006) tác giả Đinh Hồng Hải bằng việc mô tả kiến trúc Gươl và các lễ hội văn hóa của người Cơ Tu đã chỉ ra những khía cạnh đời sống tinh thần của người Cơ Tu ở Quảng Nam. Tác giả Lưu Hùng trong cuốn *“Góp phần tìm hiểu văn hóa Cơ Tu”* (Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, năm 2006) đã giới thiệu những nét chính của văn hóa dân tộc Cơ Tu, những giá trị tín ngưỡng diễn ra trong đời sống của người Cơ Tu ở Quảng Nam. Viết về chính bản thân mình cùng với những nét đặc trưng của dân tộc mình, tác giả Bh’riu Liếc trong cuốn *“Văn hóa người Cơ Tu”* (Nxb Đà Nẵng, năm 2009) đã trình bày một cách sinh động về tộc danh, phạm vi cư trú, tính cách con người cùng với những phong tục, tập quán và các lễ hội cổ truyền của người Cơ Tu ở Quảng Nam. Trong công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Hữu Thông, cuốn *“Katu - kẻ sống đầu nguồn nước”* (Nxb Thuận Hóa, năm 2005) đã lý giải về nguồn gốc hình thành tộc người phạm vi cư trú và tộc danh của người Cotu, đồng thời tác giả cũng nêu một số phong tục, tập quán, lễ hội của dân tộc này. Cuốn tư liệu *“Người Cơ Tu ở Việt Nam”* (Nxb Thông tấn, Hà Nội, năm 2009) của Trần Tấn Vịnh đã ghi lại bằng hình ảnh, miêu tả văn hóa người Cotu ở Quảng Nam trong cuộc sống hằng ngày và các sinh hoạt lễ hội.

Nhìn chung, những công trình nghiên cứu trên đều chú trọng vào đời sống văn hóa của người dân Cơ Tu. Tuy nhiên, những công trình đó chưa đi sâu vào việc tồn bảo và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu. Vì vậy, việc nghiên cứu và đề xuất các giải pháp bảo tồn, phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu hết sức quan trọng và cần thiết. Có thể khẳng định, cho đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu đề tài *“Bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu ở*

tỉnh Quảng Nam”. Điểm mới trong đề tài nghiên cứu của tôi là vận dụng các cách quản lý di sản về văn hóa vào việc tiếp cận nghệ thuật múa của tộc người Cơ Tu ở Quảng Nam, từ đó đưa ra những giải pháp bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa đó trong giai đoạn hiện nay.

Các công trình nghiên cứu nêu trên, phần nào là tư liệu quý báu để tôi thực hiện luận văn này.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Phát huy giá trị thực trạng bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu để đề xuất những giải pháp bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tìm hiểu về văn hóa và nghiên cứu nghệ thuật Múa của người Cơ Tu ở Quảng Nam.

Nghiên cứu cơ sở lý luận về di sản văn hóa, khái niệm về công tác bảo tồn và phát huy.

Khảo sát và nghiên cứu để thấy những nét độc đáo cũng như các giá trị của múa Cơ Tu nói riêng và đời sống văn hóa nghệ thuật của người Cơ Tu nói chung.

Khảo sát và đánh giá thực trạng nghệ thuật múa Cơ Tu tại nơi cư trú của người dân.

Rút ra những vấn đề từ thực tiễn và đề xuất những giải pháp bảo tồn và phát huy điệu múa Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính là: Nghệ thuật múa Cơ Tu và công tác bảo tồn, phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về không gian:* Phạm vi nghiên cứu ở 3 huyện Đông Giang, Nam Giang, Tây Giang tỉnh Quảng Nam.

- *Về thời gian:* Đề tài tập trung nghiên cứu công tác bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam từ 2010 đến 2017.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điền dã, nghiên cứu thực địa: Đây là phương pháp truyền thống đạt hiệu quả cao trong việc thu thập thông tin, số liệu trên địa bàn nghiên cứu.

Phương pháp tra cứu tài liệu: Lựa chọn những thông tin từ sách, báo, luận văn, đề tài, các tài liệu chuyên ngành.

Phương pháp phân tích, tổng hợp: Từ nguồn tư liệu liên quan đến múa Cơ Tu của các tác giả đi trước và nguồn tài liệu điền dã, chúng tôi phân tích, tổng hợp, đánh giá vấn đề.

Phương pháp nghiên cứu liên ngành: Phương pháp Văn hóa học, Nghệ thuật học, Dân tộc học.

6. Những đóng góp của luận văn

Luận văn nêu ra một số biện pháp bảo tồn nghệ thuật múa ở tỉnh Quảng Nam nói riêng và giá trị nghệ thuật múa nói chung, góp phần bổ sung vào hệ thống tài liệu tham khảo, phục vụ cho việc học tập nghiên cứu của sinh viên ngành văn hóa.

Đề xuất và đưa ra những giải pháp có tính khả thi để bảo tồn những giá trị văn hóa trong nghệ thuật múa của tộc người Cơ Tu trong giai đoạn hiện nay.

7. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận văn có 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận bảo tồn, phát huy nghệ thuật múa, tổng quan về tộc người Cơ Tu và nghệ thuật múa Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam

Chương 2: Thực trạng bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ tu ở tỉnh Quảng Nam

Chương 3: Giải pháp bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN BẢO TỒN, PHÁT HUY NGHỆ THUẬT MÚA, TỔNG QUAN VỀ TỘC NGƯỜI CƠ TU VÀ NGHỆ THUẬT MÚA CƠ TU Ở TỈNH QUẢNG NAM

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Khái niệm di sản văn hóa

Từ điển Tiếng Việt của Hoàng Phê định nghĩa: “Di sản là cái của thời trước để lại” [22]. Di sản văn hóa theo nghĩa Hán Việt là những tài sản văn hóa có giá trị của quá khứ tồn tại trong cuộc sống đương đại và tương lai. Di là để lại, còn lại, dịch chuyển, chuyển lại. Sản là tài sản, là những gì quý giá, có giá trị. Di sản văn hóa được hiểu bằng sự tổng hợp của các ý nghĩa nói trên [22].

Văn hóa, là một thuật ngữ rộng bao gồm cả văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Đã có nhiều định nghĩa về văn hóa. Từ điển Tiếng Việt cho rằng Văn hóa “Là tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo trong quá trình lịch sử” [22].

Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đưa ra quan điểm “Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị văn hóa mới và giao lưu văn hóa”. Theo đó, quan điểm này hết sức coi trọng công tác bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, coi đây là nhiệm vụ then chốt của chiến lược phát triển văn hóa. Di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể được hiểu nhiều cách khác nhau tùy thuộc vào quan điểm, quan niệm của mỗi quốc gia hay nhiều lĩnh vực nhiều khía cạnh.

Tại điều 2, Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO 2003 cho rằng:

Di sản văn hóa phi vật thể được hiểu là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kĩ năng và kèm theo đó là công cụ đồ vật, đồ tạo tác và không gian văn hóa liên quan mà các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần di sản văn hóa của họ. Được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hóa phi vật thể được các cộng đồng, các nhóm người không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường và mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với tự nhiên và lịch sử của họ, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người. Vì những mục đích của công ước này, chỉ xét đến những di sản văn hóa phi vật thể phù hợp với các văn kiện quốc tế hiện hành về quyền con người, cũng như những yêu cầu về sự tôn trọng lẫn nhau giữa các cộng đồng, các nhóm và cá nhân, và về phát triển bền vững [38].

Như vậy, di sản phi vật thể bao gồm những thành tố cơ bản sau đây:

- Các hình thức biểu diễn truyền khẩu bao gồm: các hình thức biểu diễn hoặc thể hiện bằng thơ ca, lịch sử, thần thoại, truyền thuyết và các dạng truyện kể khác có giá trị đối với cộng đồng văn hóa.
- Các hình thức biểu diễn nghệ thuật: bao gồm biểu diễn nghệ thuật trong lễ hội hoặc các nghi lễ của cộng đồng và cả các hình thức trình diễn khác như ngôn ngữ, cử chỉ âm nhạc, kịch, hát, múa...
- Các tập quán xã hội, nghi thức và lễ hội: bao gồm các nghi thức liên quan đến vòng đời của con người như: sinh nở, cưới xin, ma chay, đi lại, di chuyển, các trò chơi và các môn thể thao; nghi lễ của các dòng họ, các tập quán sinh hoạt, nghệ thuật ẩm thực; các tập quán săn bắt, đánh bắt

cá và hái lượm; tập quán đặt tên theo họ cha hoặc họ mẹ, nghề sản xuất tơ lụa, may mặc, nhuộm vải và thiết kế họa tiết trên vải; nghề chạm khắc gỗ, nghề dệt và các nghệ thuật liên quan đến nghề nghiệp...

- Kiến thức về thiên nhiên và cách ứng xử với thiên nhiên bao gồm: các quan niệm liên quan đến môi trường tự nhiên như thời gian, không gian, các hoạt động nông nghiệp và các kiến thức nghề nông; các kiến thức thực tiễn về môi trường sinh thái và cách ứng xử với thiên nhiên; y dược học và cách chữa bệnh; kiến thức về vũ trụ; tiên đoán về tương lai, tiên tri tử vi, bùa phép, bói toán và tôn giáo liên quan đến tự nhiên, các hiện tượng biển, hiện tượng núi lửa, các tập quán liên quan đến việc bảo tồn thiên nhiên; các tri thức về thiên văn khí tượng, tri thức về luyện kim, hệ thống đánh số và cách đếm, chăn nuôi gia súc, nuôi trồng thủy sản, cách thức chế biến và bảo quản thức ăn, hiểu biết về thủ công.

Với sự tổng hợp, khái quát quan điểm của các nhà nghiên cứu trên thế giới và ở Việt Nam về văn hóa, định nghĩa được mang tính phổ biến nhất được ghi tại điều 1 của Luật Di sản văn hóa được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2001 quy định:

Di sản văn hóa: “Là sản phẩm văn hóa, tinh thần, vật chất của xã hội loài người và các di vật tiêu biểu, vật mẫu của giới tự nhiên có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” [17, tr. 1].

Tại điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 được nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/6/2009 quy định:

Di sản văn hóa vật thể: “Là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc” [24, tr.2].

Di sản văn hóa phi vật thể: Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác [18, tr.1].

1.1.2. Một số khái niệm bảo tồn và phát huy

1.1.2.1. Khái niệm bảo tồn

Theo Từ điển tiếng Việt: “Bảo tồn là giữ lại không để mất đi” [46].

Bảo tồn là bảo vệ và giữ gìn sự tồn tại của sự vật hiện tượng theo dạng thức vốn có của nó. Bảo tồn là không để mai một, không để thay đổi, bị biến hóa hay biến thái. Như vậy trong nội hàm của thuật ngữ này, không có khái niệm “cải biên”, “nâng cao” hay “phát triển”. Hơn nữa, khi nói đối tượng bảo tồn “phải được nhìn là tinh hoa” chúng ta đã khẳng định giá trị đích thực và khả năng tồn tại theo thời gian, dưới nhiều thể trạng và hình thức khác nhau của đối tượng bảo tồn.

Tuy nhiên, đối tượng được bảo tồn (giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể) cần thỏa mãn:

Một là, nó phải được nhìn là tinh hoa, là một giá trị đích thực được thừa nhận minh bạch, không có gì hoài nghi hay bàn cãi.

Hai là, nó phải hàm chứa khả năng, chí ít là tiềm năng, đứng vững lâu dài (có giá trị lâu dài) trước những biến đổi tất yếu về đời sống vật chất và tinh thần của con người.

Hiện nay có nhiều quan điểm về bảo tồn di sản văn hóa khác nhau. Nhưng trên thế giới vẫn tựu trung hai quan điểm như sau: Bảo tồn nguyên vẹn và bảo tồn trên cơ sở kế thừa.

Bảo tồn nguyên vẹn văn hóa vật thể ở dạng tĩnh là vận dụng thành quả

khoa học kỹ thuật công nghệ cao, hiện đại đảm bảo giữ nguyên trạng hiện vật như sự vốn có về kích thước, vị trí, đường nét màu sắc, kiểu dáng. Khi cần phục nguyên các di sản văn hóa vật thể cần sử dụng hiệu quả các phương tiện kỹ thuật như: Đồ họa kỹ thuật vi tính công nghệ 3D theo không gian 3 chiều; chụp ảnh, băng hình video, xác định trọng lượng, thành phần chất liệu của di sản văn hóa vật thể. Sau khi tiến hành bảo tồn nguyên vẹn, phải so sánh đối chiếu với nguyên mẫu đã được lưu giữ chi tiết để không làm biến dạng di sản văn hóa vật thể. Bảo tồn văn hóa phi vật thể ở dạng tĩnh là tiến hành điều tra sưu tầm, thu thập các dạng thức văn hóa phi vật thể như nó hiện có theo quy trình khoa học nghiêm túc chặt chẽ, giữ chúng trong sách vở, các ghi chép, mô tả bằng băng hình, video, ảnh... Tất cả các hiện tượng văn hóa phi vật thể này có thể lưu giữ trong các kho lưu trữ, các viện bảo tàng.

Quan điểm bảo tồn nguyên vẹn:

Theo Gregory J.Ashworth:

Bảo tồn nguyên vẹn đó là những sản phẩm của quá khứ nên được bảo vệ một cách nguyên vẹn, như nó vốn có, cố gắng phục hồi nguyên gốc các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể cũng như cố gắng cách ly di sản khỏi môi trường xã hội đương đại. Họ cho rằng, mỗi di sản chứa đựng những giá trị văn hóa - xã hội nhất định mà không phải lúc nào thế hệ hiện tại có thể hiểu biết một cách cụ thể để có thể phát huy những giá trị một cách thích hợp. Và hơn nữa, những giá trị ấy luôn biến đổi theo thời gian do những tác động của xã hội hiện tại và sẽ tạo nên những lớp văn hóa khác không trùng nghĩa với lớp văn hóa mà thế hệ trước chuyển giao cho thế hệ sau [48, tr.1].

Về mục đích: nguyên tắc tiến hành bảo tồn đơn giản, dễ hiểu và có

sự đòi hỏi về mặt đạo đức, mục đích cao nhất là bảo tồn toàn bộ những gì có thể bảo tồn được.

Về nguồn lực: các nguồn di sản là căn cứ bất di bất dịch; các địa điểm di tích có một căn cứ lịch sử nhất định của nó, các sản phẩm được xác định và tạo ra trên cơ sở nguồn gốc của di sản (có ý nghĩa về lịch sử, về đẹp kiến trúc...); về nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn có thể quyết định một cách khách quan thông qua sự đồng thuận của tập thể; tính chân thực của di sản là yếu tố quyết định giá trị.

Về chiến lược bảo tồn:

Có sự mâu thuẫn cố hữu giữa bảo tồn và phát triển; những tác động của sự bảo tồn phản lại chức năng sẽ sinh ra những vấn đề phát sinh thứ cấp; tăng việc sử dụng các sản phẩm được bảo tồn trong giai đoạn hiện thời phải phù hợp với công việc quản lý và nếu cần thiết phải giới hạn nhu cầu [21, tr. 68].

Bảo tồn trên cơ sở kế thừa (bảo tồn dạng động)

Bảo tồn dạng động tức là bảo tồn các hiện tượng văn hóa trên cơ sở kế thừa. Các di sản văn hóa vật thể sẽ được bảo tồn trên tinh thần giữ gìn những nét cơ bản của di tích, cố gắng phục chế lại nguyên trạng di sản văn hóa vật thể bằng nhiều kỹ thuật công nghệ hiện đại. Đối với các di sản văn hóa phi vật thể, bảo tồn động trên cơ sở kế thừa là bảo tồn các hiện tượng văn hóa đó ngay trong chính đời sống cộng đồng. Bởi lẽ, cộng đồng không những là môi trường sản sinh ra các hiện tượng văn hóa phi vật thể trong đời sống xã hội theo thời gian. Các hiện tượng văn hóa phi vật thể tồn tại trong kí ức cộng đồng, nương náu trong tiếng nói, trong các hình thức diễn xướng, trong các nghi lễ, nghi thức, quy ước dân gian [21, tr. 69].

Với quan điểm bảo tồn trên cơ sở kế thừa thì được các học giả nước ngoài rất quan tâm. Theo các nhà nghiên cứu như Anh, Mĩ như Bonface, Fowler, Prentice... cho rằng phát triển du lịch trong vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di sản là rất cần thiết. Tác giả Corner và Harvey cho rằng việc quản lý di sản cần đặt dưới một cách tiếp cận toàn cầu hóa. Còn tác giả Moore và Caulton cũng cho rằng cần quan tâm là làm thế nào lưu giữ được các di sản văn hóa thông qua cách tiếp cận mới và phương tiện kỹ thuật mới. Nhưng nhìn chung, các quan điểm lý thuyết này đều dựa trên cơ sở mỗi di sản cần phải thực hiện được nhiệm vụ lịch sử của mình ở một thời gian và không gian cụ thể. Khi di sản ấy tồn tại ở thời gian và không gian hiện tại thì di sản ấy cần phát huy giá trị văn hóa - xã hội phù hợp với xã hội hiện nay và phải loại bỏ đi những gì không phù hợp với xã hội ấy.

Các tiêu chí lựa chọn không phụ thuộc vào bản chất bên trong của di sản mà còn phụ thuộc vào yếu tố nằm bên ngoài không thuộc về bản chất của chúng.

Bảo tồn trên quan điểm kế thừa quan tâm không chỉ đến hình thức còn quan tâm đến cả chức năng của di sản.

Văn hóa phi vật thể luôn tiềm ẩn trong tìm thức và trí nhớ của con người mà chúng ta thường mệnh danh họ là những nghệ nhân hay những báu vật nhân văn sống. Do đó bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa phi vật thể còn đồng nghĩa với việc bảo vệ những báu vật nhân văn sống. Đó là việc xã hội thừa nhận tài năng dân gian, tôn vinh họ trong cộng đồng, tạo điều kiện tốt nhất để trong hoàn cảnh có thể, để họ sống lâu, phát huy được khả năng của họ trong quá trình bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Tóm lại, bảo tồn di sản văn hóa cần đi kèm với khai thác, phát huy giá trị của nó trong đời sống. Mặt khác, việc bảo tồn cần phải quan tâm đến

những đặc điểm xã hội trong từng thời điểm cụ thể, tức là phải lựa chọn để bảo tồn những gì phù hợp với thời đại. Chỉ có như vậy, hoạt động bảo tồn mới có ý nghĩa và có tính khả thi mà không trở thành lực cản đối với sự phát triển của xã hội.

1.1.2.2. Khái niệm phát huy

Trước hết, phát huy là làm cho những cái hay, cái đẹp, cái tốt tỏa sáng và tiếp tục nảy nở thêm.

Phát huy đó là hành động nhằm đưa văn hóa vào trong thực tiễn xã hội, coi đó như nguồn nội lực, tiềm năng góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội, mang lại những lợi ích vật chất và tinh thần cho con người, thể hiện mục tiêu của văn hóa đối với phát triển xã hội.

Phát huy các giá trị di sản văn hóa phải biết kế thừa có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của đời trước để lại, làm cho các giá trị của văn hóa thấm sâu, lan tỏa vào đời sống cộng đồng xã hội, biết mở rộng giao lưu văn hóa để làm giàu thêm bản sắc văn hóa và làm thăng hoa giá trị văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Ngoài ra, phát huy các giá trị văn hóa nhằm mục tiêu phát triển du lịch bền vững, phục vụ tích cực cho công tác bảo tồn di sản văn hóa.

Phát huy còn bao hàm ý nghĩa đó là môi trường tốt nhất để bảo tồn và làm giàu nếu như nó không được phát huy trong đời sống xã hội. Chính trong môi trường xã hội sống động, văn hóa sẽ được nuôi dưỡng, bảo tồn, được sinh sôi, nảy nở như một cơ thể.

1.1.2.3. Khái niệm truyền thống

Truyền thống:

Đó là yếu tố của di sản văn hóa, xã hội truyền từ đời này sang đời khác và được lưu giữ trong các xã hội, giai cấp và nhóm xã hội trong một quá trình lâu dài, truyền thống được thể hiện

trong chế định xã hội, chuẩn mực hành vi, các giá trị, tư tưởng, phong tục tập quán và lối sống... Truyền thống tác động không chế đến mọi xã hội và tất cả mọi lĩnh vực trong đời sống xã hội [47, tr 72].

Theo nghĩa tổng quát: truyền thống đó là những yếu tố của di sản văn hóa, xã hội thể hiện trong chuẩn mực hành vi, tư tưởng, phong tục tập quán, thói quen lối sống và cách ứng xử của cộng đồng người được hình thành trong lịch sử và đã trở nên ổn định, được truyền từ đời này sang đời khác và được lưu giữ lâu dài.

Truyền thống góp phần suy tôn, giữ gìn những gì là quý giá, là cốt cách, là nền tảng cho sự phát triển, vận động đi lên của cộng đồng dân tộc. Với ý nghĩa tích cực, truyền thống góp phần tạo nên sức mạnh, là chỗ dựa không thể thiếu của dân tộc trên đường đi tới tương lai. Đồng thời, truyền thống còn là mảnh đất hết sức thuận lợi cho sự dung dưỡng, duy trì và làm sống lại mặt bảo thủ, lạc hậu, lỗi thời khi mà điều kiện và hoàn cảnh lịch sử đã thay đổi. Nó có tác dụng trong việc kìm hãm, níu kéo làm chậm sự phát triển của một quốc gia, dân tộc nào đó.

Hay nói cách khác, khi nói đến giá trị truyền thống là nói đến những truyền thống nào đã có sự đánh giá, thẩm định nghiêm ngặt của thời gian, đã có sự chọn lọc, phân định và khẳng định ý nghĩa tích cực của chúng đối với cộng đồng trong những giai đoạn lịch sử nhất định.

Có thể nói, mỗi dân tộc trên khắp hành tinh này, dù ở trình độ văn minh cao hay thấp, dù đã phát triển hay đang phát triển thì cũng đều có những truyền thống đặc trưng của riêng mình và có hệ thống giá trị truyền thống riêng của mình. Hệ thống giá trị đó chính là sự kết tinh tất cả những gì tốt đẹp nhất qua các thời đại lịch sử khác nhau của dân tộc để làm nên bản sắc riêng.

1.2. Tổng quan về tộc người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam

1.2.1. Tộc người

Tên gọi Cơ Tu đã được biết đến từ rất lâu trong lịch sử dân tộc. Chính người Cơ Tu cũng thừa nhận đó là tên chung của dân tộc mình. Bởi “Co” có nghĩa là ở, nơi “Tu” có nghĩa là nguồn (là ở trên cao). “Cơ Tu” là người sống ở núi rừng, đầu nguồn nước. Tộc người Cotu còn có nhiều tên gọi khác nhau như : Ka Tu, Kà Tu, Cờ Tu... chỉ là cách phiên âm và phát âm của mỗi vùng khác nhau.

Cùng với người Tà Ôi, Bru - Vân Kiều, Cơ Tu là tộc người thiểu số có ngôn ngữ thuộc ngành Cotuic thuộc nhóm ngôn ngữ Môn – Khome, hệ Nam Á, phân bố ở phía bắc dãy Trường Sơn. Ở Việt Nam, tính đến ngày 01/04/1999, có 50.458 người Cơ Tu và dân tộc này chiếm 0,1% số toàn quốc. Riêng ở Quảng Nam, năm 2004 có 42.558 người Cơ Tu, đứng thứ hai về dân số sau người Kinh, họ có vai trò quan trọng trong phát triển vùng chiến lược phía tây của tỉnh.[14, tr.16]

Người Cotu chính là hậu duệ của người nguyên thủy Anghônêdiên, có mặt ở khu vực tây dãy Trường Sơn, họ là cư dân của bán địa vùng miền núi phía tây Quảng Nam và một phần phía đông tỉnh Xê Kông Lào, và kéo dài ra phía tây tỉnh Thừa Thiên Huế. Do vậy, người Cotu là chủ thể của vùng núi Quảng Nam.

1.2.2. Địa bàn cư trú

Trong 54 tộc người anh em ở nước ta, tộc Cơ Tu được xếp thứ 26 trong danh mục các thành phần dân tộc ở Việt Nam. Theo số liệu của Ủy ban dân tộc Trung ương đến ngày 31/7/2003 người Cơ Tu ở Việt Nam là: 56.569 người chủ yếu quần cư ở phía tây của 3 tỉnh, thành phố: Quảng Nam, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế.

Trong đó, tập trung nhiều nhất ở tỉnh Quảng Nam, chủ yếu ở các huyện: Tây Giang, Đông Giang, 6 xã ở huyện Nam Giang. [19, tr. 8].

Về tổng thể, vùng dân tộc Cotu là địa bàn miền núi, nằm trên sườn đông của dãy Trường Sơn hùng vĩ, hiểm trở (còn gọi là Trường Sơn Đông). Phần lớn xứ sở Cotu có địa hình bị chia cắt mạnh, độ dốc lớn, thung lũng vừa hẹp vừa sâu; có nhiều vùng núi cao trên dưới 1000m, đặc biệt ở gần biên giới Việt - Lào về phía bắc huyện Tây Giang có những ngọn núi cao trên 1.500m, đỉnh cao nhất 2.053m. Mùa mưa thường từ tháng 8 năm trước đến tháng giêng năm sau, mưa nhiều nhất vào tháng 10 và 11; mùa khô kéo dài từ tháng 2 đến tháng 7, nắng nóng nhất trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 7. Ở vùng Đông Giang và Tây Giang lượng mưa trung bình hằng năm là 2.800mm, nhiệt độ trung bình trong năm 18,3⁰C; các số liệu tương ứng ở Nam Giang là 3.468 mm và 24,5⁰C. Đây cũng là nơi ít dân cư, mật độ trung bình ở Tây Giang - Đông Giang năm 1986 là 11 người/km², ở Nam Giang năm 1989 gần 8 người/km² [14, tr 18].

Miền núi Quảng Nam chiếm 81,27% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, được xác định là một địa bàn chiến lược quan trọng về phương diện: chính trị, kinh tế, quốc phòng của tỉnh và là một bộ phận trong địa bàn chiến lược rộng lớn Trường Sơn - Tây Nguyên. Miền núi Quảng Nam không chỉ là căn cứ địa vững chắc về quốc phòng, mà là nơi sẽ nằm trên con đường xuyên Đông Dương, đường Hồ Chí Minh - huyết mạch của Tổ quốc. Tộc người Cơ Tu là cư dân bản địa cư trú lâu đời có mối quan hệ qua lại từ xa xưa với người Kinh, người Chăm và các dân tộc anh em khác trong vùng. Do đặc điểm địa bàn cư trú và cố kết cộng đồng bà con giữ được nhiều đặc điểm

văn hóa truyền thống mang bản sắc văn hóa tộc người. Người Cơ Tu sinh sống ở vùng địa lý có địa hình phức tạp, hiểm trở, bị cắt xẻ bởi nhiều sông, suối, núi cao và thung lũng hẹp. Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, độ ẩm cao nên khí hậu khắc nghiệt. Đây cũng là vùng có nhiều tài nguyên rừng, nhất là gỗ và các loại động vật quý hiếm.

1.2.3. Môi trường sống của cộng đồng Cơ Tu

1.2.3.1. Môi trường tự nhiên

Đặc điểm tự nhiên của vùng đất người Cotu sinh sống tuy có những yếu tố riêng biệt nhưng nằm trong khu vực tương đối thống nhất của điều kiện tự nhiên nối liền các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Huế với Tây Nguyên. Trong đó, đặc biệt là sự tương đồng về địa hình, khí hậu, hệ thổ nhưỡng của phía tây Thừa Thiên - Huế với phía tây Quảng Nam. Địa bàn cư trú của người Cotu tiếp giáp với vùng cư trú của dân tộc Kinh, vùng đồng bằng ven biển và có mối quan hệ với vùng phía đông tỉnh Xê Kông (Lào).

1.2.3.2. Môi trường văn hóa

Tộc người Cơ Tu có các lễ hội như: mừng lúa mới, mừng vụ mùa thu hoạch, mừng phát rẫy kết thúc hay tía lúa xong... Mỗi lễ hội không ấn định ngày cụ thể và có cách ăn riêng theo chu kỳ của mùa vụ, người ta đều kết hợp với các hình thức đâm trâu và múa hát tập thể suốt đêm.

Đặc trưng cơ bản và cũng là một mô - típ riêng biệt về kiến trúc nhà của người Cơ Tu là Vêêl, có cấu trúc hình tròn hoặc hình bầu dục; dạng cấu trúc này còn khá phổ biến ở các xã cùng cao. Nhà ở của các thành viên trong Vêêl được xây dựng theo hướng cửa chính quay mặt vào nhà Gươl; nhà *Gươl* dựng ở chính giữa làng. Kiến trúc này thể hiện nhận thức của người Cơ Tu về vai trò của yếu tố trung tâm. Gươl là nơi sinh hoạt văn hoá, tín ngưỡng... chung của cả Vêêl. Các hoạt động có tính chất giải quyết

công việc nội bộ của cả Vêêl, giao tiếp với khách của Vêêl đều được tiến hành tại nhà Gươl. Đây là nơi các thành viên là nam giới sinh hoạt (bàn bạc, trao đổi, kể chuyện, uống rượu...) khi đêm về, và là nơi ngủ của các cụ già, thanh thiếu niên chưa vợ và khách. Có thể nói rằng, nhà Gươl với chức năng về xã hội, văn hoá và tín ngưỡng (nơi lưu giữ những vật hiến tế, cúng bái, của cải chung của làng và nơi tiến hành các lễ nghi cúng bái).

Là một cư dân nông nghiệp nương rẫy nên cái ăn chính của người Cơ Tu cũng chính là những sản phẩm được làm ra từ nương rẫy mà ít có các sản phẩm từ hoạt động chăn nuôi, làm vườn. Lương thực chủ yếu của người Cơ Tu là gạo bên cạnh sắn, bắp. Tuy nhiên, một số vùng tỉ lệ sắn, bắp trong bữa ăn vẫn chiếm nhiều hơn gạo. Điều này cũng dễ hiểu vì tập tục độc canh cây lúa luôn ẩn chứa nhiều bất ổn. Nói cách khác, nhìn vào cơ cấu bữa ăn, cách thức tổ chức bữa ăn của người Cơ Tu ta thấy mang đậm yếu tố tự cung tự cấp. Đây chính là sự thích ứng của con người với điều kiện, hoàn cảnh sống.

Một phương pháp chế biến thức ăn thông dụng được làm từ thịt thú khô, cá trộn với sắn tươi, bắp chuối, cà... sau đó cho vào ống nứa và nướng trên lửa, dùng thân cây mây thọc vào, khoáy nhuyển cho đến khi chín. Đây là một món ăn ngon được dùng trong gia đình vào những dịp đặc biệt hoặc có khách quý. Nước uống hàng ngày là nước lã (nước suối) chứ chưa có tập quán đun sôi. Ngoài ra, người Cơ Tu còn rất thích uống rượu, họ biết ủ nếp, sắn với men rượu để dùng hàng ngày và đãi khách.

1.2.3.3. Môi trường xã hội

Tộc người Cơ Tu ở nơi rừng núi còn hoang sơ, dân làng sống phóng khoáng, tự do với núi với rừng. Bên cạnh quan hệ họ hàng, tộc người Cơ Tu chỉ biết gắn bó với cộng đồng làng, quen sống chủ yếu trong làng. Nhiều nhà tạo nên làng, làng là một tổ chức tự quản, gần gũi, đùm bọc, chở

che nhau, đoàn kết, thống nhất thành một khối chặt chẽ. Đây chính là những yếu tố tiên quyết để làng trường tồn, phát triển trong điều kiện núi rừng khắc nghiệt, nghèo khó giữa chốn rừng sâu, núi thẳm đầy bất trắc, đầy âm khí và thú dữ. Vòng ngoài bố trí là nhà dân, ở giữa là nhà sinh hoạt văn hóa (nhà gươl).

Tộc người Cơ Tu có gần đến 30 họ khác nhau như: Alăng, Abing, Arát, Avô, Bríu, Bholing, Bhnước, Blúp, Clâu, Pơlong, Zorâm... Mỗi dòng họ đều lưu truyền một huyền thoại, gốc tích họ mình và thường có điều kiêng cử nhất định. Xã hội của tộc người Cơ Tu là một xã hội theo phụ hệ, con theo họ cha.

1.2.3.4. Môi trường lao động

Cho tới khoảng giữa thế kỷ XX, nếp sống cổ truyền của người Cơ Tu vẫn còn hầu như nguyên vẹn. Đó là xã hội của cư dân nông nghiệp vùng rừng nhiệt đới, của những người khai thác nguồn sống từ rừng, lấy canh tác rẫy làm nguồn sống chính.

Về sinh hoạt kinh tế, cũng như các dân tộc thiểu số khác ở dọc Trường Sơn và Tây Nguyên, tộc người Cơ Tu trước đây chuyên sống bằng kinh tế nương rẫy, chủ yếu trồng trọt cây lúa khô còn gọi là lúa cạn hay lúa rẫy như cách gọi thông dụng hiện nay.

Người Cơ Tu sản xuất nông nghiệp nương rẫy nên phân định thời vụ theo những chu kỳ thống nhất trong năm. Trải qua một quá trình lâu dài từ thế hệ này sang thế hệ khác đã tích lũy thành một: “Kinh nghiệm về nông lịch nương rẫy”. Đồng bào dựa vào những đặc điểm, những thay đổi của thiên nhiên; cây lúa, hoa quả; tiếng chim, thú, tiết trời chuyển đổi để ấn định các công việc sản xuất ở nương rẫy. Người Cơ Tu chia các tháng trong năm (về sau được tính theo tháng dương lịch) để ấn định các công việc nương rẫy như tháng nào thì phát rẫy, tháng nào thì chặt cây to, tháng nào

thì dọn tĩa, tháng nào thì làm cỏ...; cũng cần nói thêm rằng, với việc ấn định các tháng trong năm, đồng bào còn quy định công việc lấy mật, bẫy thú rừng, bẫy chim... được thực hiện vào tháng nào. Đây cũng chính là kinh nghiệm sinh hoạt kinh tế của đồng bào Cơ Tu.

1.2.4. Văn hóa phi vật thể

****Phong tục tập quán***

Theo phong tục của người Cơ Tu đối với nam nữ thông thường là búi tóc, cạo răng, xâu tai, xâu khắc ở vùng mặt, vùng ngực, cổ chân, cổ tay bằng nhiều hình tượng khác nhau. Tục cạo răng (gọt cò niêng): nam nữ thanh niên đến tuổi trưởng thành đều phải cạo mài răng cửa đến sát lợi (néo). Tục cạo răng hiện nay ở các vùng dân tộc Cơ Tu không còn nữa.

Người Cơ Tu tin rằng, mỗi con người có phần xác và phần hồn, nhưng khác với các dân tộc khác cho rằng con người có một hồn; người Cơ Tu tin là con người có hai hồn, một hồn tốt và một hồn xấu. Việc chôn cất người chết thường đầu hướng về Đông, chân hướng về Tây. Những người chết này được chôn cất rất trang trọng, sau vài năm thì được cải táng và được đem về chôn cất trong nhà mồ của gia đình, được thờ cúng, tưởng nhớ.

Trong đời sống tâm linh của người Cơ Tu, bếp lửa có vai trò quan trọng. Bếp lửa được đặt ở vị trí giữa nhà, chia sẻ nguồn sưởi ấm cho tất cả thành viên trong gia đình qua mùa đông giá rét hay xua tan bóng tối và nỗi sợ hãi trước những vị thần xấu. Bếp lửa được xem như vị thần trong ngôi nhà của họ, canh giữ ngôi nhà và bảo vệ sức khỏe của các thành viên trước các bệnh tật do thần xấu gây ra.

****Lễ hội***

Lễ hội của người Cơ Tu cũng rất đa dạng và phong phú. Song xét về tính mục đích có thể phân thành ba hình thức chính: Lễ hội mừng thắng lợi,

lễ hội liên quan đến ngoại giao với các làng khác và tế lễ.

Lễ hội mừng thắng lợi được thực hiện ở phạm vi làng, trong các dịp: mừng lúa mới (sau khi thu hoạch mùa màng), đạt kết quả săn bắn, hoàn thành các công trình chung của làng.

Lễ hội liên quan đến ngoại giao giữa các làng, các cộng đồng được tiến hành với mục đích giải hòa những mâu thuẫn cộng đồng, thương lượng về vấn đề lợi ích kinh tế, lợi ích từ rừng hoặc tạo tình đoàn kết giữa các cộng đồng.

Tế lễ được kéo dài trong thời gian khá lâu từ hai ngày trở lên với nhiều hình thức cúng tế và sinh hoạt phong phú: tế trâu, múa công chiêng, hát lý, sinh hoạt văn nghệ... Hoạt động này được diễn ra ở nhà sinh hoạt làng (gươl). Người Cotu tin rằng trong tế lễ, con trâu là vật thiêng của thần linh, là sứ giả mang những ước mơ của con người bày tỏ với thiện thần, mục đích là cầu sự phù hộ, cầu sự may mắn đến với con người. Vì thế, trong tế lễ người Cotu biểu đạt niềm tin rằng con người có thể giao hòa với đất trời, giao hòa với thế giới thần linh.

**Tín ngưỡng*

Người Cơ Tu đặc biệt coi trọng Trời, Đất, họ cho rằng đó là nơi sinh ra con người, vạn vật và đó cũng là nơi thần linh trú ngụ. Thông thường, trong các lễ cúng, bao giờ người Cotu cũng cúng Trời, Đất trước, sau đó là cúng xua đuổi tà ma (thường gọi là “ma mồi”). Trong quan niệm về thần linh thì người Cơ Tu tôn thờ rất nhiều vị thần như thần tốt, thần chết, thần ác, trong đó vị trí hàng đầu là thần chết. Do sống trên địa bàn rừng sâu, núi thẳm nên nguy hiểm luôn rình rập, một sơ suất nhỏ cũng có thể dẫn đến cái chết. Cái chết là một nỗi khiếp sợ, một ám ảnh thường trực chi phối cuộc sống của họ. Vì thế, người Cơ Tu tôn thờ thần chết và cho rằng, thần chết luôn hiện diện khắp nơi.

**Nghệ thuật âm nhạc*

Giống như các dân tộc khác sống trên vùng rừng núi phía tây miền Trung, âm nhạc vốn là một bộ phận không thể thiếu trong đời sống văn hóa tinh thần của người Cơ Tu, nó là hình thức quan trọng truyền tải tình cảm, khát vọng sống, đồng thời nó cũng góp phần tạo nên trạng thái cân bằng, hưng phấn cho cuộc sống vốn đầy bất trắc, biến động của họ.

Người Cơ Tu xem công chiêng là loại hình văn hóa nghệ thuật mang đậm đà bản sắc và nó có mặt trong những lễ hội truyền thống tung bừng của buôn làng như: Lễ ăn mừng lúa mới, lễ ăn mừng được mùa, lễ bỏ mả, lễ ăn mừng nhà Gươl, đưa tiễn người thân, bạn bè, đón mừng ngày vui chiến thắng, lễ ăn thề kết nghĩa giữa hai làng Cơ Tu... Những âm thanh từ những nhạc cụ được người Cơ Tu thể hiện rất phong phú. Trong dàn công chiêng, mỗi trống mỗi chiêng đều mang âm sắc khác nhau, hòa thành dàn đồng ca vang vọng giữa núi rừng. Cái hồn trong âm nhạc của người Cơ Tu mang âm hưởng ngân vang, gọn sóng, biểu hiện nét trầm buồn (đây là điểm khác biệt với âm điệu Tây nguyên).

**Nghệ thuật múa*

Múa là một trong những nghệ thuật không thể thiếu trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng của dân tộc Cơ Tu. Múa của người Cơ Tu bao gồm hai thể loại: Múa Tung tung (múa nam) và múa Da dá (múa nữ). Khi múa Tung tung người đàn ông đóng khố và choàng tấm khăn từ vai xuống vắt chéo trên lưng. Ở những lễ hiến tế thần linh, người nam thường múa với đạo cụ, tay trái cầm thêm khiên, tay phải cầm kiếm hoặc cây giáo lưỡi ngắn động tác múa hùng dũng nhịp nhàng. Múa Da dá là vũ điệu của nữ giới, đó là vũ điệu lung linh uyển chuyển như cây lau trước gió, như dòng suối mượt mà uốn quanh, khi múa đôi chân đứng thẳng khoan thai, đôi tay vươn lên nhưng không quá đầu, bàn tay đưa theo hướng sau lưng như chống đỡ cả

bầu trời, như đôi sừng trâu một sắc thái văn hóa của nhiều dân tộc thiểu số, cũng như hình tượng hiển tế thần linh của người tộc người Cơ Tu. Múa Tung tung Da đá là loại hình nghệ trong văn hóa không thể thiếu trong tất cả các dịp tết, tế lễ của người Cơ Tu. Khi nói đến múa Cơ Tu người ta nghĩ ngay đến điệu múa này.

**Nghệ thuật nói lý - hát lý*

Hát lý - nói lý là hình thức ứng khẩu của người Cơ Tu thông qua việc dùng hình tượng ẩn dụ, ví cái này để diễn đạt nghĩa của cái kia. Loại hình này không có bài mẫu chung để học thuộc mà phải ứng khẩu theo khả năng, kinh nghiệm sống sao cho phù hợp với chủ đề của công việc cần trao đổi, khởi xướng.

Có thể khẳng định rằng, hát lý - nói lý là cách thức giao tiếp cổ truyền, được sử dụng trong lễ hội, ngoại giao, trao đổi công việc của gia đình, của làng hay của cả cộng đồng. Loại hình này cũng chính là cách thức sinh hoạt tinh thần, sinh hoạt lý luận nhằm phát triển tư duy logic và ngôn ngữ của người Cơ Tu.

**Về điêu khắc*

Nghệ thuật điêu khắc tạo hình của người Cơ Tu được tập trung đặt biệt chủ yếu ở ngôi nhà Gươl, cột đâm trâu và nhà mồ của làng. Hình ảnh điêu khắc tiêu biểu nhất là hình người và đầu trâu. Trong quan niệm người Cơ Tu, hình người được điêu khắc trước cửa gươl hay nhà mồ là hình bóng của các vị thần tốt, túc trực và bảo vệ họ trước những điều xấu. Sừng trâu tượng trưng cho sức khỏe của con người với hy vọng đau ốm, bệnh tật sẽ không còn đến với họ nữa.

** Văn học*

Văn học nghệ thuật Cơ Tu vẫn rất phong phú với những thể loại như : truyện cổ, trường ca, thần thoại, truyền thuyết, ca dao - tục ngữ - dân

ca... Ngoài ra, những câu ca dao, tục ngữ của người Cơ Tu cũng thể hiện triết lý nhân sinh sâu sắc. Chẳng hạn, người Cotu quan niệm rằng: “Có đồ mồ hôi mới thấy ấm no”. Hay câu ca “ Dừng của ta làm ra, chớ nên lấy của người mà dùng” [31, tr. 37]. Những câu này có nội dung gần giống với câu tục ngữ : “Có làm thì mới có ăn/ Không dung ai để mang phần đến cho” của dân tộc Kinh. Trong câu ca dao của người Cotu: “Con nghe lời cha mẹ thì cha mẹ nở mặt nở mày” [30, tr. 37], câu này tương tự câu : “Cá không ăn muối cá ươn/ Con cãi cha mẹ trăm đường con hư” của dân tộc Kinh.

1.2.5. Văn hóa vật thể

** Văn hóa ẩm thực*

Ẩm thực của người Cơ Tu không cầu kỳ, gia vị ít, nhưng ăn rất ngon bởi được săn bắt, chế biến từ thiên nhiên của núi rừng, sông suối ban tặng. Đặc trưng như: cơm lam, thịt ống nướng, thịt ống thọc nhuyển. Nước uống như rượu nếp, rượu cần... ngon và bổ. Người Cơ Tu còn rất thích uống rượu, họ biết ủ nếp, sản với men rượu để dùng hàng ngày và đãi khách. Đặc biệt, tại các huyện vùng cao Quảng Nam, người đồng bào biết chế ra rượu từ cây Tàvạt (được lấy từ hoa trái cây ngâm vào loại men cây), Tàđin (nước từ thân cây và cũng tạo ra men). Tạo nên nét ẩm thực riêng, độc đáo ở miền sơn cước Trường Sơn hùng vĩ.

** Kiến trúc nhà ở*

Kiến trúc nhà truyền thống của người Cơ Tu có đặc trưng tụ cư thành một cụm cư dân gọi là Vêêl, Croon hoặc là Buroih; tùy theo từng phương ngữ của vùng cao, trung, thấp mà các tên gọi này khác nhau nhưng tất cả để chỉ đặc trưng của hình thái cư trú. Khu cư trú của từng làng Cotu là một nhóm vài chục ngôi nhà sàn, mái kiểu mai rùa, đứng kề nhau thành đường vòng tròn hoặc ê-líp, tất cả vây quanh khoảng đất bằng phẳng, tương đối rộng được xem như sân chung. Ngôi nhà cộng đồng (Guol) cao lớn và đẹp

hơn cả, thường nổi bật tại vị trí trung độ so với những dãy nhà còn lại, hay giữa khoảng sân làng. Cách bố trí này thể hiện đặc điểm cổ truyền của làng Cốt, nhằm mục đích phòng thủ, chống lại mọi vũ lực đe dọa từ bên ngoài, đồng thời thể hiện tính cố kết, tính tương trợ rất cao giữa các thành viên trong cùng một cộng đồng.

**Trang phục*

Để có những bộ trang phục đẹp mang bản sắc riêng cho dân tộc mình, người phụ nữ Cốt Tu phải tốn nhiều công sức. Họ trồng bông tách hạt, tách bông, vắn bông, se sợi... Sau đó được dệt hoàn toàn bằng thủ công, những đường nét và các họa tiết hoa văn hết sức tinh tế tạo thành dãy hoa văn đặc sắc bằng chì hoặc cườm trắng trên nền vải chàm đen thể hiện tính thẩm mỹ và tài năng sáng tạo của người phụ nữ Cốt Tu rất cao. Người Cốt Tu đặc biệt ưa chuộng trang phục có nhiều hoa văn. Trên các váy, áo, khố của người Cốt Tu đều được thể hiện nhiều mô - típ có hình họa khác nhau. Từ việc thể hiện nhiều loại hoa văn khác nhau trên nền váy đã thấy một kỹ thuật dệt rất đặc sắc, có thể xem như là nghệ thuật - dệt tạo hoa văn bằng cách luồng hạt cườm vào sợi chỉ dệt (chỉ tìm thấy ở người Cốt Tu).

Màu sắc đặc trưng của váy, áo phụ nữ (kể cả khố và tấm choàng của đàn ông) là màu chàm đen. Người Cốt Tu quan niệm rằng: màu chàm đen là màu của đất, màu đỏ là màu của mặt trời. Đây là hai màu sắc của hai vật thiêng liêng không thể thiếu trong đời sống của người Cốt Tu. Trang sức của người Cốt Tu khá phong phú và đặc sắc, ngay trên trang phục của người Cốt Tu đã thể hiện tư duy và vật thể làm đẹp của con người.

Từ khía cạnh văn hóa vật thể của dân tộc Cốt Tu, nổi bật lên là mô hình cư trú của cộng đồng mà điểm nhấn cho giá trị văn hóa này là nhà làng (guol). Guol là công trình kiến trúc văn hóa đặc sắc, biểu hiện giá trị về mặt nghệ thuật (điều khắc, trang trí), chứa đựng những yếu tố tâm linh

và chuyển tải những quan niệm của đồng bào Cơ Tu trong việc nhận thức thế giới.

1.3. Khái quát về nghệ thuật múa Cơ Tu

1.3.1. Khái quát về nghệ thuật múa

Múa là một phần quan trọng của các xã hội con người và hệ thống văn hoá. Múa được tạo ra từ những biểu hiện thẩm đượm văn hoá ở trong phạm vi của bối cảnh xã hội và văn hóa tín ngưỡng, văn hóa dân gian. Múa còn truyền tải thông tin, ý nghĩa như nghi lễ, lễ hội và giải trí. Nghệ thuật múa là một thành tố văn hóa tồn tại, hình thành, phát triển trong tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam. Từ thời tiền sử, sơ sử văn hóa múa đã hiện diện và không thể thiếu vắng trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Nó trở thành một nhu cầu thiết yếu của xã hội và một trong những loại hình nghệ thuật sớm nhất của loài người. Sự tồn tại ấy theo guồng quay của lịch sử, qua các thời kỳ biến đổi của xã hội [45, tr. 61- 62].

Múa là một môn nghệ thuật hiện thân của cái đẹp, là một trong những loại hình nghệ thuật được biểu đạt bằng ngôn ngữ riêng, thông qua động tác, hình thể. Cái đẹp vốn tồn tại trong tâm thức của từng con người biểu hiện trong tất cả các loại hình nghệ thuật. Một trong những loại hình nghệ thuật đặc trưng biểu hiện của cái đẹp là nghệ thuật múa. Có thể nói, cái đẹp là cội nguồn của hình thái ý thức xã hội, tồn tại và phát triển trong thực tiễn, trong cuộc sống của con người, trong mọi lĩnh vực sinh hoạt văn hóa cộng đồng từ thời nguyên thủy tới ngày nay. Tư tưởng thẩm mỹ, cảm xúc thẩm mỹ, hưởng thụ thẩm mỹ là nhu cầu của mọi thành viên trong xã hội, trong mọi thời đại. Nghệ thuật múa có đặc trưng cơ bản, đặc trưng bản chất là thẩm mỹ - bản chất của cái đẹp.

Trong kho tàng di sản dân gian các dân tộc, nghệ thuật múa

luôn chiếm vị trí quan trọng. Múa luôn gắn với đời sống, thể hiện phong cách, tâm hồn và tình cảm của mỗi tộc người. Là cái nôi của âm nhạc công chiêng, với tiết tấu sôi nổi, các điệu múa được ra đời, mô tả động tác săn bắn, hái lượm, lao động sản xuất và bắt chước những hình ảnh thiên nhiên sinh động vây quanh.

1.3.2. Nguồn gốc múa Cơ Tu

Múa là một trong những nghệ thuật được ưa thích nhất của tộc người Cơ Tu, có thể nói người Cơ Tu nam hay nữ khi biết chạy nhảy thì đã biết múa. Khi nói đến múa Cơ Tu thì bao giờ người ta cũng nghĩ ngay đến điệu múa: Tung tung Da dá, múa Tung tung (múa nam) và múa Da dá (múa nữ). Cho đến nay, đã xuất hiện một vài bài viết trên báo, tạp chí đề cập về múa Da dá của tộc người Cơ Tu, tuy nhiên các nhà nghiên cứu vẫn chưa có sự giải thích xác đáng về nguồn gốc của vũ điệu này. Vì mỗi người tiếp cận ở góc độ nhất định như lịch sử nghệ thuật, quản lý văn hóa, dân tộc học, văn hóa học, mỹ thuật, múa... nên nảy sinh nhiều giả thuyết khác nhau về nguồn gốc, ý nghĩa của vũ điệu này.

Một nghiên cứu về từ nguyên cho thấy *Ya ya* chính là từ láy của từ *ya*, từ chỉ người/người đàn bà/mẹ/bà/bà tổ trong ngôn ngữ của nhiều tộc người ở Đông Nam Á vốn có chung cội nguồn. Trong tiếng Cotu, các biến thể của *ya* là *aye* = bà, *ya ýal/jaja* = mẹ vợ hay mẹ chồng. Tên gọi này hoàn toàn phù hợp với đặc trưng và tính biểu tượng của điệu múa. Trong tiếng hú gọi tổ tiên của những người xung quanh, người múa *ya ýa* luôn là đàn bà, trong tâm thức Cotu được đồng nhất với người mẹ lúa - nữ thần lúa, với con chim mang hồn lúa, với Mặt trời; chuyển động của người múa thành vòng tròn quanh mình và quanh cột lễ theo hướng ngược chiều kim đồng hồ, tức hướng chuyển động ảo của Mặt

trời; cánh tay của người múa để ngang vai, bàn tay luôn xoè lên trời, nơi trong tâm thức Cotu là nơi trị vì của Manuih Pleng (Người Trời), tức bà mẹ khởi nguyên, vị thần tối cao Cotu chủ về sức khỏe, mùa màng và no ấm; tư thế múa *ya ya* tương ứng với hình ếch, một biểu tượng của mẹ lúa - Người mẹ khởi nguyên..
[7, tr. 67- 68]

Theo một số nhà nghiên cứu, Da dá liên quan đặc biệt tới một số nghi lễ nông nghiệp. Đó chính là điệu múa thiêng, điệu múa cầu mùa với động tác cơ bản là đôi tay của người phụ nữ xoè lên trời cầu xin và đón nhận sinh khí và hạt lúa của thần linh. Cầu mùa là một nghi lễ nông nghiệp khá phổ biến ở cư dân người Việt và cùng nhiều tộc người khác ở Việt Nam và gắn bó với đời sống của con người. Cầu mùa thể hiện tâm niệm; ước vọng của con người, cầu mong mùa màng tốt tươi, ấm no, hạnh phúc. Múa, hát, khấn tụng là một trong những loại hình nghệ thuật thể hiện nghi lễ cầu mùa.

Theo tác giả Lê Ngọc Canh: “Múa cầu mùa được chạm khắc trên trống đồng Đông Sơn với động tác múa là hai tay đưa ra phía trước hoặc hai tay giơ cao như tư thế dâng và đội lễ vật. Ngoài ý nghĩa của điệu múa, động tác múa được thể hiện trên trống đồng có vài nét giống với động tác múa Da dá của dân tộc Cơ Tu, nhất là động tác tay” [3, tr. 22].

Khi nghiên cứu về lịch sử nghệ thuật, nhiều nhà nghiên cứu còn cho rằng điệu múa Da dá của người Cơ Tu là điệu múa được rất lâu đời và có thể xem là một trong những điệu múa cổ nhất của loài người. Thời tiền sử, nhiều tộc người đã từng tồn tại điệu múa này nhưng nó đã bị mất đi theo thời gian, chỉ có người Cơ Tu còn lưu giữ cho đến ngày nay. Dấu vết của điệu múa ấy còn lưu lại trong nghệ thuật tạo hình như tranh vẽ, khắc đá, hoa văn trang trí

trên đồ vật chứ không còn thấy xuất hiện trong nghệ thuật di sản xương. Bằng chứng là, những mô típ hoa văn hình người hoặc hoa văn người đàn bà múa *Da dá* của người Cơ Tu và điệu múa ngai rằm của người Tà Ôi rất gần gũi với mô típ được gọi là "hình ếch" (frog shaped figures) được thấy trong nghệ thuật của nhiều tộc người khác nhau ở Đông Á, Đông Nam Á và cả ở những người da đỏ thiên di từ Châu Á sang Bắc Mỹ cách đây 20.000 năm. Động tác múa với hai tay giơ lên trời, hai chân dạng ra đối xứng theo trục dọc, từng được người tiền sử thể hiện qua các hình vẽ trên vách hang động thời tiền sử ở Đông Nam Á, như ở hang Pha Deang ở tỉnh Kanchanaburi (Thái Lan) và hang ở vùng người Choang Quảng Tây - được coi là những hình vẽ của người Lạc Việt [45, tr. 65].

Các nhà nghiên cứu múa cho rằng động tác múa đó bắt nguồn từ những động tác dâng lễ vật từ thời xa xưa. Lễ vật được nâng trên tay hay đội trên đầu là xôi, thịt, hoa, trái... để dâng mừng.

Từ đó có thể xác định rằng, điệu múa *Da dá* có nguồn gốc từ một điệu múa thiêng, điệu múa cầu mùa gắn với mặt trời - Người mẹ khởi nguyên - Mẹ lúa. Điệu múa này rất cổ và từng được thể hiện qua các hình vẽ trên vách hang động thời tiền sử ở Đông Nam Á.

Như vậy, đối với tộc người Cơ Tu khi nói đến múa thì người ta nghĩ ngay đến điệu múa Tung tung Dá dá hay còn gọi là múa Cơ Tu.

1.3.3. Vai trò nghệ thuật múa Cơ Tu với đời sống văn hóa tinh thần của tộc người Cơ Tu

Văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc miền núi Quảng Nam từ lâu luôn được xem là niềm tự hào chung của cộng đồng các tộc người với những nét đẹp tinh tú, hội tụ nhiều yếu tố độc đáo của đồng bào

vùng cao. Trong bất kỳ lễ hội trọng đại nào của bản làng Cơ Tu, không thể thiếu vắng điệu múa Tung tung Da dá này. Đây là điệu múa tập thể, vũ điệu này gắn bó với cộng đồng, xuất hiện trong nhiều trong sinh hoạt cộng đồng và các lễ hội lớn của người Cơ Tu như lễ hội đâm trâu, lễ hội mừng lúa mới, lễ hội dựng làng, dựng nhà Gươl, lễ cơm mới, lễ mừng vụ mùa bội thu, lễ tria lúa, lễ kết nghĩa giữa hai làng, mừng thú săn, trả đầu thành công, lễ khánh thành nhà gươl hay làm nhà mồ cho tổ tiên... Họ trân trọng và ý thức việc gìn giữ và phát huy loại hình nghệ thuật đặc sắc của dân tộc mình.

Trong rất nhiều điệu múa, người Cơ Tu thích nhất là điệu múa Tung tung Da dá. Tung tung Da dá là điệu dân vũ chan hòa cho thấy sự hiệp lực của đàn ông, thanh niên với đàn bà và thiếu nữ Cơ Tu. Trong không gian bao la của núi rừng, vòng tròn nam nữ thanh niên di chuyển nhịp nhàng sinh động cùng với âm thanh cồng chiêng và các loại nhạc cụ truyền thống khác luôn ngân dài tan vào vũ trụ như một lời cầu nguyện người Cơ Tu gửi tới đấng thần linh và tổ tiên. Họ tin rằng thần đất, thần sông, thần suối cho họ cái ăn và Giàng nghĩa là trời cho họ cái nghỉ, cái tin vào sức mạnh để vượt qua, sống mạnh mẽ với nắng gió của núi rừng Trường Sơn hùng vĩ.

Vì vậy, qua rất nhiều thế hệ, họ đã hun đúc, sáng tạo nên một điệu dân vũ mang đậm hơi thở cuộc sống và tâm linh. Trong vũ điệu ấy chúng ta thấy có cảnh những trai làng khỏe mạnh tay cầm giáo mác giữ đất, giữ rừng, đi săn bắn, có cảnh hiến tế với hàng đoàn người phụ nữ tay dâng lễ vật lên Giàng, thần đất, thần sông để cầu cho mưa thuận gió hòa, cầu ban cho cái ăn, cái mặc... múa giúp họ thêm gắn bó, yêu thương nhau, bản làng thêm đoàn kết, gần gũi với thiên nhiên và thêm tin yêu cuộc sống. Người Cơ Tu có quyền tự hào về nghệ thuật múa đặc sắc của mình. Múa

là sản phẩm tinh thần không thể thiếu trong đời sống văn hóa của họ, nó tiêu biểu cho cội nguồn văn hoá độc đáo của dân tộc Cơ Tu.

Vai trò của nghệ thuật múa Cotu được thể hiện trong các lĩnh vực: lễ hội, lao động, tục cưới, trong văn hóa tâm linh. Trong các sinh hoạt văn hóa ấy, nghệ thuật múa là một thành tố không thể thiếu. Nói cách khác, nghệ thuật múa tham gia vào mọi lĩnh vực đời sống tinh thần của toàn cộng đồng. Nó tồn tại như một thực thể khách quan theo nhu cầu của xã hội, của đời sống tinh thần của cộng đồng. Nghệ thuật múa gắn bó với vòng đời ví như không khí, dòng sữa tinh thần nuôi dưỡng con người. Có thể nói rằng múa Cơ Tu đẹp, hấp dẫn, bởi giàu tính thẩm mỹ. Nó biểu hiện tư duy thẩm mỹ vươn tới cái chân chính, hồn nhiên của tộc người Cơ Tu. Bao đời nay, điệu múa “Tung tung Da dá” đã tồn tại và thấm sâu vào tiềm thức của đồng bào Cơ Tu ở các huyện miền núi phía tây của tỉnh Quảng Nam. Do đó, trong quá trình lao động, sản xuất, sinh hoạt truyền thống, người Cơ Tu luôn tự hào về “vũ điệu dâng trời” này. Và họ tin rằng, đây là một nét văn hóa khác biệt giữa dân tộc Cơ Tu với các dân tộc anh em khác.

Như vậy trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng của người dân Cơ Tu thì nghệ thuật múa chiếm một vị trí rất quan trọng trong mọi lễ nghi. Với đôi bàn tay khéo léo của người phụ nữ đã tạo nên một vẻ đẹp rất huyền động tác dâng lễ vật lên cho trời với dáng vẻ đường nét rất xinh động tạo nên hình tượng nghệ thuật múa Cơ Tu thật mượt mà, thanh cao, cổ kính và đầy sức sống.

Tóm lại, khi nói tới múa trong đời sống cộng đồng của tộc người Cơ Tu thì đây là loại hình nghệ thuật hết sức quan trọng với họ. Vai trò ấy không chỉ ở sử sách, mà tồn tại trong thực tiễn đời sống văn hóa cộng đồng Cơ Tu qua mọi thời đại.

Tiểu kết 1

Trong chương mở đầu của luận văn, tác giả đã nghiên cứu cơ sở lý luận về bảo tồn, phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu và đã khái quát về tộc người Cơ Tu ở Quảng Nam. Trong phần một của chương tác giả chỉ ra vai trò của múa Cơ Tu trong đời sống sinh hoạt văn hóa của họ. Thông qua điệu múa người dân đã gửi gắm vào đó niềm vui, nỗi buồn với biết bao hy vọng với múa đã trở nên gần gũi, thân thiết đi theo họ suốt cả cuộc đời. Với người Cơ Tu điệu múa này đã ăn sâu vào tâm hồn trong đời sống sinh hoạt của họ. Giữa rừng núi đại ngàn cách trở nghệ thuật múa đã hoàn toàn thấm đượm tư chất, bản sắc riêng trong đời sống sinh hoạt của họ. Điệu múa Tung tung - Da dá chính là cầu nối tâm linh của họ với thần linh, ông bà, tổ tiên. Điệu múa này là món ăn tinh thần không thể thiếu, là giá trị văn hóa phi vật thể đậm đà bản sắc dân tộc rất riêng của người dân Cơ Tu, mặc dù ở cùng khu vực, trong cùng vùng rừng núi với nhiều dân tộc anh em nhưng rõ ràng không hề có sự pha tạp.

Xuất phát từ những yếu tố đó mà chúng ta có cách tiếp cận về vấn đề bảo tồn và phát huy thể loại nghệ thuật múa theo phương thức nào và những giải pháp nào mang tính hiệu quả nhất. Muốn tìm ra câu trả lời đó thì phải dựa trên nhiều yếu tố đã làm cho nghệ thuật múa đó tồn tại, nói cách khác là tìm hiểu yếu tố địa văn hóa của vùng miền, tìm hiểu môi trường xã hội, yếu tố con người đó luôn được duy trì, phát huy trong chủ thể cộng đồng. Bên cạnh đó phải có sự tác động tích cực của quản lý nhà nước về văn hóa, đảm bảo sự bảo tồn và phát huy các giá trị nghệ thuật múa có tính liên tục, có tính hệ thống và bền vững. Những công việc này phải dựa trên cơ sở nghiên cứu khoa học một cách kỹ lưỡng, có sự thống nhất quan điểm trong việc bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa với những hình thức khác nhau, có sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành và địa

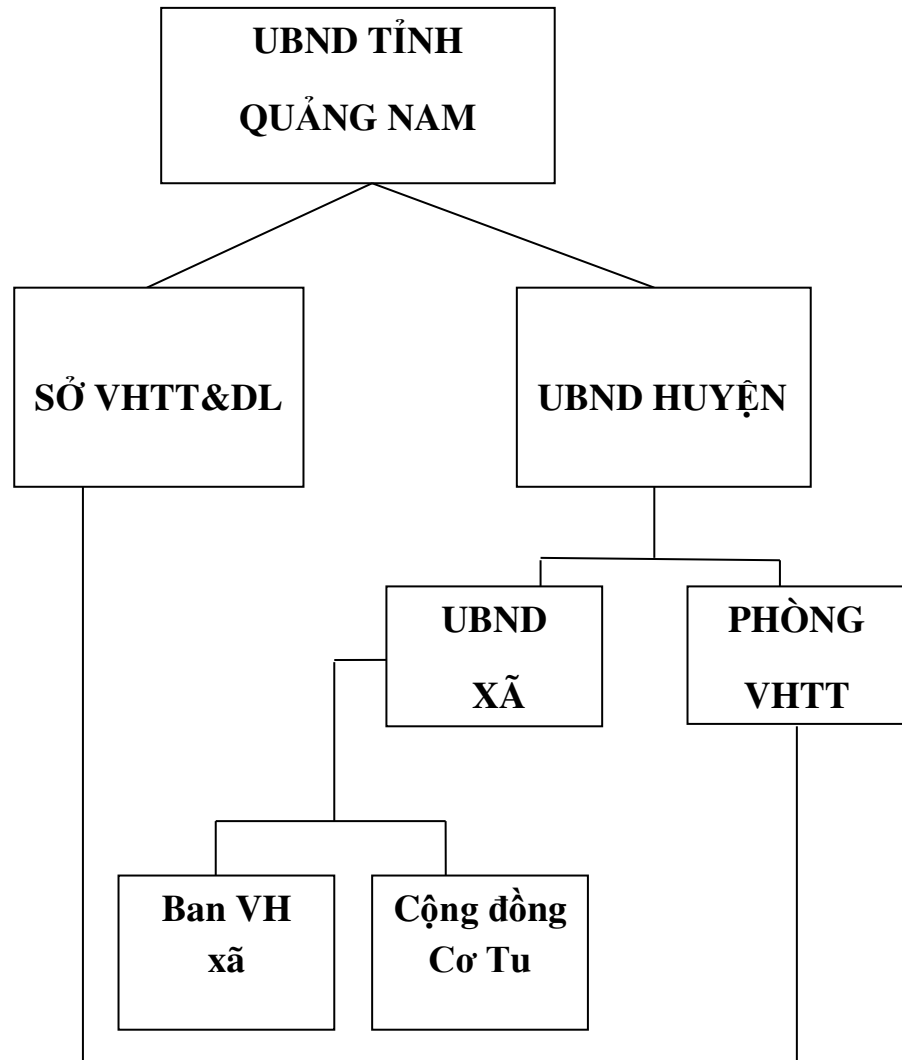
phương, để từ đó nghệ thuật múa Cơ Tu có sức sống mãnh liệt trong đời sống văn hóa tinh thần của người dân Việt Nam nói chung và của người dân Quảng Nam nói riêng, góp phần xây dựng nền văn hóa nước nhà theo tinh thần của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII, đó là xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Chương 2

THỰC TRẠNG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY NGHỆ THUẬT MÚA CƠ TU Ở TỈNH QUẢNG NAM

2.1. Nghệ thuật múa tộc người Cơ Tu

2.1.1. Hệ thống tổ chức bộ máy



Sơ đồ tổ chức quản lý hoạt động múa Cơ Tu

Theo sơ đồ này, tổ chức bộ máy quản lý hoạt động múa Cơ Tu chia làm hai bộ phận, Sở VH TT & DL và UBND Huyện. Tuy nhiên để có được

hiệu quả cao trong tiến trình bảo tồn di sản nghệ thuật múa của cộng đồng Cơ Tu, hai bộ phận tổ chức luôn có sự phối hợp để được hiệu quả cao.

Sở VH TTDL có nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu, lập hồ sơ khoa học về các giá trị di sản văn hóa; Tổ chức truyền truyền giới thiệu các giá trị văn hóa của nghệ thuật múa Cơ Tu, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm cộng đồng tham gia bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa.

Phòng VHTT là nơi tuyên truyền, giáo dục cộng đồng và du khách bảo vệ gìn giữ cảnh quan môi trường.

Nơi sinh sống của cộng đồng người Cơ Tu là nơi sinh hoạt văn hóa, bảo tồn, trưng bày trình diễn các loại hình nghệ thuật.

Hiện nay CLB múa Cơ Tu chịu sự quản lý chuyên môn của ban văn hóa xã, Ban này chịu trách nhiệm trước UBND Xã về hoạt động tổ chức của CLB và UBND Xã chịu sự điều hành, quản lý của UBND Huyện. UBND Huyện chịu sự điều hành quản lý của UBND tỉnh Quảng Nam.

2.1.2. Cơ chế hoạt động

Những năm qua, các ban và phòng văn hóa thông tin đã làm tốt nhiệm vụ quản lý nghiên cứu, bảo tồn, khai thác các giá trị văn hóa của tộc người Cơ Tu.

Việc quản lý, bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu đã được các cấp chính quyền địa phương và người dân nơi đây rất quan tâm, trong đó phải nói đến vai trò của cộng đồng cũng rất quan trọng, vì nơi diễn ra các hoạt động nghệ thuật múa Cơ Tu là nơi người dân sinh sống. Với ý nghĩa đặt biệt này thì vai trò của trưởng bản, già làng được đề cao trong cộng đồng tộc người. Trưởng bản, già làng đã phối hợp với các phòng Văn hóa thông tin, UBND Huyện... xây dựng kế hoạch tổ chức lễ hội, giữ gìn cảnh quan môi trường, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, ngăn chặn mọi

hành vi lợi dụng tín ngưỡng để làm những việc vi phạm pháp luật của nhà nước.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của vai trò cộng đồng thì UBND Huyện, Phòng VH TT cũng đã phối hợp các cơ quan chức năng có thẩm quyền cao hơn để gìn giữ những nét độc đáo của giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu thông qua hình thức biểu diễn, tuyên truyền, quảng bá. Việc huy động các nguồn lực nghiên cứu, sưu tầm nhằm khai thác gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống múa Cơ Tu đã được quan tâm và hiệu quả.

2.1.3. Công tác chuẩn bị

Thông thường, sau khi thu hoạch lúa rẫy xong, xuân về người Cơ Tu ở Quảng Nam lại tổ chức hội lễ hội. Chủ làng là người quyết định thời gian mở hội. Chủ làng mời các già làng, thầy cúng trong làng bàn việc chuẩn bị, cũng như phân công dân làng tổ chức lễ hội. Sau đó, chủ làng và già làng sẽ làm chủ lễ và chỉ huy các hoạt động của lễ hội theo đúng phong tục tập quán. Trai tráng trong làng vào rừng săn thú, phụ nữ bắt ốc, cá, ủ rượu, nấu xôi, làm bánh. Những người khéo tay trong làng lo chuyện gọt dẻo, trang trí trước nhà Gươl.

Trước ngày lễ hội, đường sá, sân làng được quét dọn sạch sẽ, nhà gươl (nhà làng), cổng, chiêng, trống được sửa sang. Đầu tiên là công tác chuẩn bị cho lễ hội. Các nghệ nhân thử lại cổng, chiêng cùng các loại nhạc cụ để đảm bảo đúng âm, đúng điệu. Người có uy tín trong làng được cử đi mời khách tham dự lễ hội của làng mình. Nam thanh niên lo quét dọn nhà cửa, đắp sửa lại đường đi, sân làng, sắp xếp, trang trí nhà Gươl thật khang trang để đón khách quý.

Mọi công tác chuẩn bị như tập hợp các thôn, bản, nghệ nhân đánh trống chiêng, đội hình múa Tung tung Da dá tập luyện sao cho những động tác đều đẹp, trồng cây nêu, chuẩn bị các lễ vật cúng tế đều được lên kế hoạch từ trước.

Bà con từ khắp các làng bản, từ vùng biên đến các vùng thấp hơn đều mang theo mình những bộ trang phục đẹp nhất của mình để tham gia lễ hội.

2.1.4. Hình thức biểu diễn

Vào lễ, mở đầu là lễ cầu an. Bài cầu an có đoạn: “Lạy trời cao, lạy đất rộng, lạy núi rừng, lạy suối sông. Lạy linh hồn ông, lạy linh hồn bà. Hôm nay đây từ trẻ đến già, xin dâng lễ thần linh. Cầu xin thần linh cho dân làng ấm no, sung sướng”. Khi tiếng công chiêng vang lên rộn rã cũng là lúc dân làng nhịp nhàng tham gia điệu múa Tung tung Da dá, đây là một hình thức kết hợp múa giữa nam và nữ.

Có một nguyên tắc khi trình diễn Tung tung Da dá là sau khi dàn trống chiêng vang lên "ting toàng... ting toàng... tư tư... tư tư... từng... từng...", bao giờ người con gái cũng bước ra múa trước, hết lượt con gái mới đến lượt con trai nối tiếp. Nếu người đông một vòng chập thì tạo thành hai vòng tròn cùng nhảy múa một lúc. Điệu múa Tung tung Da dá sắp xếp đi trước là nữ, đi sau là nam; vòng trong là nữ, vòng ngoài là nam. Phải chăng, chính điều này nói lên rằng, tộc người Cơ Tu dành cho đàn bà con gái sự "ưu tiên" hơn cả. Ngay trong gia đình, khi hai vợ chồng đi làm, trên đường ra nương rẫy, người vợ vẫn luôn là người đi trước.

Để tham gia múa Da dá, người phụ nữ Cơ Tu mặc váy dài, dệt bằng thổ cẩm có hoa văn sinh động và hài hòa. Trên cổ có thể đeo các loại trang sức, như vòng hạt, mã não... Hai cánh tay đưa lên ngang vai. Hai cổ tay vuông góc với cánh tay và song song với thân người. Bàn tay xòe và ngửa lên trời. Chân để trần, miệng luôn mỉm cười, thể hiện sự mừng rỡ đón đợi vật thiêng. Cả đội múa nhún nhảy hông bằng một động tác chậm rãi và đều đặn, trong khi đó, những người phụ nữ khác đứng xung quanh, hú vang cổ vũ như gọi mời tổ tiên và thần linh về chứng giám. Điệu múa Da dá mềm mại, uyển chuyển bao nhiêu thì điệu múa Tung tung lại dứt khoát, khỏe

khoản bấy nhiêu. Khi tham gia múa, nam thanh niên Cơ Tu đóng khổ thổ cẩm, trên vai còn đeo tấm choàng cũng dệt bằng thổ cẩm, chân đi đất, tay nắm chắc những vũ khí, như khiên, dao, mác... Hỗ trợ cho đội múa là những người đàn ông khác mang các nhạc cụ, như trống dài, chiêng..., vừa gõ vừa có những động tác biểu diễn, như cúi khom lưng, rồi vận cơ thể mạnh mẽ đầy chất tâm linh.

2.1.5. Không gian biểu diễn

Múa Tung tung, Da dá là một phần không thể thiếu trong các lễ hội của tộc người Cơ Tu như: Lễ hội lễ hội đâm trâu, mừng lúa mới, dựng làng, dựng nhà Gươl... là một trong những hoạt động văn hóa đặc sắc, mang đậm truyền thống của người Cơ Tu ở các huyện Đông Giang, Nam Giang, Tây Giang ở Quảng Nam. Với ý nghĩa tạ ơn thần linh đã mang đến một mùa màng bội thu, mưa thuận gió hòa, cầu cho năm mới được mạnh khỏe, ấm no, lễ mừng lúa mới là dịp để dân làng tề tựu, cúng tế, cùng chia sẻ niềm vui được mùa. "Vũ điệu dâng trời" là nghệ thuật diễn xướng nổi trội và được nhiều người yêu thích. Từ bao đời nay, người Cơ Tu múa Tung tung da Dá như một cách để kết nối giữa thế giới thực tại với vũ trụ, tổ tiên, ông bà và các vị thần.

Không gian biểu diễn múa Tung tung Da dá là ở trước nhà Gươl. Nguyên tắc về không gian diễn xướng là sự di chuyển mang ý nghĩa tái hiện sự chuyển động của cả vũ trụ. Khi người Cơ Tu tổ chức lễ hội, bao giờ cũng có một đồng lửa được đốt lên ở trước nhà Gươl. Đồng lửa ở trung tâm được xem như là biểu tượng mặt trời, vòng tròn của đội hình múa xung quanh được xem như là đường đi tuần hoàn của trái đất xoay quanh mặt trời để tạo nên bốn mùa xuân - hạ - thu - đông, còn mỗi cá nhân người múa tự quay xung quanh mình với ẩn ý là sự luân chuyển giữa ngày và đêm. Khi tham gia vào vòng tròn trong điệu múa Tung tung - da Dá ta nhận biết

ra rằng tập thể vòng múa di chuyển từ trái sang phải, còn từng người tự quay vòng tròn quanh mình, chân nhún nhẹ nhàng luôn thực hiện động tác từ phải sang trái. Điều này cho chúng ta nhận thấy giống đàn chim hạc trên mặt trống đồng Đông Sơn cổ xưa luôn bay ngược kim đồng hồ là thể hiện nhớ về quá khứ, hướng về cội nguồn, tổ tiên, vòng múa Da đá cũng thể hiện rõ điều đó. Bằng những tư duy và ngụ ý đơn sơ như vậy, người Cơ Tu đã tái hiện lại sự chuyển động của vũ trụ để cả cộng đồng được giao tiếp, được gần gũi hơn với thiên nhiên, với các đấng linh thiêng và tổ tiên của mình.

Nhà Gươl (nhà làng truyền thống) của người Cơ Tu được xem là nơi tôn nghiêm, là linh hồn của cả làng, có vai trò rất lớn trong đời sống của đồng bào, tất cả các lễ hội đều diễn ra trước nhà Gươl. Chuẩn bị lễ hội, Người Cơ Tu sắp xếp, chỉnh lại các hoa văn, họa tiết và các con vật trang trí trong nhà Gươl. Bên các vách nhà Gươl hay những lối đối diện đều được trang trí những tấm đồ, tấm tút đẹp nhất như báo với thần linh, ông bà, tổ tiên biết tấm lòng thành của mình cầu mong cho buôn làng Cơ Tu luôn trường tồn.

2.1.6. Đặc trưng nghệ thuật múa Cơ Tu

Tộc người Cơ Tu sống, tồn tại và phát triển trong một quá trình lịch sử, tộc người ít chịu sự tác động bởi các yếu tố bên ngoài, có tính cộng đồng bền vững và ở đó mỗi thành viên đều mang trong mình một ý thức về cội nguồn, tính tự tin, tinh thần trách nhiệm đùm bọc lẫn nhau, đoàn kết để chiến đấu bảo vệ giữ làng.

Người Cơ Tu rất trân trọng và nâng niu cái đẹp, luôn muốn được thể hiện cái hay, cái đẹp mà cộng đồng tộc người mình có. Đây cũng là tư chất để hình thành nên màu sắc trong các điệu múa độc đáo và các loại hình nghệ thuật mang màu sắc riêng của tộc người Cơ Tu.

Như NSUT Ngân Quý đã nhận định:

Nét nổi bật của múa Cơ Tu là: Động tác tay chủ đạo, cũng là tạo hình chủ đạo bao trùm, xuyên suốt toàn bộ hệ thống động tác múa Cơ Tu. Bắt nguồn từ những động tác dâng lễ vật từ xa xưa. Lễ vật được nâng trên hai tay là xôi, thịt, hoa, trái, dâng mừng nhảy múa đón tiếp khách trên buôn làng. Trên cơ sở thực hiện ấy, động tác dâng lễ vật theo quá trình phát triển lâu dài của lịch sử, được nhân dân sáng tạo, cách điệu hóa lên nghệ thuật, có trình độ thẩm mỹ cao. Hai bàn tay nâng lễ vật, đầu và thân trên hướng vươn lên trang trọng, kính dâng. Kết hợp hài hòa cùng bước nhảy xiên, nhảy trượt ngang, xoay lật nhún nghiêng, xoay lật nhún nảy, nhích quay lượn người... đã thể hiện dáng vẻ đường nét tạo hình rất sinh động, tạo nên hình tượng nghệ thuật múa Cơ Tu thật mượt mà thanh cao, cổ kính và đầy sức sống. Tựa như công trình điêu khắc được gọt tía chắt lọc công phu: vừa cổ kính, thiêng liêng vừa hiện đại sống động. Âm nhạc hòa trong tiết tấu múa, khi thì bập bùng nhịp nhàng nảy nhún, khi lại nhanh hoạt cuốn theo những bước nhảy nhanh nhỏ, nhảy quay sôi nổi, cuốn hút. Hòa cùng trang phục dân tộc độc đáo, đặc biệt bộ váy nữ được quấn ngang ngực, để trần phần trên ngực cùng với đôi vai và hai cánh tay thật mềm mại, khỏe trẻ, tôn thêm vẻ đẹp kỳ diệu của dáng múa Cơ Tu [23, tr. 14 -15].

Một đặc điểm riêng của múa Cơ Tu đối với nữ là người múa đứng thẳng, đôi tay vươn lên khỏi đầu, lòng bàn tay ngửa lên ngả theo hướng sau lưng.

Đặc trưng cơ bản của múa Cơ Tu là sự kết hợp giữa múa nam và múa nữ trong đội hình múa. Bên cạnh nhóm phụ nữ múa Da dẻ, những

người đàn ông tham gia nhảy hội với điệu Tung tung tạo nên một đội hình múa hoàn chỉnh mà tộc người Cơ Tu gọi là Tung tung Da đá. Tuyến đội hình của nam và nữ đi trên đội hình vòng tròn quanh Cột Nêu hay cột nhà Guol, ngược với chiều kim đồng hồ số lượng người tham gia không hạn chế. Có khi vùng múa có số lượng người múa tham gia lên đến cả trăm người, tùy theo nội dung, liều lượng và mức độ của lễ hội. Nguyên tắc trước sau như một của nam lẫn nữ là không được co chân lên khỏi mặt đất, chỉ có việc là bước tiến, nảy bật đôi chân nhẹ nhàng theo một nhịp điệu, động tác lặp đi lặp lại. Có người giải thích rằng điều này xuất phát từ điều kiện sinh tồn của người Cơ Tu. Chính ở nơi núi cao, thung sâu, đất bằng ít, điều kiện tự nhiên cực kỳ khắc nghiệt, khó có thể vươn ra địa bàn khác để tồn tại nên họ phải bám đất.

Trong lễ hội lớn của người Cơ Tu như lễ hội được mùa, lễ hội mừng lúa mới, lễ hội nhà Guol, lễ hội đâm trâu, thường có múa Tung tung - Da đá và dàn nhạc Cồng Chiêng được duy trì thường xuyên trong buổi lễ. Điệu múa này không có sự phân biệt nào, người già, người trẻ, trai, gái, người lớn, người nhỏ đều được tham gia. Thậm chí người khách từ nơi khác đến chơi cũng có thể tham gia. Các động tác của múa nam và nữ cơ bản không có sự khác biệt nhiều, chủ yếu khác nhau ở phần giai điệu, nhịp điệu chậm rãi, tha thiết hay rộn ràng. Vì vậy khi mới nhìn thoáng qua, múa Cơ Tu có vẻ khá đơn điệu, trùng lặp, nhưng thực sự đó chính là kết tinh một nghệ thuật múa với nhiều nét đặc trưng văn hóa và đặc thù riêng.

Nhìn tổng thể múa Cơ Tu tạo thành vòng tròn di chuyển chậm và ngược chiều kim đồng hồ. Nếu là lễ hội ở sân nhà Guol thì lấy cột đâm trâu làm tâm điểm, nếu là lễ hội bên trong nhà Guol thì cột chính ở giữa làm tâm điểm. Điệu múa Cơ Tu cũng gắn liền với âm nhạc Cồng Chiêng và trống. Sau khi chiêng, trống nổi lên sẽ tạo nhịp điệu, giai điệu để múa.

Hàng con gái thường múa trước mới tới hàng con trai nối tiếp theo sau tạo thành vòng tròn. Nếu đông người, một vòng chật thì họ sẽ tách thành hai vòng tròn cùng nhảy múa, nữ vòng trong, nam vòng ngoài. Cồng chiêng cũng là nét độc đáo và phong phú của văn hóa vật thể - phi vật thể của đời sống cộng đồng người Cơ Tu. Múa Cơ Tu kết hợp với đánh Cồng chiêng trong lễ hội tạo ra một thế giới âm thanh lạ lùng, đa năng và mang cả nét kỳ bí trong không gian nguyên sơ của núi rừng. Bởi vậy múa Cơ Tu nó trở thành một thứ không thể thiếu trong các lễ hội truyền thống, là ngôn ngữ nối con người với các đấng siêu nhân như: Giàng, thần linh, ông bà, tổ tiên.

Trang phục, trang sức múa cũng chính là trang phục, trang sức của người tham gia lễ hội, đó là trang phục đầy hoa văn sắc sỡ và nhưng trang sức đẹp đẽ và quý giá nhất của mình và bất kỳ ai đi tham dự lễ hội đều có thể múa nếu thích. Điều đó cho chúng ta thấy tính cộng đồng, sự đoàn kết, chan hòa của người Cơ Tu rất cao. Trang phục của họ cũng phản ánh được nhân sinh quan, thế giới quan của người Cơ Tu về vũ trụ, trời đất vạn vật cũng như phong tục tập quán, sinh hoạt cộng đồng... của dân tộc mình. Màu chủ đạo của trang phục Cơ Tu là màu chàm đen, đây cũng là màu nền của trang phục. Người Cơ Tu quan niệm rằng: Màu chàm đen là màu của đất, màu đỏ là màu của mặt trời. Đây là hai màu sắc của hai vật thiêng không thể thiếu trong đời sống của người Cơ Tu. Vì vậy trang phục của họ không thể thiếu hai màu nói trên. Trang phục của người Cơ Tu ẩn chứa nhiều nét hoang dã của một cư dân sống trên vùng Trường Sơn. Với họ trang phục là cội rễ để hình thành nên một bản sắc văn hóa riêng - Văn hóa Cơ Tu. Từ nhưng nét riêng biệt và độc đáo đó đã làm cho trang phục của người Cơ Tu vùng Trường Sơn không giống bất kỳ trang phục lễ hội nào của cộng đồng 54 dân tộc anh em sống trên dải đất Việt Nam.

2.2. Các giá trị văn hóa của nghệ thuật múa Cơ Tu ở Quảng Nam

2.2.1. Giá trị nhân văn

Trong nếp sống hằng ngày, người Cơ Tu bộc lộ tinh thần tương thân, tương trợ trong phạm vi làng và tuân thủ luật tục của làng, tinh thần đoàn kết trong cộng đồng và với các cộng đồng dân tộc khác.

Do sống ở vùng cao cách trở nên trong đời sống, đồng bào dân tộc Cơtu rất chú trọng đến yếu tố cộng đồng. Bởi đó là sức mạnh để họ chống chọi với thiên tai, địch họa và thú rừng. Họ dựa vào nhau để sống, để tìm kế sinh nhai, để tồn tại trước khắc nghiệt của môi trường sống. Có thể nói, yếu tố cộng đồng đầy tính nhân văn, nhân bản ấy, đã ăn sâu vào tâm thức của người Cơ Tu để rồi dần hình thành phong tục ăn mừng lúa mới, cùng sinh hoạt lễ hội đâm trâu và cùng sum vầy ăn uống khi trong làng có người đi săn được thú rừng. Trong sự yên vắng, bình dị của mỗi làng, hễ cứ nghe tiếng chiêng, tiếng trống vang lên có lẽ là lúc dân làng đón nhận tin vui hay buồn (tùy theo mỗi điệu và nhịp trống) và mọi người đều phải bỏ dở việc làm để chạy về ngôi nhà chung. Tộc người Cơ Tu sống trung thực, thẳng thắn, công bằng, kính trên nhường dưới (thể hiện ở sự tôn trọng già làng, người có uy tín trong cộng đồng hay kể cả việc chia sản phẩm làm ra cho đứa trẻ còn trong bụng mẹ). Trong hành vi và quan niệm của họ, những chuẩn mực được phân định tuyệt đối theo thái cực đối lập: tốt - xấu, đúng - sai, có - không. Đây cũng là triết lý của người Cơ Tu trong hành vi, lối ứng xử hằng ngày của mình.

2.2.2. Giá trị thẩm mỹ

Trong hệ thống những giá trị văn hóa phi vật thể của người Cơ Tu như phong tục tập quán, tín ngưỡng, ứng xử giao tiếp và các loại hình nghệ thuật thì ở mỗi loại hình đều có những biểu hiện giá trị mang đậm dấu ấn cả về hình thức lẫn nội dung của dân tộc mình, một trong những biểu hiện đó

chính là nghệ thuật âm nhạc và múa truyền thống của người Cơ Tu.

Nằm trên dãy Trường Sơn cùng với nhiều tộc người các dân tộc Tây Nguyên như: Bana, Giarai, Êđê, H'mông, Xêđăng... nhưng múa dân gian Cơ Tu có sự độc đáo khác lạ từ đường nét tạo hình đến luật động tác, toàn diện từ tay, chân và mình... Tạo hình chủ đạo của múa Cơ Tu do các cô gái thể hiện là tạo hình hai tay dang lể vật hướng lể vật hướng lên bầu trời. Những bước nhảy nhỏ nhảy nhích ngang, những động tác lượn người quay nửa vòng làm cho sự diễn tả thân hình phong phú. NSND Thái Ly khi sưu tầm múa dân gian Cơ Tu đã nhận xét: “Đây là những nét múa của một dân tộc có nền văn hóa múa có chiều sâu và chiều cao”. Chính từ nhận xét và cảm xúc ấy ông đã cùng với NSƯT Ngân Quý đã tạo nên một sáng tác nổi tiếng về múa Cơ Tu.

Vòng múa của người Cơ Tu thường chuyển động ngược vòng kim đồng hồ, như ngược lại thời gian thể hiện sự trân trọng, sự đề cao quá khứ truyền thống.

Động tác múa Cơ Tu kể cả phần tay và phần chân đều rất khác trong động tác múa của dân tộc vùng Tây nguyên, chính những động tác ấy đã tạo ấn tượng rất cao cho người xem.

Trang phục múa luôn gắn liền với động tác múa. Những tấm váy của các cô gái Cơ Tu hồ vai để lộ đôi vai trần tạo nên trang phục rất đẹp mắt và hấp dẫn.

Âm thanh, giai điệu Cồng chiêng hòa nguyện trong múa dân gian Cơ Tu là phần hồn của múa.

Có lẽ vì lý do đó mà một khán giả khi xem tác phẩm Múa Cơ Tu của cô NSND Thái Ly và NSƯT Ngân Quý dàn dựng đã cảm xúc viết:

Tổ quốc yêu thương, vất vả, anh hùng

Đã cho ta bàn tay rất đẹp

Có duyên dáng của hoa, độ bền của thép
 Nuôi cho đời bằng hai bàn tay
 Giản dị yêu thương trên dải đất này
 Ta quý trọng bàn tay con gái

....

Quê hương tự hào từ những bàn tay
 Em múa đi cho đẹp tháng ngày
 Cho lúa lên xanh cho đồng no đủ
 Cho tình yêu ngàn đời quyến rũ
 Đất nước đang cần hàng triệu cả bàn tay.

Mấy dòng thơ trên được trích ra từ một bài thơ dài đăng trên Báo “Sài Gòn Giải Phóng” ngày 01 tháng 11 năm 1975. Tác giả Văn Dung đã rung cảm khi xem điệu múa Cơ Tu với nhiều cung bậc cảm xúc. Tác giả đã thể hiện lên bài thơ với những ý nghĩa tốt đẹp, không chỉ ca ngợi vẻ đẹp, cái thẩm mỹ của bàn tay múa, mà còn tự hào về giá trị truyền thống, còn yêu quý, hy vọng cho tương lai tốt đẹp.

Vẻ đẹp của múa dân gian Việt được xem như vẻ đẹp truyền thống dân tộc. Bởi vẻ đẹp luôn tồn tại, phát triển cùng với nhân dân, với thời đại. Nó ấp ủ hơi thở thời đại của con người đã sinh ra nó. Đẹp là một yêu cầu, một yếu tố không thể thiếu trong kho tàng nghệ thuật múa dân tộc Việt [1, tr. 451].

Điệu múa của tộc người Cơ Tu được nâng cao, trở thành màn trình diễn rất ấn tượng ở các lễ hội, hội thi, hội diễn vì nó phù hợp với xu hướng thẩm mỹ của thời đại mới.

2.2.3. Giá trị tâm linh

Múa dân gian Cơ Tu cũng như các điệu múa dân gian khác của các dân tộc Việt Nam, nó có giá trị lâu đời và được hình thành từ trong cuộc

sống lao động, chiến đấu và trong sinh hoạt tín ngưỡng của từng tộc người, đó là sự kết tinh những giá trị văn hóa của dân tộc. Qua mùa dân gian Cơ Tu ta thấy sự gắn bó đời sống lao động của người Cơ Tu với thiên nhiên đất trời, thần linh, thể hiện qua lễ cầu cho mùa màng tốt tươi.

Động tác hai tay dâng lễ vật lên trời có ý nghĩa linh thiêng, là muốn dâng lên thần linh những vật phẩm biểu thị biết ơn đối với các thần, biết ơn trời đất. Đồng thời cũng là để cầu xin thần linh trên trời cho dân làng sự khỏe mạnh không bị dịch bệnh, ốm đau, cầu cho mưa thuận gió hòa, thóc lúa đầy kho, dân làng no đủ... Theo lời kể của những người già trong làng ở huyện Nam Giang: Trước đây khi làm lễ cúng thần linh, trên hai bàn tay của cô gái múa Da dá còn có để chiếc lá trong đó có những vật phẩm như: Thịt xôi hay nắm cơm... nhưng sau này thì không còn nữa.

Thờ thần mặt trời cũng là tín ngưỡng của các dân tộc cư dân Đông Nam Á. Ở Việt Nam, đại đa số các dân tộc ít người có tín ngưỡng thờ đa thần. Người Cơ Tu ở địa bàn vùng núi của tỉnh Quảng Nam và Đà Nẵng cũng vậy.

Người Cơ Tu theo tín ngưỡng đa thần. Thần là các hiện tượng tự nhiên như mây, mưa, sấm chớp, mặt trời, mặt trăng, thần núi, thần sông, thần rừng, thần suối, thần rẫy, thần lúa. Thần ma lành hoặc ma dữ... Cúng thần tùy mức độ quan trọng, to nhỏ biểu hiện qua lễ vật cúng thần; nhỏ thì ổ trứng gà con gà, còn lớn hơn thì dùng lợn; cao hơn nữa thì dùng trâu. Xưa kia cao nhất là dùng máu người (máu của chiến binh bắt được). Theo người Cơ Tu, đối với siêu nhiên, máu của vật hiến sinh có ý nghĩa quan trọng đặc biệt. Làng thường có những “vật thiêng” cất giữ ở ngôi nhà Gươl coi như một lá bùa chung của làng. Đó là hòn đá kỳ dị, đầu súc vật săn được để đánh dấu một kỳ tích nào đó, mỗi cá nhân

thường cũng có vật thiêng làm bùa hộ mệnh như cung tên, nỏ, giáo mác... cất giữ trong nhà [6, tr. 103].

Người Cơ Tu có tập tục thờ cúng hương khói. Họ tâm niệm biết ơn với trời đất là phải thể hiện vào việc cụ thể vào việc dâng lễ, có được miếng ăn chia sẻ trước hết là các thần đất, trời. Đây chính là cội nguồn sức mạnh để góp phần chiến đấu, chiến thắng mọi thế lực và xây dựng bảo vệ làng, tổ quốc.

2.3. Thực trạng bảo tồn, phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu hiện nay

Thực trạng bảo tồn, phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu bao gồm cả thực trạng bảo tồn di sản văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Việc bảo tồn này có xen lẫn giữa cái chung và cái riêng. Để bảo tồn cả hai loại hình di sản văn hóa này trước tiên chúng ta đều thực hiện công tác nghiên cứu, sưu tầm. Từ những kết quả nghiên cứu sưu tầm được sẽ tiến hành kiểm kê, tư liệu hóa. Nhưng điều khác biệt ở đây là bảo tồn văn hóa vật thể phải áp dụng công tác bảo quản các hiện vật để tránh bị hư hỏng, ẩm mốc theo thời gian, còn với bảo tồn văn hóa phi vật thể phải thực hiện công tác bảo vệ, khôi phục. Việc khôi phục nghệ thuật múa Cơ Tu đưa vào thành một sản phẩm văn hóa đặc trưng của dân tộc miền núi để phục vụ du lịch, phát triển kinh tế - xã hội vùng cao miền núi nói chung, lợi ích, đời sống thu nhập của dân tộc Cơ Tu nói riêng.

Ông Nguyễn Đức, Trưởng Ban dân tộc HĐND tỉnh Quảng Nam nhấn mạnh: Việc bảo tồn, phát huy văn hóa đồng bào vùng cao cần sự vào cuộc có trách nhiệm các nhà chuyên môn, cơ quan quản lý ở các địa phương miền núi. Khôi phục và phát huy các giá trị văn hóa đồng bào các DTTS cần tuân thủ giá trị truyền thống, bản sắc và không gian văn hóa của đồng bào.

Sở VH TT&DL tỉnh Quảng Nam cùng với ba huyện Tây Giang,

Đông Giang và Nam Giang cũng đã có nhiều nỗ lực trong việc huy động đội ngũ trí thức, già làng, trưởng bản, các nghệ nhân dân gian người Cơ Tu vào quá trình bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Xác định công tác khôi phục, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa Cơ Tu có vị trí, vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong thời kỳ hội nhập.

Cùng với đó huyện Đông Giang đã thực hiện Nghị quyết 77/2008/NQ - HĐND ngày 31/12/2008 về “Khôi phục, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa Cơ Tu giai đoạn 2009 - 2015”, các cấp ủy, chính quyền và các ban, ngành huyện đã xây dựng kế hoạch thực hiện khôi phục, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa Cơ Tu.

2.3.1. Công tác nghiên cứu sưu tầm

Công tác nghiên cứu, sưu tầm múa Cơ Tu ở ba huyện Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang tỉnh Quảng Nam hiện nay gặp nhiều khó khăn trong cơn vũ bão của hội nhập và phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã phần nào làm mai một nghệ thuật múa này. Một già làng đáng kính như CoLâu Năm ở huyện Đông Giang vốn đã biết nhiều nhờ nghe ông cha kể lại, ông rất chịu khó lặn lội khắp các thôn, bản trong làng để hỏi han sưu tầm, truyền đạt lại những giá trị văn hóa truyền thống của cha ông để lại. Nhưng đã qua thời gian chiến tranh và ảnh hưởng đời sống mới, dân cư, nhất là lớp trẻ bây giờ, ít hiểu văn hóa cội nguồn của mình, không thấy được sự quan trọng của phong tục tập quán nên không lo chăm sóc các di sản ông bà để lại, từ đó những điệu múa, cách đánh cồng chiêng nhiều thôn đã và đang gặp nhiều khó khăn trong việc truyền đạt.

Trước những thực trạng công tác nghiên cứu, sưu tầm múa Cơ Tu bị lãng quên thì ông Đỗ Tài, Chủ tịch UBND huyện Đông Giang cho biết:

“Chính quyền địa phương huyện Đông Giang đã có Nghị quyết chuyên đề về giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống độc đáo của đồng bào dân tộc Cơ Tu. Thực hiện Nghị quyết này, trong giai đoạn 2010 - 2015, huyện Đông Giang đã tích cực đầu tư và hỗ trợ cho đồng bào các địa phương trong toàn huyện khôi phục và phát triển các loại hình văn hóa phi vật thể, trong đó có điệu múa Cơ Tu truyền thống. Chủ trương của huyện là hỗ trợ kinh phí và tận dụng vai trò của các già làng, các nghệ nhân dân gian để khôi phục và lưu truyền các hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng trong các dịp lễ hội nói chung và các dịp lễ hội của người Cơ Tu nói riêng để qua đó lưu truyền các loại hình văn hóa nghệ thuật độc đáo này”.

Múa Cơ Tu là tuyệt tác, là tâm hồn và là biểu tượng của văn hoá truyền thống Cơ Tu. Vì vậy nó sẽ sống mãi trong đời sống văn hóa tinh thần của tộc người Cơ Tu. Điều này thể hiện nỗ lực của chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ bà con tộc người Cơ Tu bảo tồn lưu giữ bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Đội ngũ trí thức, già làng, trưởng bản, các nghệ nhân dân gian tộc người Cơ Tu cũng đã có nhiều đóng góp trong bảo tồn và phát huy văn hóa phi vật thể. Tại một số xã trên địa bàn huyện đã tổ chức sưu tầm các truyện cổ dân gian, làn điệu dân ca, múa Tung tung Da dá, hát lý ghi âm lưu giữ, ngôn ngữ tiếng nói, chữ viết người Cơ Tu.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam đã phối hợp với Đài Tiếng nói Việt Nam - cơ quan thường trú tại khu vực miền Trung và các huyện miền núi phục dựng ghi hình để lưu giữ và phát huy một số lễ hội như: Lễ hội mừng lúa mới, lễ hội Cồng chiêng. Triển khai xây dựng mô hình du lịch thôn văn hóa cộng đồng, thành lập các đội văn nghệ múa Tung tung Da dá, Cồng chiêng. Đặc biệt đội cồng chiêng và đội văn nghệ múa Tung tung Da dá của huyện Đông Giang đã tham gia biểu diễn chương trình nghệ thuật tại các lễ hội lớn của tỉnh như: Tuần lễ văn hóa Quảng Nam tại Hà Nội,

giao lưu kỷ niệm kết nghĩa giữa hai tỉnh Quảng Nam và Thanh Hóa và tham gia chương trình văn nghệ nhân kỷ niệm 15 năm tái lập tỉnh Quảng Nam, 10 năm tái lập huyện. Gần đây nhất là đội múa và đội công chiêng đã tham gia chương trình diễn ca kỷ niệm 20 năm tái lập tỉnh Quảng Nam vào tháng 3/2017.

2.3.2. *Khôi phục truyền dạy*

Trong công tác bảo tồn và phát huy vốn văn hóa truyền thống, đặc biệt là loại hình nghệ thuật múa thì công tác trao truyền là một trong những khâu quan trọng nhất. Bởi nó là trao truyền trực tiếp cho người học để lại cho thế hệ trẻ mai sau.

Công tác trao truyền có nhiều phương thức khác nhau, trao truyền theo phương thức truyền miệng, theo phương thức tổ chức thành các lớp học, giáo trình, giáo án... mỗi hình thức đều có mặt mạnh mặt yếu và hiệu quả khác nhau, tùy theo mục đích cho phù hợp.

Việc truyền dạy lại cho thế hệ trẻ chính là các già làng hay các nghệ nhân, đối tượng truyền dạy chính là các em trong bản, trong thôn. Bước đầu truyền dạy thì già làng Alăng Bhuóch ở huyện vùng cao Tây Giang tâm sự: “Bây giờ mình đã già rồi, nhưng mình vẫn thích điệu múa này. Mình sẽ cố để truyền lại cho con cháu mình để chúng nó giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của người Cơ Tu”.

Còn già làng, nghệ nhân Y Công (H. Đông Giang) cho hay: “Trước đây, người Cơ Tu chỉ sống ở trong làng thôi lúc nào cũng kiên cử khi có khách vào làng. Bây giờ xã hội đã phát triển rồi nên người Cơ Tu rất hiếu khách khi có khách đến làng. Khách đến thăm làng thường muốn xem người Cơ Tu biểu diễn điệu múa Tung tung Da đá truyền thống của người dân nơi đây. Chúng tôi thích lắm. Điệu múa truyền thống này sẽ được lưu truyền qua nhiều thế hệ, dù có sự tác động của nhiều loại hình nghệ thuật

hiện đại. Ở trong làng chúng tôi đa số thanh thiếu niên vẫn say mê với điệu múa truyền thống của dân tộc mình”.

Em Alăng Dung, thành viên đội văn nghệ truyền thống ở xã Ba, huyện Đông Giang tâm sự: “Em vui lắm và thích lắm khi ngày càng có nhiều khách du lịch về với vùng đồng bào dân tộc Cơ Tu của chúng em, họ cũng thích thú với điệu múa truyền thống của chúng em. Không chỉ riêng em mà đa số các bạn nam nữ trong làng như em ai cũng biết múa và ai cũng thích điệu múa truyền thống của dân tộc mình. Chúng em đang được các già làng, các nghệ nhân trong làng truyền đạt lại cách biểu diễn điệu múa truyền thống này, vì vậy em tin là điệu múa Tung tung Da dá này sẽ được lưu truyền lâu dài. Chúng em sẽ cố gắng tiếp thu và học hỏi các nghệ nhân đi trước để sau này em bày lại cho các em nhỏ hơn em”.

Để thành lập và đào tạo việc múa, hát, biểu diễn công chiêng cho các em, chính những già làng và các cán bộ văn hóa thông tin của huyện trở thành người trực tiếp hướng dẫn cho các em. Tại huyện Tây Giang, mỗi tuần đều đặn hai buổi, chiều thứ 2 và chiều thứ 5, hơn 50 học sinh trường PTDTNT huyện Tây Giang lại tập trung về Trung tâm Văn hóa - Thông tin huyện để tập luyện điệu múa này.

Phó Trưởng phòng Trung tâm Văn hóa - Thông tin huyện Tây Giang Alăng Sơn tâm sự: “Giờ đây với sự giao thoa văn hóa mạnh mẽ cùng với việc các lễ hội hiện đại diễn ra rất nhiều, các giá trị văn hóa truyền thống đang dần ít đi khiến cho các thế hệ trẻ ít có điều kiện tiếp xúc với văn hóa truyền thống dân tộc mình. Công chiêng và điệu múa Tung tung Da dá là một trong những giá trị đó. Vì thế, chúng tôi đã thành lập ra đội công chiêng và đội múa Tung tung Da dá để duy trì văn hóa truyền thống cho các em”.

Thông qua những tư liệu phỏng vấn, điều tra, có thể nhận thấy rằng công tác truyền dạy có những chuyển biến đáng kể trong nhận thức của cộng đồng tộc người Cơ Tu. Tuy nhiên để có những thành công ban đầu thì cũng gặp nhiều khó khăn nhất định trong việc trao truyền, dạy cho các thế hệ trẻ như sau: Để hình thành đội công chiêng “nhí” này, các cán bộ xã đã phải mất không ít tâm sức để chọn lọc, tập hợp các em, đến tận gia đình vận động các em, trực tiếp đưa đón các em, mời các già làng, nghệ nhân đến để giảng dạy. Điều kiện đường sá nơi đây còn rất nhiều khó khăn trắc trở, để đi từ thôn này đến thôn kia mất từ hai đến ba tiếng đồng hồ đi bộ co khi còn nhiều hơn nữa. Anh Zorâm Mới, người trực tiếp đi vận động và quản lý việc tập luyện của các em cho biết: “Động tác múa Cơ Tu mới nhìn vào thì thấy dễ, đơn giản. Nhưng khi bắt tay vào tập luyện mới thấy những khó khăn. Vì độ tuổi của các em còn nhỏ nên việc tập luyện động tác cho các em phải tập từ từ và tập từng chi tiết nhỏ thì các em mới tiếp thu được mà để tập đều cho các em thì lại càng khó hơn nữa. Nhìn thì có vẻ đơn giản, nhưng đến khi bắt tay vào luyện tập thì mới thấy được sự khổ công của cả thầy lẫn trò nơi đây”.

Anh Bríu Lực, cán bộ Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Tây Giang cho biết: “Các em luyện tập nhiều bữa rất mệt, ban đêm các em còn phải về chuẩn bị bài vở để sáng mai còn đến lớp. Nhìn thấy thương lắm. Nhưng các em vẫn ý thức được việc gìn giữ bản sắc văn hóa của quê hương mình nên các em vẫn hào hứng tập luyện một cách hăng say”.

Những tư liệu phỏng vấn, điều tra, có thể nhận thấy rằng bước đầu đã có những chuyển biến đáng kể trong nhận thức của đồng bào dân tộc Cơ Tu và từng bước múa Cơ Tu trở thành chủ thể trong văn hóa trong cộng đồng.

Với những thành công ban đầu và cả trong tương lai vai trò của các nghệ nhân, trưởng bản, những người cao tuổi một lần nữa lại khẳng định là

không thể thiếu và không thể thay thế. Những người già đảm nhiệm việc sáng tác nhạc và truyền dạy lại cho lớp trẻ biết về điệu múa, câu hát của tộc người. Việc đào tạo và dạy các em về bản sắc văn hóa truyền thống ngay từ nhỏ là cách nhìn rất rộng mở, không chỉ giúp các em hiểu về cội nguồn gốc rễ của mình mà còn góp phần gìn giữ văn hóa độc đáo, đậm đà bản sắc của tộc người Cơ Tu.

Một trong những nhân tố quan trọng, góp phần không nhỏ vào thành công của công tác nghiên cứu là độ tin cậy của tư liệu. Huyện ủy Đông Giang cùng với huyện Tây Giang và Nam Giang đã có Nghị quyết chuyên đề về giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống độc đáo của đồng bào dân tộc Cơ Tu, và có nhiều nỗ lực trong việc huy động đội ngũ trí thức, già làng, trưởng bản, các nghệ nhân dân gian người Cơ Tu vào quá trình bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Thực hiện Nghị quyết này, trong giai đoạn 2010 - 2015, các huyện đã tích cực đầu tư và hỗ trợ cho đồng bào các địa phương trong toàn huyện khôi phục và phát triển các loại hình văn hóa phi vật thể, trong đó có điệu múa Tung tung Da đá truyền thống. Chủ trương của huyện là hỗ trợ kinh phí và tận dụng vai trò của các già làng, các nghệ nhân dân gian để khôi phục và lưu truyền các hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng trong các dịp lễ hội nói chung và các dịp lễ hội của người Cơ Tu nói riêng để qua đó lưu truyền các loại hình văn hóa nghệ thuật độc đáo này. Điệu múa Tung tung Da đá là tuyệt tác, là tâm hồn và là biểu tượng của văn hoá truyền thống Cơ Tu. Vì vậy nó sẽ sống mãi trong đời sống văn hóa tinh thần của tộc người Cơ Tu.

2.3.3. Công tác tuyên truyền quảng bá

Trước đây, khi các phương tiện thông tin đại chúng chưa phát triển như ngày nay, việc quảng bá nghệ thuật múa Cơ Tu được người dân biết đến chủ yếu qua truyền miệng. Xác định việc tuyên truyền, quảng bá loại

hình nghệ thuật múa Cơ Tu là nhiệm vụ quan trọng, góp phần xây dựng hình ảnh, đưa nghệ thuật múa Cơ Tu đến gần gũi hơn với công chúng. Ở các huyện Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang của tỉnh Quảng Nam đã tập trung giải quyết đẩy mạnh công tác quảng bá nghệ thuật múa Cơ Tu trên các phương tiện thông tin đại chúng, sách, báo, các mạng xã hội, internet...

Hàng năm, cứ vào mùa lễ hội chính quyền huyện kết hợp với các trưởng bản, già làng tổ chức lễ hội cho tộc người Cơ Tu ở vùng núi cao Quảng Nam, theo đó tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng của huyện, của tỉnh về lễ hội; kêu gọi các tour, tuyến du lịch của các công ty lữ hành đến với các huyện vùng cao để tham gia lễ hội, qua đó quảng bá các giá trị nghệ thuật múa của tộc người Cơ Tu đến đông đảo đến tầng lớp nhân dân.

Năm 2016, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam phối hợp với các huyện miền núi Quảng Nam đã sưu tầm, nghiên cứu phục dựng ghi hình để lưu giữ và phát huy giá trị văn hóa Cơ Tu trong đó có phục dựng múa Tung tung Da dá nhằm quảng bá và giữ gìn. Vào tháng 06/2016 đài Phát thanh truyền hình Quảng Nam (QRT) đã phát sóng.

Chính quyền các huyện miền núi đã phối hợp với Báo Quảng Nam, Đài phát thanh truyền hình Quảng Nam để có nhiều bài viết, phóng sự tuyên truyền, quảng bá loại hình nghệ thuật này với công chúng. Hiện nay, công tác viết tin bài trên website của trung ương, tỉnh về nghệ thuật múa Cơ Tu được nhiều người quan tâm. Nhiều tin bài được đăng trên báo Quảng Nam, cổng thông tin điện tử của tỉnh, huyện. Với những hình thức tuyên truyền, quảng bá như vậy giờ đây múa Tung tung Da dá đang có dấu hiệu hồi sinh, đặc biệt mới đây, trong phiên họp Hội đồng Di sản Quốc gia lần thứ VII tại Hà Nội vào ngày 12.8.2014, đã công nhận loại hình múa Tung tung Da dá của người Cơ Tu Quảng Nam là Di sản văn hóa phi vật

thể cấp quốc gia. Điều đó không chỉ có ý nghĩa là niềm tự hào đối với tất cả người dân xứ trầm hương, mà nó còn tiếp thêm sức mạnh to lớn cho người Cơ Tu trong hành trình khôi phục và gìn giữ những nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc mình từ thời thượng cổ.

2.3.4. Tổ chức biểu diễn múa Cơ Tu gắn với du lịch

Những năm trước để lên được các vùng cao của miền núi Quảng Nam thật sự là rất khó khăn, đường xá ghồ ghề phải băng rừng lội suối mới lên được tới nơi cũng phải mất thời gian khá dài. Thấy được sự khó khăn đó tỉnh Quảng Nam đã khắc phục và mở rộng đường, bây giờ để lên tới vùng cao Quảng Nam thì thật sự là dễ dàng hơn trước, xe đã đến huyện và đến một vài nơi của xã. Với những thuận lợi ban đầu đó thì người dân đã có nhiều cơ hội đặt chân đến mảnh đất này. Và thực tế hiện nay, khách du lịch đến tiếp cận với văn hóa Cơ Tu để nghiên cứu và thưởng thức các lời ca điệu múa của nơi núi rừng hùng vĩ. Du khách nhiều nơi đến đây để thưởng thức và cùng hòa mình trong vũ điệu. Tháng 5/2012, dự án “Du lịch dựa vào cộng đồng Cơ Tu” do Tổ chức cứu trợ và phát triển quốc tế (FIDR) phối hợp với UBND huyện Nam Giang khởi động.

Nhưng để thành công trong việc quảng bá du lịch chính là nhờ sự coi trọng các chủ thể văn hóa - đồng bào Cơ Tu. Bởi không ai hiểu rõ nét đẹp văn hóa truyền thống Cơ Tu hơn chính họ, không ai có thể tái hiện các sinh hoạt văn hóa truyền thống nếu không có sự tham gia trực tiếp của người Cơ Tu. Việc trình diễn điệu múa “Vũ điệu dâng trời” Tung tung Da dá truyền thống cho du khách chiêm ngưỡng là một ví dụ hay về nét tươi mới của du lịch dựa vào cộng đồng. Từ năm 2012 đến nay, ở các huyện Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang của tỉnh Quảng Nam đã tuyển chọn những thanh niên, nam nữ Cơ Tu để thành lập đội múa Tung tung Da dá nhằm tập luyện nhằm phục vụ cho các buổi trình diễn khi có khách du lịch đến thăm. Chi

Brao Trang (45 tuổi, xã Tà Bhing, huyện Nam Giang) có cả hai con cùng tham gia đội múa này cho biết: “Tôi thích lắm, nhà tôi có cả hai đứa con cùng tham gia đội múa Tung tung Da dá. Từ khi có người trên huyện về làm du lịch, cả xã vui nhộn hẳn lên. Đường xá lúc nào cũng có tiếng cười tiếng nói rộn rã cả đường. Các thanh niên nam, nữ trong làng thì hằng say tập múa...ôi, nhìn thích lắm”.

Ông Brú Nen, 74 tuổi ở thôn Bhoahông I huyện Đông Giang cho biết: “Bây giờ các hoạt động văn hóa của đồng bào Cơ Tu như: Lễ hội đâm trâu, lễ hội mừng lúa mới và nhiều lễ hội khác nữa du khách hay lên đây để tham quan, chụp hình, tìm hiểu về văn hóa truyền thống Cơ Tu cùng với những món ăn đặc sản. Du khách rất thích thú khi được chúng tôi bày múa động tác Tung tung Da dá, nhiều du khách rất say sưa với điệu múa này”.

Chị A Viêt Bót, trưởng thôn Pà Xua huyện Nam Giang cho biết: Từ khi có dịch vụ du lịch đến giờ thì đời sống vật chất lẫn tinh thần của bà con nơi đây dần tốt lên, bây giờ họ đã tự kiếm được tiền, đã tiếp thu được rất nhiều điều bổ ích dù quanh năm họ chỉ ở quanh trong bản làng, trong thôn. Cũng nhờ hoạt động du lịch như vậy mà bữa cơm trong gia đình ở các thôn, bản giờ đây đã được cải thiện đáng kể. Thấy bà con được như vậy mình cũng mừng lắm, bà con hằng say tập những điệu múa truyền thống này mình cảm thấy phấn khích trong lòng.

Nói về phát triển du lịch cộng đồng ở các huyện miền núi của Quảng Nam, ông Đinh Hải - Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh nhìn nhận. Từ khi bà con tham gia làm du lịch thì diện mạo đời sống đã thay đổi, du lịch cộng đồng thực sự đã góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn và góp phần nâng cao đời sống của bà con đồng bào các dân tộc, trong đó có đồng bào dân tộc Cơ Tu. Những làng du lịch cộng đồng thành công có thể kể đến là làng du lịch ở xã Tà Bhing (huyện Nam Giang), làng Bờ Hông ở xã

Sông Kôn (huyện Đông Giang) và tôi cũng mong muốn rằng bà con nên phát huy hơn nữa để có nhiều làng phát triển du lịch cộng đồng để góp phần phát triển kinh tế - văn hóa của người dân.

Ngày nay, múa Cơ Tu được bảo tồn, phát huy ở chính cái nơi đã khai sinh ra nó các huyện miền núi Quảng Nam. Vũ điệu ấy trở thành màn trình diễn ấn tượng ở các lễ hội, hội thi, hội diễn. Vũ điệu Tung tung Da dá cũng được trình diễn tại “Lễ hội Quảng Nam - Hành trình di sản”, các lễ hội Văn hóa - Thể thao các dân tộc miền núi tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên - Huế và được dàn dựng thành tiết mục đồng diễn, tạo sức hấp dẫn lạ thường ở trong các lễ hội hiện đại.

Như vậy, thông qua ý kiến của người dân và khách du lịch, việc đưa nghệ thuật múa Cơ Tu trở thành sản phẩm du lịch độc đáo, phục vụ khách du lịch đến để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nghệ thuật múa trong môi trường vốn có của nó. Đây chính là điểm đến hấp dẫn trong cộng đồng của người dân Cơ Tu trong bối cảnh phát triển du lịch bền vững của các huyện miền núi nói riêng và của tỉnh Quảng Nam nói chung.

2.3.5. Chế độ chính sách đối với nghệ nhân

Các cơ quan quản lý văn hóa đã triển khai tốt chỉ đạo của Trung ương về cơ chế chính sách cho các nghệ nhân biểu diễn đã được các cấp chính quyền trong tỉnh có một số chính sách khuyến khích, tôn vinh những người tâm huyết, có công lưu giữ, truyền dạy và quảng bá nghệ thuật múa Cơ Tu. Họ là những hạt nhân nòng cốt, những con chim đầu đàn trong việc truyền dạy, phổ biến những điệu múa cho thế hệ trẻ. Một số nghệ nhân, già làng, trưởng bản được coi “là báu vật nhân văn sống” của người dân Cơ Tu. Bởi họ chính là người gần gũi nhất với các di sản này.

Dân tộc Cơ Tu ở Quảng Nam sống chủ yếu ở các huyện Tây Giang (chiếm hơn 90% dân số của huyện), huyện Đông Giang (73,23%)

và huyện Nam Giang (hơn 50%). Hiện nay, toàn tỉnh Quảng Nam có 383 người được xếp vào lớp người có uy tín, trong đó, trưởng thôn, già làng, trưởng bản, các nghệ nhân dân gian người Cơ Tu có vị trí quan trọng trong đời sống xã hội, đặc biệt là quá trình xây dựng đời sống văn hóa cơ sở trong thời gian qua.

Theo tìm hiểu, người dân Cơ Tu đa số đều cho rằng, chế độ ưu đãi lớn nhất của họ nhận được không phải là kinh phí mà chính là sự quan tâm của các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương bởi khi tham gia lễ hội, để múa Tung tung Da dá thì từ người lớn đến trẻ em đều tham gia khi có lễ hội diễn ra. Mọi người khi tham gia biểu diễn đều đặt cái tâm lên hàng đầu, dâng lễ vật lên trời cầu cho mưa thuận gió hòa, họ không màng đến tiền bạc, danh tiếng. Sở VH TT & DL tỉnh Quảng Nam phối hợp với các huyện trong thời gian qua đã có những việc làm thiết thực đã giúp người dân Cơ Tu có điều kiện phát triển, hàng năm đều có nguồn kinh phí hỗ trợ cho các địa phương, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi tốt nhất để tập luyện và biểu diễn.

2.3.6. Phát huy giá trị của nghệ thuật múa Cơ Tu trong đời sống văn hóa cộng đồng

Múa Cơ Tu là niềm tự hào trong các lễ hội truyền thống như: Lễ hội đâm trâu, mừng lúa mới, mừng nhà mới hay cưới hỏi... Trong đó, độc đáo nhất phải kể đến "Vũ điệu dâng trời". Đây là điệu múa đặc trưng của người Cơ Tu mang tính tập thể rất cao, gắn bó mật thiết với cộng đồng là sự kết hợp giữa nam và nữ, giữa âm thanh công chiêng cùng với tiếng "hú" vang xa, cao vút như nốt nhấn làm mạnh mẽ thêm cho ngôn ngữ múa. Có thể nói múa Cơ Tu là một điệu múa đẹp, vui nhộn, thu hút nhiều người tham gia.

Ngày nay, trải qua bao biến đổi của cuộc sống, đồng bào Cơ Tu đã tiếp nhận nhiều hình thức nghệ thuật mới từ bên ngoài nhưng vũ điệu Tung

tung Da đá vẫn còn bám rễ, lưu truyền, phát triển trong sinh hoạt cộng đồng. Với người Cơ Tu, nhất là giới trẻ, múa Da đá vẫn là điệu múa khó, không phải ai cũng có thể tiếp thu và giữ đúng động tác truyền thống được.

Với những giá trị nổi bật đó nên hiện tượng văn hoá nêu trên đã được quan tâm kế thừa và nâng cao trong đời sống cộng đồng. Đồng bào Cơ Tu chẳng những giữ gìn điệu múa truyền thống, bảo tồn các loại hình nghệ thuật mà còn phát triển mạnh mẽ văn hóa truyền thống ở các bản làng. Không thể phủ nhận nỗ lực của chính quyền các địa phương miền núi trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc trong những năm qua. Tộc người Cơ Tu tại các huyện Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, trong những năm gần đây đã thực hiện tốt công tác phát huy giá trị của nghệ thuật múa Cơ Tu trong đời sống văn hóa cộng đồng.

2.4. Đánh giá chung

2.4.1. Những ưu điểm

Bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu là chủ trương của Đảng và nhà nước ta. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy, Ủy Ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và các cấp lãnh đạo của các huyện miền núi tỉnh Quảng Nam đã rất quan tâm chăm lo phát triển văn hóa, và mọi mặt đời sống của xã hội. Với sự quan tâm của các cấp chính quyền, sự nỗ lực của tộc người Cơ Tu, trong những năm qua mọi mặt đời sống xã hội của tộc người Cơ Tu có nhiều tiến bộ, thể hiện qua một số thành tựu về việc đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người dân Cơ Tu ngày càng nâng cao, các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu đã được nghiên cứu đầu tư, phục dựng, đội ngũ nghệ nhân được phát huy tối đa năng lực trong việc bảo tồn và phát huy loại hình nghệ thuật này.

Công tác nghiên cứu khoa học về di sản văn hóa phi vật thể, trong đó

có nghệ thuật múa Cơ Tu đã được chú trọng tiến hành trong các cơ quan như: Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Hội văn nghệ dân gian, Hội văn học nghệ thuật...

Hoạt động tuyên truyền quảng bá hình ảnh của nghệ thuật múa Cơ Tu trên phương tiện thông tin đại chúng. Những giá trị văn hóa đó đã tạo nhiều ấn tượng về mảnh đất, con người, cảnh quan thiên nhiên và các giá trị văn hóa lâu đời của người dân Cơ Tu, nhất là giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu.

Nhiều hội diễn được lớn được tổ chức như Lễ hội Quảng Nam - Hành trình di sản, các lễ hội Văn hóa - Thể thao các dân tộc miền núi tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên - Huế. Và nhiều hội diễn văn nghệ quần chúng được tổ chức như liên hoan “Âm vang cồng chiêng” và hội thi trang phục các dân tộc anh em đang sinh sống trên địa bàn... Đây là cơ hội để giúp các địa phương, các dân tộc anh em trong huyện giao lưu học hỏi hiểu biết lẫn nhau về bản sắc văn hóa, thắt chặt thêm tình đoàn kết, là dịp tôn vinh và phát huy bản sắc văn hóa.

Với nhiều hoạt động lễ hội như thế thì bước đầu đã kết nối được các tour du lịch với một số doanh nghiệp, công ty lữ hành trong nước, để tổ chức quảng bá các hoạt động du lịch tại địa phương. Khi đã nhận thức được giá trị văn hóa của cộng đồng cộng thêm lợi ích kinh tế do chính vốn văn hóa đó mang lại cho người dân sẽ có ý thức hơn trong việc bảo tồn và phát huy vốn văn hóa đó.

Công tác quản lý trên địa bàn đã biết phát huy sự cố kết cộng đồng của người dân rất cao. Đó là truyền thống tốt đẹp được duy trì, phát huy qua các thế hệ. Tính cố kết trong dòng họ, cộng đồng thôn, bản cũng rất chặt chẽ.

2.4.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì vẫn còn một số hạn chế trong công tác bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu.

Công tác nghiên cứu, sưu tầm về giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu đã được quan tâm nhưng có thể nói chưa tương xứng với tầm quan trọng và giá trị đích thực của di sản văn hóa phi vật thể này trong đời sống xã hội.

Công tác tuyên truyền, quảng bá giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu của địa phương mới chỉ dừng lại ở mức độ cấp vùng, tỉnh, chưa có sự đầu tư xúc tiến quảng bá các giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch.

Các hình thức truyền dạy đang còn đơn điệu chưa có quy mô nên chưa thực sự phát huy hết hiệu quả. Người truyền dạy phần lớn là người già cao tuổi dạy trên kinh nghiệm và sự tâm huyết, không có chuyên môn về nghiệp vụ sư phạm nên công tác truyền đạt cũng gặp không ít khó khăn.

Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý văn hóa vốn hiểu biết về văn hóa, chữ viết của người Cơ Tu đang còn hạn chế nên cũng gây bất cập trong thực thi công việc.

Thiết chế văn hóa của địa phương còn đầu tư chưa được thỏa đáng, còn thiếu về cơ sở vật chất, điều kiện để người dân sinh hoạt văn hóa còn thấp.

Tiểu kết 2

Trong nội dung chương 2 luận văn tác giả đã trình bày về hình thức, không gian diễn xướng và một số nét đặc trưng, giá trị của nghệ thuật múa Cơ Tu. Để làm rõ mục tiêu của chương 2 luận văn đã tiến hành nghiên cứu thực trạng công tác bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam. Từ đó đánh giá cao các mặt ưu điểm như: Được sự quan tâm của các cấp chính quyền sở, ban, ngành từ trung ương đến địa phương nên

việc đẩy mạnh công tác hoạt động bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu với loại hình múa dân gian tiêu biểu này. Và thật tự hào cho người dân Cơ Tu nói riêng và tỉnh Quảng Nam nói chung nhằm tôn vinh các giá trị văn hóa vật thể phi vật thể của các dân tộc, trong phiên họp Hội đồng Di sản Quốc gia lần thứ VII tại Hà Nội vào ngày 12.8.2014, đã công nhận loại hình múa Tung tung Da đá của người Cơ Tu Quảng Nam là Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Không những vinh dự mà rất đôi tự hào của người dân Cơ Tu. Tuy nhiên, dù đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia nhưng vẫn còn một số hạn chế như đội ngũ cán bộ quản lý chưa am hiểu nhiều về tiếng Cơ Tu nên dẫn đến nhiều bất cập khi gặp người dân, cơ sở vật chất còn thiếu, thế hệ trẻ ít quan tâm đến... Đây là những tiền đề để tác giả xin mạnh dạn đưa ra những giải pháp thích hợp góp phần nhằm nâng cao công tác bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam trong chương 3.

Chương 3

GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY NGHỆ THUẬT MÚA CƠ TU Ở TỈNH QUẢNG NAM

3.1. Xu hướng biến đổi của múa Cơ Tu

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng. Tỉnh Quảng Nam là một trong những nơi có kinh tế, văn hóa xã hội đang phát triển của khu vực miền trung Tây Nguyên. Quảng Nam là một trong những điểm đến khá hấp dẫn với khách du lịch từ khắp nơi đến thăm quan. Điều đó mang đến nhiều thay đổi.

Trước kia cuộc sống của đồng bào miền núi chỉ quanh quẩn trong làng trong bản. Lương thực, thực phẩm của họ là tự cung, tự cấp tự phục vụ đời sống sinh hoạt hằng ngày. Khi đất nước đổi mới trong quá trình giao lưu cùng với phát triển kinh tế, giao lưu hợp tác quốc tế về mọi mặt trong đó có văn hóa phát triển mạnh mẽ. Sự đa dạng, phong phú của các sản phẩm văn hóa cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin đã góp phần nâng cao việc tiếp cận và hưởng thụ văn hóa của người dân. Có nhiều hình thức giải trí trên các phương tiện thông tin truyền thông nhất là truyền hình, đặc biệt là thông tin đa chiều đa dạng trên internet giúp cho mọi người, mọi tầng lớp có thể lựa chọn và thưởng thức. Tuy nhiên trong sự giao lưu văn hóa quốc tế hiện nay ngoài những sự tích cực mà nó mang lại cũng còn đó những ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa ngoại lai không phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam nói chung, Quảng Nam nói riêng.

Múa Cơ Tu thực sự trong những năm gần đây đã có mặt hầu hết trong các lễ hội hiện đại. Đặc biệt tại tỉnh Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng, thậm chí trong nhiều chương trình lễ hội hiện đại quy mô cấp quốc gia. Phải thừa nhận rằng, múa Cơ Tu đã góp phần tạo nên vẻ đẹp, sức hấp dẫn khi nó tồn tại trên các chương trình. Tuy nhiên, khi đưa múa Cơ Tu vào

chương trình lễ hội hiện đại do không xác định rõ vai trò mục đích khi tham gia, đồng thời qua tư duy của các nhà biên đạo thiếu kinh nghiệm đã làm biến chất của múa Cơ Tu. Không ít hiện tượng người xem (khán giả) chỉ còn nhận biết múa Cơ Tu qua trang phục hoặc lời bình của chương trình. Như vậy, múa Cơ Tu đã đánh mất phẩm chất của mình khi tham gia vào lễ hội hiện đại.

Sự ảnh hưởng đó đã tác động vào tư tưởng, đạo đức của một bộ phận không nhỏ nhất là lớp trẻ. Họ ít coi trọng văn hóa, văn nghệ truyền thống, họ thích “sính” ngoại, chạy theo một âm nhạc hiện đại như pop, rock, dance, hiphop, múa hiện đại... cùng với đó là lối sống buông thả và họ đã dần đánh mất những giá trị đạo đức truyền thống của chính dân tộc mình. Nói như thế không phải tất cả lớp trẻ bây giờ là như vậy, vấn đề cần đặt là cần phải có sự giáo dục về ý thức cho lớp trẻ. Bên cạnh việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là việc tiếp cận những tinh hoa văn hóa thời đại để làm phong phú cho văn hóa của chúng ta.

Chúng tôi nghĩ rằng, cho dù múa Cơ Tu tham gia vào bất kỳ hình thức nghệ thuật nào, bất cứ một lý do mục đích nào cũng không được đánh mất bản sắc dân tộc của mình. Đây là một nguyên tắc đồng thời là một trách nhiệm đối với các nhà quản lý, tổ chức, biên đạo, thậm chí cả diễn viên.

Khi về với những buôn làng của người dân vùng cao Quảng Nam, tôi thấy vui và xúc động khi xem các em nhỏ khoảng độ từ 10 - 15 tuổi vẫn chăm chỉ rèn luyện những động tác múa của dân tộc mình mà lòng tự nhủ: vốn cũ của cha ông nay lại được ươm mầm và tạo nên sức sống mới trong thế hệ trẻ hôm nay. Đây là một tín hiệu tích cực mà chúng ta thấy lạc quan hơn trong công tác bảo tồn, phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu ở Quảng Nam. Nhưng nó cũng có những không ít những thách thức khó khăn đòi hỏi cơ

quan quản lý nhà nước về văn hóa mà đại diện là Sở VH&DL tỉnh Quảng Nam cần có những định hướng và có những giải pháp thích hợp để nâng cao hiệu quả công tác quản lý văn hóa nói chung và bảo tồn, phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu của Quảng Nam nói riêng.

3.2. Định hướng bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu

Phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu gắn liền với phát triển văn hóa trong những năm qua luôn được Đảng bộ, chính quyền quan tâm. Ngoài sự đầu tư của Nhà nước, của tỉnh, chính quyền ở các huyện Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang ở Quảng Nam đã phát huy thế mạnh, khắc phục khó khăn phát triển mọi mặt đời sống xã hội nói chung và đời sống văn hóa nói riêng cho cộng đồng các dân tộc trên địa bàn. Tăng cường phát triển nâng cao hiệu quả giáo dục, phát triển văn hóa, thể thao, thông tin truyền thanh: Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Để truyền thống bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Nam không bị mai một rất cần sự phối hợp, lồng ghép, kết nối một cách đồng bộ, với nhiều giải pháp của các nhà quản lý nhằm giữ gìn và phát huy một cách bền vững bản sắc văn hóa dân tộc. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII về: “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đến nay, tỉnh Quảng Nam đã tích cực trong công tác bảo tồn các di sản văn hóa, phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể và đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm giữ gìn và phát huy một cách bền vững bản sắc văn hóa dân tộc. Để nâng cao hiệu quả bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Cơ Tu, thời gian đến các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể cần thường xuyên quán triệt về đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng, đặc biệt là thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Về xây dựng

và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Triển khai thực hiện Quyết định số: 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020; Quyết định số: 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án "Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020"; UBND tỉnh Quảng Nam cũng đã xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát triển văn hóa các DTTS trên địa bàn đến năm 2020. Xác định công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa Cơ Tu có vị trí, vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong thời kỳ hội nhập, những năm qua, nhất là từ năm 2009 đến nay, Ban Thường vụ Huyện ủy Đông Giang tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 29-CTr/HU, ngày 25/8/2014. Huyện ủy Tây Giang đã ban hành Nghị quyết 09-NQ/HU ngày 13/4/2009 về tiếp tục phát huy bản sắc văn hóa Cơ Tu. Cùng với đó các cấp ủy, chính quyền và các ban, ngành đã xây dựng kế hoạch thực hiện khôi phục, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa Cơ Tu.

Để nâng cao hiệu quả công tác khôi phục, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Cơ Tu. Thời gian đến các cấp, các ngành có liên quan đến lĩnh vực văn hóa cần thường xuyên quán triệt về đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng, Nhà nước về phát triển văn hóa, trong đó có văn hóa phi vật thể. Từ đó làm cơ sở quản lý, bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu một cách bền vững, hiệu quả, xác định đây cũng là một trong những nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội... nhất là trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa hội nhập kinh tế quốc dân. Trên cơ sở quan điểm chỉ đạo của Đảng, việc định hướng phát triển nghệ thuật múa Cơ Tu trong giai đoạn hiện nay được xác định là nhiệm vụ quan trọng như công tác tuyên truyền, quan tâm công tác quy

hoạch, ưu tiên tuyển dụng các đối tượng học sinh cử tuyển, quan tâm tăng cường cán bộ về các xã khó khăn, vùng đồng bào dân tộc... đây cũng là nhiệm vụ trực tiếp góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Như vậy, có thể thấy việc định hướng chung và quyết tâm của tỉnh Quảng Nam đã rõ ràng, điều quan trọng là để bảo tồn phát huy giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu là phải có những giải pháp thích hợp và tích cực để công tác bảo tồn, phát huy đi vào chiều sâu, liên tục, có hệ thống và có hiệu quả cao.

Để tiếp tục phát triển, bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu, nâng cao đời sống văn hóa cho cộng đồng các dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Nam nói chung và tộc người Cơ Tu nói riêng, cần quan tâm giải quyết tốt một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, phát triển văn hoá gắn với du lịch, bằng nhiều hình thức khác nhau, phù hợp với địa phương và trình độ của đồng bào.

Thứ hai, tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao dân cao dân trí, nhận thức của người dân. Đưa sản phẩm múa Cơ Tu thành sản phẩm văn hóa đặc trưng, độc đáo của đồng bào dân tộc Cơ Tu, gắn liền với việc phát triển du lịch. Từ đó, từng bước nâng cao mọi mặt trong đời sống xã hội của người dân.

Thứ ba, tăng cường công tác đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào Cơ Tu. Đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển các câu lạc bộ múa, biểu diễn múa, phù hợp với địa phương.

Thứ tư, tiếp tục chăm lo, xây dựng củng cố hệ thống chính trị vững

mạnh; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước trên mọi mặt của đời sống xã hội, nhất là công tác quản lý các di sản văn hóa phi vật thể, trong đó có nghệ thuật múa Cơ Tu. Đồng thời cũng phát huy vai trò tự quản của nhân dân, vai trò trưởng bản, già làng.

Thứ năm, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có đủ năng lực, thường xuyên bám sát cơ sở nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân để tham mưu đề xuất các cấp ủy, chính quyền giải quyết kịp thời những bức xúc của đồng bào dân tộc. Đồng thời, đưa vào quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng những cán bộ có năng khiếu, có khả năng quản lý để phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu, đang có nguy cơ dần bị mai một.

Thứ sáu, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống gắn liền với giá trị nghệ thuật múa của cộng đồng tộc người Cơ Tu, đồng thời tiếp thu những giá trị văn hóa mới để xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh ở cộng đồng dân cư.

3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu ở Quảng Nam

Nghiên cứu bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp, tiếp thu những giá trị văn hóa tiên tiến đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa. Kế thừa là một trong những quy luật của sự phát triển văn hóa, tính tất yếu khách quan. Không có sự thay thế văn hóa mà chỉ có sự kế thừa, chuyển đổi thích nghi. Có những yếu tố văn hóa truyền thống tích cực, nhưng cũng có những yếu tố lỗi thời, lạc hậu so với yêu cầu của thời đại. Vì vậy, các cấp quản lý văn hóa cần kế thừa có chọn lọc yếu tố văn hóa truyền thống. Từ đó, tạo nên sức sống mới cho những giá trị văn hóa truyền thống.

Bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu của tộc người Cơ Tu là nhiệm vụ chính trị quan trọng. Góp phần rất lớn trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, củng cố khối đại đoàn kết,

xây dựng đời sống văn hóa cho người dân, đảm bảo ổn định chính trị, an ninh quốc phòng.

Trên cơ sở những vấn đề đặt ra trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật múa của tộc người Cơ Tu tỉnh Quảng Nam cùng với quan điểm của Đảng, Nhà nước ta trong việc nâng cao đời sống văn hóa cho đồng bào các dân tộc thiểu số, luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh việc bảo tồn, phát huy nghệ thuật múa của tộc người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam trong thời gian đến, như sau:

3.3.1. Nâng cao nhận thức

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm củng cố vững chắc khối đại đoàn kết dân tộc, đảm bảo an ninh chính trị, an ninh biên giới.

Trong suốt sự nghiệp lãnh đạo cách mạng Đảng và Nhà nước ta có nhiều chính sách quan tâm, đầu tư mọi mặt đối với đồng bào dân tộc thiểu số để đồng bào phát triển mọi mặt đời sống xã hội, nâng cao nhận thức, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa miền núi và miền xuôi, củng cố vững chắc khối đại đoàn kết dân tộc. Kết quả đạt được là rất khả quan, nhưng nhìn chung mọi mặt của đời sống xã hội của đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, khoảng cách giữa miền núi và miền xuôi còn khoảng cách khá xa; các thế lực thù địch không ngừng chống phá khối đại đoàn kết dân tộc, nhằm âm mưu gây bạo loạn, lật đổ. Hiện nay các thế lực thù địch đang lợi dụng chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta để truyền đạo trái phép ở một số khu vực. Nhân hoàn cảnh đồng bào Cơ Tu còn khó khăn về kinh tế, thấp kém về trình độ học vấn, có đường biên giới tiếp giáp với nước bạn Lào và là khu vực có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống các thế lực thù địch đang dùng lợi ích vật chất để mua chuộc, lôi kéo đồng bào, gieo rắc niềm tin tôn giáo mù quáng làm mê muội đồng

bào để xúi giục họ gây rối trật tự xã hội, tham gia các tổ chức chính trị phản động. Trước thực trạng đó, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương phải thường xuyên theo dõi, tăng cường giám sát hoạt động tôn giáo để nắm bắt tình hình, ngăn chặn kịp thời những biểu hiện tiêu cực, tránh xảy ra căng thẳng và hình thành điểm nóng.

Việc tăng cường hơn nữa thực hiện tốt công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm củng cố vững chắc khối đại đoàn kết dân tộc, đảm bảo an ninh chính trị, an ninh biên giới củng cố niềm tin của đồng bào đối với Đảng, Nhà nước, góp phần chống lại những luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Do vậy, cấp ủy, chính quyền địa phương cần có nhận thức đúng đắn, sâu sắc trong việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước tới mọi người dân để người dân nhận thức một cách hiệu quả nhất, củng cố vững chắc hơn khối đại đoàn kết giữa các dân tộc, xây dựng đường biên giới hòa bình, ổn định, phát triển.

Đối với nghệ thuật múa Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam việc tuyên truyền, phổ biến đối với các tầng lớp nhân dân là điều vô cùng cần thiết trước nguy cơ di sản văn hóa phi vật thể này hiện nay đang dần bị mai một do sự phát triển ồ ạt của văn hóa ngoại lai khiến giới trẻ ở vùng núi Quảng Nam nói chung và tộc người Cơ Tu nói riêng ít còn mặn mà với loại hình nghệ thuật này.

Các cấp các ngành cần tập trung triển khai các công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao ý thức tự giác của người dân nhằm khơi dậy ở họ lòng tự hào đối với di sản văn hóa Cơ Tu của cộng đồng mình. Việc nâng cao nhận thức của người dân phụ thuộc vào lứa tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn... để từ đó có kế hoạch giáo dục, tuyên truyền cụ thể.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đến nhân dân hiểu được nội dung giá trị văn hóa, giá trị tư tưởng, thẩm mỹ của múa Cơ Tu trong đời sống xã hội hiện nay. Đối với người dân địa phương cần tuyên truyền rộng rãi để họ hiểu và biết được giá trị của múa Cơ Tu trong đời sống thông qua các hình thức tổ chức hội thảo hay các buổi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ quần chúng... thành lập các câu lạc bộ yêu thích múa là công việc rất có ý nghĩa để hướng người dân chủ động tìm tòi, sưu tầm và bảo tồn chúng.

Trong điều kiện nền kinh tế trường hiện nay, việc vận động, tuyên truyền để nâng cao ý thức tự giác của người dân cần gắn với công cuộc vận động xã hội hóa trong công cuộc bảo tồn. Đây cũng là cách thức thu hút đông đảo người dân tham gia lưu giữ di sản văn hóa truyền thống của mình.

3.3.2. Cơ chế, chính sách

Về nguyên tắc chung thì cơ chế quản lý trong mọi lĩnh vực mà Đảng ta đã đưa ra đó là: Đảng lãnh đạo, Nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Trên cơ sở nguyên tắc chung đó thì công tác bảo tồn và phát huy các giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu trước hết có sự định hướng của tỉnh, cùng với đó là sự tăng cường quản lý văn hóa mà cơ quan đại diện là Sở VH TT & DL tỉnh Quảng Nam. Việc xây dựng cơ chế quản lý và chính sách đối với hoạt động bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu theo chúng tôi Sở VH TT & DL cần thành lập nhóm nghiên cứu, tìm hiểu thực tế sau đó tiến hành hội thảo với sự tham gia đóng góp của các nhà văn hóa dân gian. Từ đó có những đề xuất tham mưu với tỉnh về cơ chế chính sách đối với hoạt động bảo tồn giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu.

Để quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu, UBND tỉnh Quảng Nam cần chỉ đạo các ban, ngành liên quan cập nhật những quy định của pháp luật về di sản văn hóa, triển khai thực hiện có hiệu quả văn bản chỉ đạo của Trung ương về phát triển văn hóa nói chung

và văn hóa phi vật thể nói riêng như Thông tư liên tịch số 94/2006/TTLT-BVHTT-BNV-BTC của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Ban hành các văn bản chỉ đạo trong việc lưu giữ tư liệu, quan tâm giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Từ đó nêu cao nhận thức trách nhiệm đóng góp, tham gia đời sống văn hóa cơ sở, tham gia bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu.

Chú trọng tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với nghệ thuật múa Cơ Tu thông qua các văn bản pháp quy về nghệ thuật múa Cơ Tu vì các văn bản pháp quy có một ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu. Các văn bản pháp quy có thể điều hòa hành vi của con người, làm cho con người nhận thức được vai trò, ý nghĩa của công tác bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu.

Kiện toàn chính sách bồi dưỡng, đào tạo, quy hoạch đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý văn hóa, khuyến khích các nhân tố có năng khiếu, ôm hiểu về nghệ thuật múa Cơ Tu trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu gắn liền với công tác phát triển du lịch của địa phương. Đồng thời, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan tăng cường đầu tư, cấp kinh phí, hỗ trợ các nguồn nhân lực để phát huy giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu trong xã hội hiện đại.

Các cấp chính quyền cần xây dựng, ban hành các văn bản liên quan đến cơ chế hỗ trợ, chính sách đãi ngộ đối với các nghệ nhân múa Cơ Tu vì hiện nay hầu hết các nghệ nhân truyền dạy đã lớn tuổi mà họ lại thành phần chính trong công tác tham gia truyền dạy múa Cơ Tu cho người dân địa phương nên nếu có chính sách ưu đãi động viên về tài chính thì sẽ phần nào giúp họ cải thiện được cuộc sống yên tâm mà giảng dạy cũng như tuyên

truyền vận động người dân tích cực tham gia. Có chính sách ưu tiên đối với cộng đồng để bảo tồn, lưu giữ các giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu. Vì lẽ đó chúng ta cần có chính sách đãi ngộ về vật chất và tinh thần để tạo động lực tích cực say mê, nhiệt tình cho các nghệ nhân. Qua tìm hiểu thực tế trao đổi với các nghệ nhân chúng tôi đưa ra phương án chế độ chính sách ưu đãi như sau: Trước hết Sở VHNT & DL tỉnh Quảng Nam cần rà soát, kiểm kê các nghệ nhân múa Cơ Tu. Trên đó sẽ đưa ra những tiêu chí rõ ràng phù hợp thực sự có tính thiết thực. Chúng tôi đưa ra một số tiêu chí xét phong tặng như sau:

- Chấp hành tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách nhà nước và pháp luật; có lối sống và phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín trong cộng đồng và hoạt động nghệ thuật múa Cơ Tu.

- Có nhiều đóng góp trong việc cung cấp tài liệu phục vụ công tác sưu tầm, nghiên cứu, sẵn sàng truyền dạy toàn bộ hiểu biết của mình cho thế hệ trẻ, được cộng đồng thừa nhận.

- Có thời gian tham gia trình diễn và truyền dạy 30 năm trở lên.

Sau khi đã đánh giá được những tiêu chí trên của nghệ nhân, chúng ta có thể hỗ trợ phù hợp với điều kiện kinh tế của tỉnh. Chúng tôi xin đề xuất hỗ trợ vật chất như sau:

- Cấp bằng công nhận của UBND tỉnh kèm theo tiền thưởng hoặc giá trị hiện vật.

- Tặng bằng công nhận và huy hiệu nghệ nhân dân gian của hội nghệ nhân dân gian Việt Nam.

- Được tham gia các hoạt động khoa học, hội thảo; mời tham gia các hoạt động do hội văn nghệ dân gian Việt Nam tổ chức như hội thảo, triển lãm, biểu diễn.

- Được cấp thẻ Bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh tại các bệnh viện

tuyên huyện, tỉnh.

- Hưởng chế độ thăm hỏi khi ốm đau và chế độ mai táng phí như đối với cán bộ công chức - viên chức nhà nước.

Với những ý nghĩa thiết thực như vậy nhằm khích lệ tinh thần cho các nghệ nhân. Từ đó tạo động lực cho các nghệ nhân mang trong mình niềm say mê trình diễn và truyền dạy tạo niềm tự hào trong họ về những di sản của quê hương mình.

3.3.3. Xây dựng nguồn lực

Xuất phát từ nhận thức chưa đầy đủ về các giá trị các di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn, bởi vậy các cán bộ phụ trách văn hóa - xã hội ở phòng văn hóa huyện và các xã chưa thực sự quan tâm và làm hết trách nhiệm của mình. Hiện nay tất cả các xã đều có các bộ công tác văn hóa chuyên trách, tuy nhiên vì nhiều lý do nên đội ngũ cán bộ này ở các địa phương không có sự đồng đều về trình độ cũng như chuyên ngành, nghiệp vụ về văn hóa. Đây là một trong những công tác khó khăn mà trong công tác quản lý văn hóa. Bởi vậy, Sở VH&DL Quảng Nam cần đẩy mạnh công tác tập huấn cho các cán bộ phụ trách về văn hóa - xã hội ở các địa phương.

Đầu tư kinh phí đào tạo cho cán bộ quản lý văn hóa tại địa phương nhằm nâng cao nhận thức cũng như trách nhiệm trong việc quản lý, gìn giữ di sản văn hóa phi vật thể với định hướng lâu dài mang tính bền vững. Tạo điều kiện để cán bộ địa phương học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ cũng như trong công tác quản lý. UBND tỉnh Quảng Nam cần tăng cường phân cấp cho địa phương để gia tăng trách nhiệm quản lý ở cấp cơ sở, xác định rõ những lĩnh vực cần can thiệp hoặc không cần can thiệp để cán bộ cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo qui định của pháp luật. Có biện pháp xử lý các hành vi gây ảnh hưởng tới yếu tố thuần phong mỹ tục, bản sắc văn hóa của địa phương. Cương quyết loại bỏ các cán bộ yếu năng lực, thiếu

thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước về văn hóa trên địa bàn.

Hàng năm nên tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ văn hóa - xã hội thuộc phòng Văn hóa cấp huyện và cán bộ văn hóa ở các xã tập huấn nghiệp vụ và kỹ năng về quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa với sự cộng tác của các chuyên gia và nhà nghiên cứu.

Các cấp cần thực hiện tốt công tác “chuẩn hóa” cán bộ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ trong hàng ngũ lãnh đạo, quản lý, tham mưu cũng như công chức, viên chức ngành Văn hóa.

Có chính sách phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; trọng dụng người có đức, có tài. Điều chỉnh chế độ tiền lương, trợ cấp đối với những người hoạt động trong các bộ môn nghệ thuật đặc thù.

3.3.4. Khai thác tuyên truyền, truyền dạy, tư liệu hóa

Quảng bá, tuyên truyền nghệ thuật múa Cơ Tu trên các phương tiện thông tin đại chúng là một hoạt động khuếch tán thông tin quan trọng đem lại nhiều lợi ích khác nhau. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ thông tin hiện nay nhất là các phương tiện nghe nhìn đã giúp cho mọi người tiếp cận với các thông tin một cách nhanh chóng và đầy đủ.

Thứ nhất trên sóng truyền hình của tỉnh: Một điều rất thuận lợi là hiện nay chương trình truyền hình có rất nhiều kênh, đối với tỉnh Quảng Nam trong những năm qua đã được đông đảo quần chúng nhân dân ở trong và ngoài nước biết đến với một điểm đến hai di sản văn hóa thế giới, nhân cơ hội này quảng bá những nét đẹp của nghệ thuật múa Cơ Tu ở vùng cao Quảng Nam trên sóng truyền hình lồng ghép tạo điều kiện cho khách du lịch khám phá. Vì vậy chúng ta cần có chuyên mục riêng chẳng hạn như “Vũ điệu dân trời của tộc người Cơ Tu”. Hàng tuần phát sóng hai hoặc ba buổi, thời điểm phát sóng là rất quan trọng nên có thể phát sóng theo “Khung giờ

vàng” theo cách gọi của nhà đài, với thời lượng phát sóng từ 20 đến 25 phút. Nội dung biên soạn ngắn gọn cùng với đó là những tiết mục múa do chính các diễn viên của người dân Cơ Tu thực hiện (tuy nhiên phải chọn lọc những tiết mục có chất lượng nghệ thuật tốt, gây sự chú ý hấp dẫn để lại ấn tượng cho người xem). Để thực hiện được công việc này giữa Sở VH&DL Quảng Nam và Đài phát thanh và Truyền hình Quảng Nam cần có sự phối hợp chặt chẽ để chương trình quảng bá về nghệ thuật múa Cơ Tu thực sự có ý nghĩa và thỏa mãn nhu cầu thưởng thức văn hóa tinh thần của quần chúng nhân dân. Không những vậy nó còn tạo nên niềm tự hào về bản sắc văn hóa của địa phương cũng như của đất nước.

Thứ hai trên mạng internet: Cần lập một website để quảng bá về các giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu của Quảng Nam. Nội dung trong trang là những bài viết và những công trình nghiên cứu của các nhà nghiên cứu văn hóa về văn hóa văn nghệ dân gian về các thể loại múa dân gian của dân tộc Cơ Tu. Bên cạnh đó là những video những điệu múa do các diễn viên chuyên nghiệp thể hiện hoặc do các nghệ nhân của người Cơ Tu thể hiện. Đang xen những trang web là hình ảnh địa điểm du lịch, có những cô gái, chàng trai Cơ Tu đang nở nụ cười như đang mời gọi chào đón du khách đến với nơi núi rừng Trường Sơn hùng vĩ, nơi vùng núi cao của vùng đất Quảng Nam.

Ngoài hai hình thức trên thì việc tuyên truyền quảng bá rộng khắp trên các chương trình như: Festival hành trình di sản, trên các sân khấu liên hoan, hội diễn như Tuần lễ văn hóa Quảng Nam tại Hà Nội, giao lưu kỷ niệm kết nghĩa giữa hai tỉnh Quảng Nam và Thanh Hóa, ngày hội văn hóa các dân tộc miền núi tỉnh Quảng Nam, ngày hội văn hóa các dân tộc Việt Nam... Từ những hội diễn đó được các phóng viên, nhà báo đưa tin... để cho mọi người thấy được những giá trị, tinh hoa văn hóa của nghệ thuật

múa Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam để từ đó nghệ thuật múa được phát huy hết khả năng hơn nữa.

Bên cạnh đó cần nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong việc bảo tồn giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu. Động viên, tuyên truyền giáo dục cho người dân về pháp luật trong sinh hoạt văn hóa văn nghệ, về những gì được làm và không nên làm... để người dân tự hướng tới cái hay, cái đẹp, cái phù hợp với chuẩn mực, cái được pháp luật cho phép và tránh xa những mặt trái đã và đang xuất hiện trong các hoạt động văn hóa. Cộng đồng tộc người Cơ Tu phải có trách nhiệm bảo vệ cảnh quan môi trường nơi mình sinh sống để là nền tảng cho sinh hoạt nghệ thuật múa Cơ Tu có điều kiện sinh tồn và phát triển. Kiên quyết đề phòng và bài trừ những biểu hiện tư tưởng đi ngược với các giá trị văn hóa truyền thống của tộc người Cơ Tu nơi đây, lợi dụng sinh hoạt văn hóa này để gây ra mất đoàn kết trong cộng đồng của người Cơ Tu nói riêng và người dân Quảng Nam nói chung.

Trong xu thế toàn cầu hóa về kinh tế và văn hóa hiện nay cùng với sự mở cửa và hội nhập quốc tế về mọi lĩnh vực của nước ta, nó đã có những tác động mạnh mẽ đến đời sống xã hội. Tuy vậy, ngoài những thể loại âm nhạc hiện đại, múa đương đại đã và đang tác động mạnh vào thế hệ trẻ, có thể nói đó là sự “xâm nhập” về văn hóa ngày càng nhiều hơn, rộng rãi hơn. Một sự thật chúng ta phải thừa nhận đó là không ít các bạn trẻ quay lưng với nghệ thuật truyền thống, trong đó có nghệ thuật múa dân gian. Điều đặt ra là chúng ta phải tăng cường sự giáo dục cho thế hệ trẻ về những giá trị di sản văn hóa phi vật thể của múa Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam. Đó là vốn tài sản văn hóa quý báu, niềm tự hào của người dân Cơ Tu nói riêng và của tỉnh Quảng Nam nói chung khó có thể tìm thấy ở địa phương khác.

Để đẩy mạnh công tác giáo dục những giá trị của di sản văn hóa phi vật thể cho thế hệ trẻ, Sở VH TT & DL cần phối hợp với Phòng Giáo dục và

Đào tạo đẩy mạnh việc đào tạo, giảng dạy nghệ thuật múa Cơ Tu ở trường học, trường văn hóa nghệ thuật tỉnh. Đối với các trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông dân tộc nội trú, trong đó chủ yếu là con em của người dân Cơ Tu. Ngoài chương trình học chính khóa theo quy định của Nhà nước, phân môn học nhạc hay chương trình ngoại khóa của trường cần dành một thời lượng nhất định vào việc hướng dẫn các em tiếp cận các động tác múa truyền thống của quê hương mình. Điều này cần đòi hỏi cần phải có một giáo viên dạy múa ở các trường là người am hiểu các điệu múa Cơ Tu.

Đối với trường văn hóa nghệ thuật của tỉnh Quảng Nam, cần biên soạn các điệu múa dân gian, trong đó có các điệu múa dân gian Cơ Tu vào chương trình giảng dạy đặc biệt đối với các chuyên ngành như: Quản lý văn hóa, sư phạm âm nhạc, diễn viên múa, biên đạo múa... Công tác giảng dạy cho sinh viên trường văn hóa của tỉnh cần có đội ngũ chuyên nghiệp hoặc đội ngũ giáo viên là các nghệ nhân tiêu biểu. Sau này, đây sẽ là lực lượng bổ sung, đội ngũ cán bộ kế tục sự nghiệp gìn giữ và phát huy vốn văn hóa của địa phương. Ngoài việc giảng dạy trên lớp tại nhà trường nên tổ chức chương trình ngoại khóa và thực tập của học sinh, sinh viên cần đưa các em về tìm hiểu thực tế tại các thôn, xã của người dân Cơ Tu. Đồng thời cho các em tiếp xúc với các nghệ nhân để học hỏi những kinh nghiệm và tham gia vào phong trào văn nghệ của địa phương để các em nhìn toàn cảnh về loại hình nghệ thuật múa đặc sắc này.

Đối với chính quyền địa phương cần đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Phòng Văn hóa - Thông tin tổ chức sinh hoạt giao lưu văn hóa, văn nghệ giữa các trường vào những dịp lễ lớn của đất nước và của địa phương. Thông qua đó, chúng ta giáo dục cho thế hệ trẻ biết phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình và hình thành thái độ ứng xử văn hóa trong cộng đồng. Từ những hoạt động thiết thực đó để các em hiểu

được hết ý nghĩa cái hay, cái đẹp cũng như giá trị của loại hình di sản này.

Có thể nói, việc sưu tầm, ghi chép và xuất bản tài liệu chính là cơ sở đầu tiên, quan trọng nhất tạo tiền đề phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, trong đó có nghệ thuật múa Cơ Tu.

Trước hết, công tác nghiên cứu, sưu tầm các điệu múa truyền thống của người dân Cơ Tu nên cần có sự phối hợp đồng bộ với cơ quan quản lý địa phương với chính người dân Cơ Tu. Chính sự kết hợp đó nhằm phát huy chức năng của từng cơ quan vào mục tiêu chung là nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê các điệu múa truyền thống nơi đây. Để củng cố việc tổ chức thực hiện nghiên cứu, sưu tầm điệu múa của người dân Cơ Tu có thể xác định một quy trình gồm các công đoạn cụ thể như: Cần thực hiện việc tập hợp các cơ quan chức năng từ tỉnh đến cơ sở. Song song với công việc trên cần phải tiến hành lập kế hoạch cho từng giai đoạn, thời gian, việc lập kế hoạch này thuộc trách nhiệm của cơ quan chủ quản được giao để điều hành công tác nghiên cứu, sưu tầm. Kế hoạch lập ra phải đảm bảo được yêu cầu như phải phù hợp với tình hình địa phương, phù hợp với đội ngũ các bộ chuyên môn, phụ thuộc vào nguồn kinh phí chi trả, điều quan trọng là yêu cầu kế hoạch phải có tính khả thi và đạt hiệu quả khi tiến hành.

UBND tỉnh Quảng Nam cũng như Sở VH TT & DL, Phòng VH TT của huyện Nam Giang, Tây Giang, Đông Giang cần phối hợp, tham khảo ý kiến các Viện nghiên cứu về văn hóa, các nhà nghiên cứu, chuyên gia về văn hóa, cụ thể là văn hóa phi vật thể để xuất bản một cuốn sách đầy đủ, hệ thống về nghệ thuật múa Cơ Tu, ghi thành các bộ đĩa CD, DVD làm tư liệu để tra cứu, đại diện cộng đồng gìn giữ di sản của chính họ. Đó cũng chính là cơ sở có thể bổ sung phần của văn hóa Quảng Nam đối với kho tàng văn hóa dân gian phong phú, độc đáo của Việt Nam.

3.3.5. Vai trò cộng đồng bảo tồn, phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu đối với phát triển du lịch

Văn hóa được hình thành từ chính cộng đồng và phục vụ cộng đồng. Chính vì thế cộng đồng là chủ thể quan trọng để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc

Trong quá trình phát triển tộc người và sinh sống cộng cư ở miền núi, các DTTS tỉnh Quảng Nam đã sáng tạo, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc, đa dạng và phong phú cả về văn hóa vật thể và phi vật thể; vừa có tính đặc trưng riêng của mỗi dân tộc, vừa có sự giao lưu, tiếp biến văn hóa trong cộng đồng.

Ngoài ra, vai trò cộng đồng còn thể hiện trong việc phát hiện, sưu tầm và hiến tặng những tài liệu, hiện vật liên quan đến các di tích, giúp các giá trị truyền thống được khẳng định.

Cộng đồng và nhu cầu tâm linh chính là tấm gương phản chiếu công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa. Bên cạnh những yếu tố tích cực, vấn đề văn hóa tâm linh cũng đang tồn tại những bất cập cần sự chung sức, đồng lòng của cả cộng đồng.

Hoạt động du lịch của tỉnh Quảng Nam hiện nay dựa trên các đặc điểm tự nhiên và kinh tế xã hội, tiềm năng và tài nguyên du lịch. Căn cứ vào những quan điểm, mục tiêu phát triển du lịch của Đảng và Nhà nước đến năm 2020. Đảng bộ chính quyền nhân dân tỉnh Quảng Nam xây dựng cho mình chiến lược phát triển du lịch mang tính đặc thù của địa phương nhằm mục đích phát huy những lợi thế về tự nhiên, về truyền thống văn hóa. Hướng chủ yếu vào du lịch thắng cảnh, du lịch văn hóa tâm linh, du lịch cộng đồng phát huy tối đa nguồn lực của địa phương. Xác định rõ tầm quan trọng của công tác phát triển du lịch điều đó được thể hiện qua Nghị quyết số 105/2008/NQ - HĐND ngày 29/01/2008 của UBND tỉnh về đẩy

mạnh phát triển du lịch Quảng Nam đến năm 2015 tầm nhìn đến năm 2020. Quyết định số 2879/QĐ-UBND ngày 26/8/2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch tỉnh Quảng Nam đến năm 2015 định hướng đến năm 2020. Đây là bước đột phá mới về quan điểm, chủ trương của tỉnh Quảng Nam trong phát triển sự nghiệp văn hóa, đồng thời là văn bản định hướng khá cụ thể cho nhiều dự án phát triển văn hóa, làm cơ sở cho sự điều hành, chỉ đạo của chính quyền các cấp, tạo sự chủ động trong công tác quản lý nhà nước về di sản. Đây chính là tài sản vô giá, là niềm tự hào của cộng đồng các dân tộc Quảng Nam.

Ở miền núi tỉnh Quảng Nam có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển du lịch theo hướng du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng kết hợp khám phá đời sống văn hóa đồng bào Cơ Tu. Chính vì vậy, cần tăng cường và huy động các nguồn lực xã hội để người dân giảm nghèo, phát triển kinh tế, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội quan trọng nhất là đầu tư phát triển hệ thống giao thông. Hiện tại, hệ thống giao thông liên thôn, xã cơ bản được đầu tư. Tuyến quốc lộ đường Hồ Chí Minh là một trong những huyết mạch giao thông quan trọng sẽ tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế và du lịch trong mọi mặt đời sống xã hội của địa phương.

Xây dựng các tuyến điểm du lịch cộng đồng tại các xã tiêu biểu của các huyện. Thông qua hình thức du lịch cộng đồng sẽ trực tiếp đưa nghệ thuật múa Cơ Tu vào phục vụ du khách nhờ vậy sẽ giúp cho múa Cơ Tu quảng bá rộng rãi hơn thông qua con đường du lịch. Khi làm du lịch người dân Cơ Tu cần mặc trang phục truyền thống khi biểu diễn múa Cơ Tu, điều đó sẽ đem lại một vẻ đẹp thuần khiết, đậm đà bản sắc của tộc người Cơ Tu. Cần xây dựng hoàn chỉnh các hệ thống động tác múa thông qua các nghệ nhân để thế hệ trẻ tiếp thu được. Về phong cách biểu diễn chuẩn các tư thế,

múa nhún nhảy, từ ánh mắt đến nụ cười để gây sự hấp dẫn cho du khách. Bên cạnh đó cần xây dựng một số điểm bán hàng lưu niệm mang sắc thái của địa phương như: đồ trang sức được làm từ nguồn tự nhiên của núi rừng, những trang phục váy, khố làm từ chất liệu thổ cẩm, chiếc giỏ đan bằng tre, mây... Tổ chức các loại hình sinh hoạt văn hóa văn nghệ như: đón khách, văn nghệ diễn ra trong nhà Gươl, chuyên nghiệp hóa đội ngũ phục vụ... Qua các hoạt động này sẽ tạo ra đời sống tinh thần phong phú của người dân Cơ Tu, mặt khác thu hút sự chú ý của khách du khách về đặc trưng văn hóa hiện đang bảo lưu ở địa phương này.

Phát triển du lịch cộng đồng là khai thác các giá trị của di sản cả vật thể và phi vật thể nhưng vẫn bảo vệ được nó. Vấn đề ở đây là làm sao phải tổ chức khai thác tốt, đòi hỏi một chính sách đồng bộ và sự quan tâm thỏa đáng về hỗ trợ tài chính, hình thức tổ chức, quảng bá, giới thiệu qua các phương tiện thông tin truyền thông... của các cơ quan chức năng. Từ đó góp phần làm thay đổi diện mạo của tộc người Cơ Tu theo hướng tích cực, vừa bảo vệ giá trị văn hóa, vừa góp phần phát triển kinh tế của họ.

Vấn đề quan trọng và có tính quyết định nhất ở đây là ý thức của người dân trước sự thay đổi ấy, cần phải làm như thế nào để người dân Cơ Tu thấy được vai trò của mình và nhận thức đầy đủ hơn về giá trị của di sản từ đó ý thức bảo vệ di sản sẽ được nâng cao. Khuyến khích sự tham gia vào du lịch cộng đồng và phát triển du lịch văn hóa, góp phần thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững, phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tóm lại: Trong giai đoạn hiện nay, công cuộc bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc là việc giữ gìn, xây dựng và phát huy một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã và đang đặt ra cho chúng ta nhiều

vấn đề cần nghiên cứu và bảo tồn, những giá trị văn hóa truyền thống của đất nước. Trong đó có nghệ thuật múa Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam đây cũng là một vấn đề quan trọng cần được các cấp các ngành quan tâm.

3.3.6. Kiểm tra, đánh giá

Tổ chức kiểm tra: Các cấp chính quyền cần phát huy vai trò, kiểm tra giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư và công dân đối với việc tổ chức và quản lý hoạt động của múa Cơ Tu. Thường xuyên thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra về đời sống văn hóa cơ sở, kiểm tra câu lạc bộ hoạt động như thế nào, trong đó có lồng ghép nội dung kiểm tra thực trạng hoạt động trình diễn, biểu diễn của nghệ thuật múa Cơ Tu. Trên cơ sở đó, cán bộ văn hóa địa bàn có thể nắm bắt được tình hình hoạt động thực tế của loại hình DSVHPVT đặc thù này được gìn giữ và phát triển trong đời sống của người dân Cơ Tu ra sao. Từ đó, đề xuất giải pháp hữu hiệu để thưởng phạt phân minh những người có công trong việc gìn giữ và bảo tồn nghệ thuật múa này. Do vậy, làm tốt công tác kiểm tra là một việc làm thường xuyên, liên tục và mang lại ý nghĩa to lớn cho hoạt động quản lý văn hóa ở các cấp từ tỉnh đến cơ sở văn hóa tại địa phương.

Đánh giá: Làm tốt công tác sơ, tổng kết hàng năm về lĩnh vực văn hóa, tổng hợp các kết quả, đánh giá những mặt tích cực, mặt hạn chế, những nguyên nhân của những mặt ưu điểm, nguyên nhân của các mặt tồn tại hạn chế; rút ra bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện công tác quản lý văn hóa; đồng thời đề ra phương hướng để triển khai tốt hơn trong thời gian tới; làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, động viên kịp thời các tổ chức cá nhân, các nghệ nhân có đóng góp hiệu quả trong công tác quản lý văn hóa, truyền dạy, phát huy giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu trên địa bàn xã, huyện.

Các cấp chính quyền cần phát huy vai trò giám sát đối với việc tổ chức và quản lý hoạt động của các câu lạc bộ múa Cơ Tu trên địa bàn xã, huyện.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nói chung và quản lý giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu nói riêng trên địa bàn huyện, xử lý những hành vi làm ảnh hưởng tới công tác phát huy giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu.

Làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, động viên kịp thời các tổ chức, cá nhân có đóng góp hiệu quả trong công tác quản lý văn hóa, truyền dạy, phát huy giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu; định kỳ hằng năm có sơ tổng kết đánh giá các hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu trên địa bàn. Từ đó, phát hiện, nhân rộng các mô hình, các cách làm hay, phong trào múa Cơ Tu của các câu lạc bộ, các địa phương trong huyện, nhân rộng thành phong trào rộng rãi lan tỏa cho các huyện.

Tiểu kết 3

Trên cơ sở nhận xét về công tác bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam, tác giả luận văn đã chỉ ra xu hướng biến đổi của loại hình nghệ thuật này, đó là sự biến đổi về ý thức của người dân nhất là đối với thế hệ trẻ. Trong giai đoạn hiện nay, UBND tỉnh Quảng Nam và Sở VH TT & DL đã xác định rõ về phương hướng phát triển và mục tiêu, đẩy mạnh xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát triển văn hóa các DTTS trên địa bàn đến năm 2020. Xác định công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa Cơ Tu có vị trí, vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong thời kỳ hội nhập. Trên cơ sở xác định rõ mục tiêu phát triển của địa phương, tác giả của luận văn đã đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm góp phần nâng cao hiệu quả bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu để các cấp lãnh đạo và cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa xem xét, từ đó có những tác

động thiết thực và phù hợp đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu ở Quảng Nam ngày càng đi vào chất lượng và hiệu quả. Tuy nhiên, công tác quản lý chỉ có thể thực hiện thành công khi có sự chung tay, góp sức, sự đóng góp trí tuệ, tâm huyết chỉ thực sự hiệu quả khi các cấp các ngành, các tổ chức, cá nhân có sự phối hợp đồng bộ, đi đôi với những chính sách cũng như hỗ trợ về vật chất và tinh thần cho các thôn, xã và các nghệ nhân; bên cạnh đó là những hành động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao của các cơ quan quản lý văn hóa từ tỉnh đến các cấp chính quyền sở tại.

KẾT LUẬN

Đất nước chúng ta có 54 dân tộc được phân bố rộng rãi khắp nơi, cư trú đan xen trong chiều dài, chiều rộng của toàn bộ lãnh thổ. Theo điều tra dân số, tộc người Cơ Tu cho đến thời điểm năm 2009 có khoảng 61.588 người được phân bố tương đối rộng. Riêng tỉnh Quảng Nam có tới 45.715 người, chiếm 74,2% tổng dân số. Căn cứ vào số liệu trên để so sánh và xác định, tỉnh Quảng Nam là trung tâm của tộc người Cơ Tu. Được coi là trung tâm, đương nhiên cũng tập trung những nét đặc trưng tiêu biểu nhất trong các mối quan hệ nhìn từ góc độ văn hóa. Nghệ thuật múa là một thực thể của văn hóa, vì thế nghiên cứu múa Cơ Tu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam hoàn toàn đáp ứng và phù hợp đề tài nghiên cứu của chúng tôi.

Quảng Nam nằm ở miền Trung của Việt Nam, hội tụ đầy đủ các yếu tố đặc thù về điều kiện vị trí: có núi, có sông, có đường biên giới giáp với nước bạn Lào và có bờ biển đẹp, kết nối với TP Đà Nẵng và các tỉnh lân cận là một trong những huyết mạch giao thông quan trọng của cả nước. Không chỉ thế Quảng Nam còn nổi tiếng với các danh lam thắng cảnh như đô thị cổ Hội An và thánh địa Mỹ Sơn và còn có hàng trăm di tích lịch sử. Và thật vinh dự và tự hào cho người dân Cơ Tu nói riêng và tỉnh Quảng Nam nói chung nhằm tôn vinh các giá trị văn hóa vật thể phi vật thể của các dân tộc, trong phiên họp Hội đồng Di sản Quốc gia lần thứ VII tại Hà Nội vào ngày 12.8.2014, đã công nhận loại hình múa Tung tung Da dá của tộc người Cơ Tu ở Quảng Nam là Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia.

Chính vì vậy, việc thực hiện đề tài *Bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam* là một nhiệm vụ cần thiết và hữu ích. Nghiên cứu vấn đề này sẽ góp một phần bổ khuyết những khía cạnh còn trống trong công tác quản lý, nghiên cứu nghệ thuật múa Cơ Tu nhằm phục vụ phát triển du lịch cộng đồng và sinh hoạt văn hóa cộng đồng của người dân.

Đây cũng là một bước đi nhằm cụ thể hóa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng bộ và chính quyền tỉnh Quảng Nam trong việc quản lý, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của địa phương.

Để bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật múa Cơ Tu ở Tỉnh Quảng Nam trong điều kiện đất đang chuyển mình trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong điều kiện mở cửa giao lưu hội nhập quốc tế. Tỉnh Quảng Nam cần bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa phi vật thể để nghệ thuật múa Cơ Tu đóng góp phần vào sự khẳng định của văn hóa Việt Nam

Công tác quản lý, bảo tồn và phát huy nghệ thuật múa Cơ Tu trong đời sống hôm nay không còn là nhiệm vụ riêng của tộc người Cơ Tu, mà là vấn đề đặt ra cho các cấp chính quyền liên quan, từ trung ương đến địa phương cũng như người dân phải có nhận thức đúng đắn, có trách nhiệm và hành động thiết thực đối với việc bảo tồn và phát huy loại hình di sản văn hóa này để nét đẹp văn hóa mãi được lưu truyền.

Với những công việc như sưu tầm, ghi chép các tài liệu mới chỉ là công đoạn đầu trong một lộ trình dài. Với việc tăng cường công tác quản lý, bảo tồn là bước đi cần thiết tiếp theo và khâu phát huy mới là khâu quan trọng và là công đoạn cuối để củng cố những thành tựu đã gây dựng. Đây là công cuộc lâu dài và gian khó, đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực và tâm huyết, sự đầu tư cả về tài chính cũng như nguồn nhân lực, song đây mới là cái đích cần đạt tới - nhằm bảo tồn bền vững giá trị loại hình văn hóa phi vật thể đặc sắc của người dân Cơ Tu ở Quảng Nam nơi đại ngàn Trường Sơn hùng vĩ.

Trong luận văn này, với những tìm hiểu và đề xuất cá nhân về loại hình nghệ thuật múa Cơ Tu ở Tỉnh Quảng Nam với những ý kiến đóng góp thiết thực. Đó cũng chính là mục tiêu để bảo tồn những nét văn hóa đặc sắc

ở vùng núi cao Quảng Nam góp phần xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc mà Đảng ta đặt ra. Tuy còn chưa thật sự đầy đủ nhưng hy vọng nó sẽ là cơ sở để các cơ quan chức năng của UBND tỉnh Quảng Nam, chính quyền tỉnh Quảng Nam, các nhà nghiên cứu xem xét trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Ngọc Canh (2002), *Đại cương nghệ thuật múa*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
2. Lê Ngọc Canh (2007), “Hình người múa khắc vẽ trên đá”, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, (số 7).
3. Lê Ngọc Canh (2007), “Hình người nhảy múa trên trống đồng”, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, (số 11).
4. Lê Ngọc Canh (2009), *Khái luận Nghệ Thuật Múa*, Nxb Văn hóa thông tin.
5. Phan Thị Xuân Bốn (2005), “Tín ngưỡng đa thần của người Cơ Tu ở huyện Hiên”, *Văn hóa Nghệ thuật*, (số 7).
6. Nguyễn Đăng Duy (2005), *Nhận diện văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc.
7. Tạ Đức (2002), *Tìm hiểu văn hóa Cơ Tu*, Nxb Thuận Hóa.
8. Đinh Hồng Hải (2003), “Linh hồn các tác phẩm nghệ thuật người Cơ Tu”, *Văn hóa Nghệ Thuật*, (số 7).
9. Đinh Hồng Hải (2006), *Nhà Gươl của người Cơ Tu*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
10. Nguyễn Ngọc Hòa, “Xây dựng đời sống văn hoá của người Cơ Tu ở Quảng Nam”, *Tuyên giáo*, (số 4).
11. Trần Hoàng - Nguyễn Thị Sửu (2003), *Góp phần tìm hiểu Văn hoá dân gian dân tộc Tà Ôi, huyện A Lưới, Thừa Thiên - Huế*, Nxb Văn Hóa Dân Tộc.
12. Lưu Hùng (2005), “Săn bắt chim muông và tín ngưỡng liên quan của người Cơ Tu”, *Dân tộc học*, (số 3).
13. Lưu Hùng (2006), *Góp phần tìm hiểu văn hóa Cơ Tu*, Nxb Khoa học - xã hội, Hà Nội.

14. Lưu Hùng (2007), *Góp phần tìm hiểu văn hóa Cơ Tu*, Nxb Khoa học - xã hội, Hà Nội.
15. Nguyễn Tri Hùng (1992), *Người Cơ Tu ở Quảng Nam - Đà Nẵng*, Bản thảo Công trình nghiên cứu khoa học của Sở Văn hóa - Thông tin Quảng Nam - Đà Nẵng, Nxb Đà Nẵng.
16. Dương Ngọc Lai (2014), *Múa Cơ Tu trong lễ hội hiện đại*, luận văn thạc sĩ, Trường Sân khấu Điện ảnh Hà Nội.
17. Luật Di sản Văn hóa (2001)
18. Luật Di sản Văn hóa sửa đổi (2009)
19. Bh'riu Liếc (2006), *Tiếng thông dụng Cơ Tu – Kinh và Văn hóa Làng Cotu*, Nxb Sở VH TT tỉnh Quảng Nam.
20. Bh'riu Liếc (2009), *Văn hóa người Cơ Tu*, Nxb Đà Nẵng.
21. Nguyễn Văn Lộc (2010), *Nghiên cứu bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, văn hóa lịch sử dân tộc thiểu số ở Việt Bắc*, Nxb Đại học Thái Nguyên.
22. Hoàng Phê (chủ biên) (1988), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội.
23. Ngân Quý (2007), *Những vấn đề kế thừa và phát huy múa dân gian Việt Nam*, Hội nghệ sĩ Múa Việt Nam.
24. Bùi Hoài Sơn (2009), *Quản lý lễ hội truyền thống của người Việt*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
25. Những sự kiện lịch sử Đảng bộ huyện Hiên (1986), Nxb Đà Nẵng.
26. Nhạc sĩ Thái Nghĩa, Tham luận *Nghệ thuật công chiêng Cơ Tu*, Hội văn nghệ dân gian Việt Nam.
27. Lâm Tô Lộc (1994), *Múa dân gian các dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc Hà Nội.

28. Lâm Tô Lộc (2007), “Múa Việt Nam với nước ngoài trong thế kỷ XX”, *Nghiên cứu Văn hóa Nghệ Thuật*, (số 7).
29. Trần Đức Sáng (2005), “Nghỉ lễ Tết Ping trong đời sống người Cơ Tu”, *Văn hoá Nghệ thuật*, (số 7).
30. Trần Đức Sáng (2007), *Hình tượng động vật trong thế giới quan của người Cơ Tu*, Nxb Khoa học - Xã hội.
31. Sở Văn hóa - thông tin Quảng Nam (2003), *Đề tài Tổng quan văn hóa phi vật thể dân tộc Cơ Tu tỉnh Quảng Nam*.
32. Lê Anh Tuấn (2005), “Tìm hiểu sự thay đổi ý nghĩa của biểu tượng Padil ya ýa trong văn hoá Cơ Tu”, *Nghiên cứu Văn hóa - Nghệ thuật, Thông tin khoa học* (số 2).
33. Nguyễn Hữu Thông - Nguyễn Phước Bảo Đàn (2000), “Nhà Gươl của người Cotu trong đời sống văn hoá cổ truyền và hiện đại”, *Thông tin Khoa học và Công nghệ*, (số 3).
34. Nguyễn Hữu Thông (2005), *Katu - kẻ sống đầu nguồn nước*, Nxb Thuận Hóa.
35. Nguyễn Hữu Thông (chủ biên), (2005), *Văn hóa làng miền núi trung bộ Việt nam (dẫn liệu từ miền núi Quảng Nam)*, Nxb Thuận Hóa.
36. Tỉnh ủy Quảng Nam (2004), *Các nghị quyết, chương trình hành động*.
37. Tỉnh ủy Quảng Nam (12/10/2002), *Nghị quyết 05-NQ/TU về một số chủ trương và giải pháp trọng tâm về dân tộc thiểu số giai đoạn 2002 - 2007*.
38. UNESCO (2003), *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của hợp phiên thứ 32 tại Pari từ ngày 29 tháng 9 đến 7 tháng 10 năm 2003*.
39. Đặng Nghiêm Vạn (1996), “Bảo vệ và phát triển di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số miền núi Việt Nam”, *Dân tộc học*, (số 4).
40. Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Văn hóa và tôn giáo*, Nxb Khoa học Xã hội.

41. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên) (2005), *Tìm hiểu con người miền núi Quảng Nam*, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Nam xuất bản.
42. Lê Trung Việt (2003), “Vũ điệu dâng trời - Khát vọng trăm mặt dưới chân Trường Sơn”, *Báo Xuân Quảng Nam*, (số 1).
43. Trần Tấn Vịnh (2009), *Người Cơ Tu ở Việt Nam*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
44. Trần Tấn Vịnh (2010), *Nghề dệt và trang phục cổ truyền của dân tộc Cơ Tu*, Nxb Dân Trí.
45. Trần Tấn Vịnh (2013), *Bức tranh văn hóa Cơ Tu*, Nxb Thời Đại.
46. Viện Ngôn ngữ (1992), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Hà Nội.
47. Trần Quốc Vượng, Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm.
48. Trao đổi chuyên ngành, *Một số quan điểm về bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Hội An - Hội An*, <http://hoianheritage.net/vi/trao-doi-chuyen-nganh/chuyen-de-nghien-cuu-trao-doi/Mot-so-quan-diem-ve-bao-ton-va-phat-huy-di-san-van-hoa-Hoi-An-185.html> 11h30 ngày 12/9/2016, Tr1.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

NGUYỄN THỊ THU BA

**BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY NGHỆ THUẬT
MÚA CƠ TU Ở TỈNH QUẢNG NAM**

**PHỤ LỤC
LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ VĂN HÓA**

Hà Nội, 2017

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Phỏng vấn các nghệ nhân múa Cơ Tu	94
Phụ lục 2: Bản đồ huyện, thành phố tỉnh Quảng Nam.....	97
Phụ lục 3: Một số hình ảnh múa tộc người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam.....	98

Phụ lục 1

Phỏng vấn các nghệ nhân múa Cơ Tu

I. Nhưng nghệ nhân Cơ Tu

1. Già làng Alăng Bhuóch (72 tuổi) ở xã Ba, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam.

Bây giờ mình đã già rồi, nhưng mình vẫn thích điệu múa này. Mình sẽ cố để truyền lại cho con cháu mình để chúng nó giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của người Cơ Tu.

2. Nghệ nhân già làng (75 tuổi) Y Công ở xã Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

Trước đây, người Cơ Tu chỉ sống ở trong làng thôi lúc nào cũng kiên cử khi có khách vào làng. Bây giờ xã hội đã phát triển rồi nên người Cơ Tu rất hiếu khách khi có khách đến làng. Khách đến thăm làng thường muốn xem người Cơ Tu biểu diễn điệu múa Tung tung Da dá truyền thống của người dân nơi đây. Chúng tôi thích lắm. Điệu múa truyền thống này sẽ được lưu truyền qua nhiều thế hệ, dù có sự tác động của nhiều loại hình nghệ thuật hiện đại. Ở trong làng chúng tôi đa số thanh thiếu niên vẫn say mê với điệu múa truyền thống của dân tộc mình.

3. Alăng Sơn (40 tuổi) Phó Trưởng phòng Trung tâm Văn hóa - Thông tin huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam.

Giờ đây với sự giao thoa văn hóa mạnh mẽ cùng với việc các lễ hội hiện đại diễn ra rất nhiều, các giá trị văn hóa truyền thống đang dần ít đi khiến cho các thế hệ trẻ ít có điều kiện tiếp xúc với văn hóa truyền thống dân tộc mình. Cồng chiêng và điệu múa Tung tung Da dá là một trong những giá trị đó. Vì thế, chúng tôi đã thành lập ra đội cồng chiêng

và đội múa Tung tung Da dá để duy trì văn hóa truyền thống cho các em.

4. Anh Bríu Lực (37 tuổi), cán bộ Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam.

Các em luyện tập nhiều bữa rất mệt, ban đêm các em còn phải về chuẩn bị bài vở để sáng mai còn đến lớp. Nhìn thấy thương lắm. Nhưng các em vẫn ý thức được việc gìn giữ bản sắc văn hóa của quê hương mình nên các em vẫn hào hứng tập luyện một cách hăng say.

5. Anh Zorâm Mới (30 tuổi), cán bộ ở xã Bhing, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

Động tác múa Cơ Tu mới nhìn vào thì thấy dễ, đơn giản. Nhưng khi bắt tay vào tập luyện mới thấy những khó khăn. Vì độ tuổi của các em còn nhỏ nên việc tập luyện động tác cho các em phải từ từ và tập từng chi tiết nhỏ thì các em mới tiếp thu được mà để tập đều cho các em thì lại càng khó hơn nữa. Nhìn thì có vẻ đơn giản, nhưng đến khi bắt tay vào luyện tập thì mới thấy được sự khổ công của cả thầy lẫn trò nơi đây.

6. Em Alăng Dung (15 tuổi) thành viên đội văn nghệ truyền thống ở xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

Em vui lắm và thích lắm khi ngày càng có nhiều khách du lịch về với vùng đồng bào dân tộc Cơ Tu của chúng em, họ cũng thích thú với điệu múa truyền thống của chúng em. Không chỉ riêng em mà đa số các bạn nam nữ trong làng như em ai cũng biết múa và ai cũng thích điệu múa truyền thống của dân tộc mình. Chúng em đang được các già làng, các nghệ nhân trong làng truyền đạt lại cách biểu diễn điệu múa truyền thống này, vì vậy em tin là điệu múa Tung tung Da dá này sẽ được lưu truyền lâu dài. Chúng em sẽ cố gắng tiếp thu và học hỏi các nghệ nhân đi trước để sau này em bày lại cho các em nhỏ hơn em.

7. Chị Brao Trang (45 tuổi), xã Tà Bhing, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

Tôi thích lắm, nhà tôi có cả hai đứa con cùng tham gia đội múa Tung tung Da đá. Từ khi có người trên huyện về làm du lịch, cả xã vui nhộn hẳn lên. Đường xá lúc nào cũng có tiếng cười tiếng nói rộn rã cả đường. Các thanh niên nam, nữ trong làng thì hằng say tập múa...ôi, nhìn thích lắm.

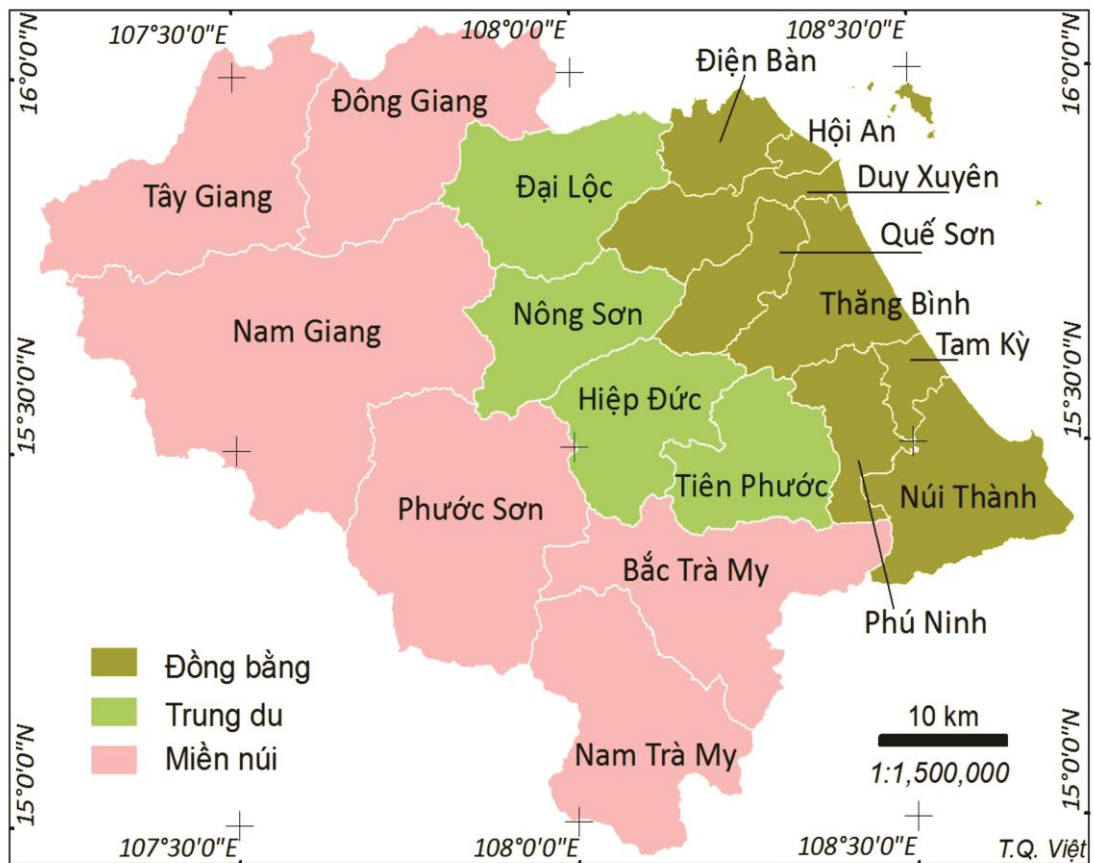
8. Ông Bríu Nen, (74 tuổi) ở thôn Bhoahông I, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.

Bây giờ các hoạt động văn hóa của đồng bào Cơ Tu như: Lễ hội đâm trâu, lễ hội mừng lúa mới và nhiều lễ hội khác nữa du khách hay lên đây để tham quan, chụp hình, tìm hiểu về văn hóa truyền thống Cơ Tu cùng với những món ăn đặc sản. Du khách rất thích thú khi được chúng tôi bày múa động tác Tung tung Da đá, nhiều du khách rất say sưa với điệu múa này.

9. Chị A Viết Bót, trưởng thôn Pà Xua huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.

Từ khi có dịch vụ du lịch thì đời sống vật chất lẫn tinh thần của bà con nơi đây dần tốt lên, bây giờ họ đã tự kiếm được tiền, đã tiếp thu được rất nhiều điều bổ ích dù quanh năm họ chỉ ở quanh trong bản làng, trong thôn. Cũng nhờ hoạt động du lịch như vậy mà bữa cơm trong gia đình ở các thôn, bản giờ đây đã được cải thiện đáng kể. Thấy bà con được như vậy mình cũng mừng lắm, bà con hằng say tập những điệu múa truyền thống này mình cảm thấy phấn khích trong lòng.

Phụ lục 2
Bản đồ huyện, thành phố tỉnh Quảng Nam



Ảnh 1.1. Bản đồ huyện, thành phố tỉnh Quảng Nam

(Nguồn: https://vi.wikipedia.org/wiki/Quảng_Nam, ngày 07/3/2017)

Phụ lục 3**Một số hình ảnh múa tặc người Cơ Tu ở tỉnh Quảng Nam**

Ảnh 1.1. Trang phục múa của người dân Cơ Tu ngày xưa
(Nguồn: Báo DânViệt.Net, ngày 07/3/2017)



Ảnh 1.2. Trang phục múa của người dân Cơ Tu, tỉnh Quảng Nam ngày xưa

(Nguồn: Báo DânViệt.Net, ngày 05/3/2017)



Ảnh 1.3. Hình ảnh múa Cờ Tu ở Quảng Nam

(Nguồn: Báo Danviet.vn, ngày 05/3/2017)



Ảnh 1.4. Múa Cờ Tu trong lễ hội đâm trâu ở huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam

(Nguồn: tác giả chụp, 24/3/2017)



Ảnh 1.5. Đồng bào Cơ Tu vui múa - một hoạt cảnh trong nghi thức dựng
nêu truyền thống, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam
(Nguồn: <http://baoquangnam.vn>, 20 /6/2017)



Ảnh 1.6. Múa Cơ Tu trong hội trại ở huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam

(Nguồn: tác giả chụp, 26 /3/2017)



Ảnh 1.7. Múa Cơ Tu cho khách du lịch xem ở huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam (Nguồn: Báo Dantri.com.vn, ngày 05/3/2017)



Ảnh 1.8. Múa Cơ Tu trong hội diễn văn nghệ ở huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam (Nguồn: tác giả chụp, 26/3/2017)



Ảnh 1.9. Múa Cơ Tu trong hội diễn văn nghệ ở huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam (Nguồn: tác giả chụp, 26/3/2017)



Ảnh 1.10. Trẻ em tập múa Cơ Tu ở huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam (Nguồn: Báo Vovwold.vn, ngày 05/3/2017)



Ảnh 1.11. Đội múa Trường Phổ thông Dân tộc bán trú THCS Nguyễn Văn Trỗi, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam
(Nguồn: Báo Dansinh.vn, ngày 05/3/2017)



Ảnh 1.12. Già làng A Lăng Sơn, xã Lăng, huyện Tây Giang, Tỉnh Quảng Nam (Nguồn: tác giả chụp, 08/5/2017)



Ảnh 1.13. Vợ/chồng: ông Clâu Nâm, bà Alăng Thị Đhuốt xã Lăng, huyện Tây Giang, Tỉnh Quảng Nam (Nguồn: tác giả chụp, 08/5/2017)



Ảnh 1.14. Điệu múa Tung tung da dá của dân tộc Cơ Tu ở Quảng Nam lễ hội giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản
(Nguồn: <http://dantri.com.vn/van-hoa/quang-nam>, 08/4/2017)



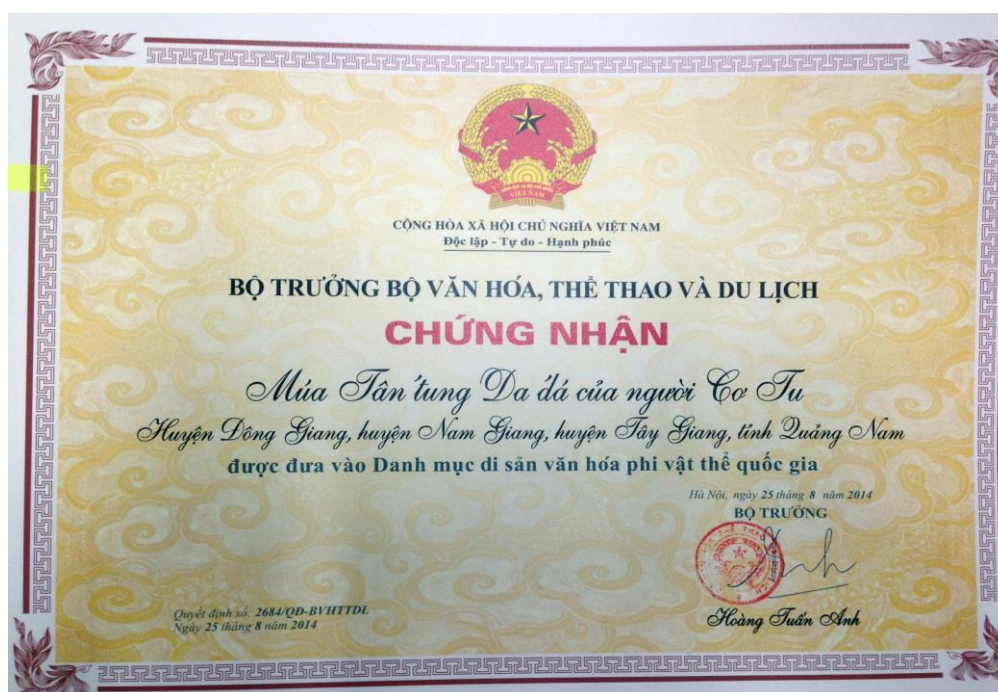
Ảnh 1.15. Múa Cơ Tu trên sân khấu Nogent - sur- Marne Tết Ất Mùi
(Nguồn: Báo Chimviet.free.fr, 10/3/2017)



Ảnh 1.16. Múa Cơ Tu trên sân khấu Nogentn - sur - Marne Tết Ất Mùi
(Nguồn: Báo Chimviet.free.fr, 10/3/2017)



Ảnh 1.17. Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Trí Thanh trao chứng nhận Di sản văn hóa phi vật thể đối với điệu múa tâng tung - da dá (múa Cơ Tu), nói lý - hát lý và nghề dệt thổ cẩm Cơ Tu (Nguồn: Báo Quangnam.vn, 10/3/2017)



Ảnh 1.18 Chứng nhận Di sản văn hóa phi vật thể đối với điệu múa tâng tung - da dá của người Cơ Tu, tỉnh Quảng Nam. (Nguồn: Ông Trần Tấn Vĩnh nguyên GD Bảo tàng Quảng Nam cung cấp, 17/4/2017)